

1^{re} ANNÉE, N° 7.

JUILLET 1918.

REVUE INDIGÈNE DE L'INDOCHINE

Organe de propagande de la Pensée Française

大越輯誌

ĐẠI-VIỆT TẬP CHÍ

MỖI THÁNG XUẤT BẢN MỘT KỶ

Giá mỗi số : 0 \$ 50

TÔNG-TÀI

...Sarcier n'est pas tout,
semer est mieux....

A. SARRAUT.

LONGXUYÊN KHUYẾN-HỌC HỘI

QUẢN-LÝ

NGUYỄN-VĂN-CU

CHỦ BÚT

Chánh-trị khoa.....	LÊ-THỨC-THANH.
Lý-tài khoa.....	HO-BIỂU-CHÁNH.
Bác-học khoa.....	NGUYỄN-ĐỊNH-CHI.
Đông Tây thời vụ.....	LÊ-THƯỜNG-TIÊN.
Au Á từ đàng.....	ĐẶNG-THỨC-LIÊNG.



SAIGON

IMPRIMERIE DE L'UNION NGUYỄN-VĂN-CU

157, Rue Catinat, 157

1918



Yêu mục

	trương
CHÁNH-TRỊ KHOA	1. Lời Chánh dụ cho dân Bắc-ký..... 603 2. Việt nam Chánh trị lược biên..... 609 3. Sự ca nhạc trong nước Nam..... 615 4. Đề hình sự vụ (Về sự tịnh biên điển thỏ)..... 617
LÝ-TÀI KHOA.....	1. Đại-Việt Tài nguyên..... 629 2. Nông-nghiệp Tương-tê ngân-hàng... 637 3. Đệ Huynh tranh luận..... 641 4. Hàng Hóa nhập khẩu..... 646 5. Các mỏ đồng trong Thê giới..... 649
BÁC-HỌC KHOA.....	1. Thương vụ luật-lệ..... 651 2. Địa lý học..... 662 3. Đại pháp Văn minh lược-biên..... 672
ĐÔNG TÂY THỜI VỤ	1. Đại thắng Trận « La Marne » thứ nhì Binh Liêng-Hiệp đại thắng..... 675 2. Quan cựu Tổng-Thống tứ trận..... 677 3. Âu-châu chiến-sự..... 678 4. Ít lời thăm thiết..... 682 5. Được thưởng Médaille Militaire..... 683 6. Cuộc thương A-lơ-măn tại Huê-kỳ khi rời giặc..... 683 7. Phong tục xứ Xiêm..... 684 8. Mười ngày ở Huê..... 685
ÂU A TỪ ĐÀNG	1. Tế Trấn thanh Cẩn tòng chinh trận vong..... 695 2. Khóc ông Phạm-duy-Thiệu..... 699 3. Hoài hữu..... 699 4. Đưa bạn đi tu..... 699 5. Trăm năm vách phân để thơ, nhiều nơi sang cả quyết chờ duyên anh... 699 6. Ký dữ Bồng dinh..... 700 7. Chúc mừng Đại-Việt..... 700 8. Tặng Đại Việt..... 700 9. Gocong phong cảnh..... 701 10. Ái liêu từ..... 701 11. Rằm tháng giêng năm ụ..... 704 12. Luận văn..... 706 13. Vọng tây tiểu thuyết..... 709

GIÁ BẢN TẬP CHÍ

Một năm.....	5 \$ 00
Sáu tháng	3 . 00
Mỗi số.....	0 . 50

Ai mua Tập-chí hoặc muốn biện luận việc chi thì xin gửi bạc hay lá thư cho M. Nguyễn-văn-Cư, Quản-lý Đại-việt tập chí tại Longxuyen (Cochinchine).

Những bài gửi đến xin ân hành vào tập chí, nếu bốn-quán xét in chẳng tiện thì chủ gửi không phép đòi bốn thảo lại.

Ai muốn lấy những bài có ân hành trong tập chí này mà in vào đâu thì trước phải xin phép chủ bút nào viết bài ấy đã.

Còn như lấy ý kiến trong bài ấy mà luận lại, thì phải chỉ rõ căn nguyên bài ấy mới được.

QUẢNG CÁO

Về sự hiệp Nam-phong với Đại-việt-tập-chí làm một bản.

Trong chương trình giáo dục của quan Tổng-thống Toàn-quyển A. Sarraut lập ra mà khai-hóa chúng ta, ngài quyết ý hiệp nhứt tiếng nói trong tam-kỳ là Bắc-kỳ, Trung-kỳ với Nam-kỳ.

Chúng tôi vừa thấy ý ấy thì lấy làm đặc chí lắm. Chúng tôi bèn trù nghĩ cách hiệp nhứt cho mau. Theo trí tưởng của chúng tôi, thì không chi hay cho bằng chọn mỗi xứ trong tam-kỳ năm ba người danh học rồi xin chánh phủ lập viện Hàng-lâm mà nghị định tiếng nói chung ; hay là cử một hội Ủy-viên hoặc ngoài Bắc, hoặc trong Nam, để phiên dịch ra tiếng bốn-quốc, một bộ tự vị Langsa nào hay hơn hết và đủ hơn hết, rồi trong tam-kỳ cũng phải chọn người danh học hai thứ chữ (chữ Langsa và chữ Annam) hiệp nhau mà công luận đặng sửa lại cho rành, để mà thông dụng với nhau.

Mà làm cho nên các việc ấy, không phải dễ lại cũng chẳng mau được. Tuy vậy, trong lúc chúng ta ao ước và chờ cho có người vì quê-hương xướng ra làm cho thành tựu việc ấy, thì chúng ta hãy cứ lo dọn đường mở nẻo lần lần. Cách làm đây là viết báo giới.

Và chẳng từ khi ngoài Bắc, trong Nam có báo giới đèn nay, thì đã thấy có người Nam dùng một ít

tiếng Bắc, mà cũng có người Bắc dùng một ít tiếng Nam ấy là nhờ người trong đọc nhật báo người ngoài, còn người ngoài đọc nhật báo người trong, nên lâu ngày quen hiểu với nhau mà dùng chung được vậy. Song xét lại nhật báo xứ nào thường xứ nấy đọc, chớ ít người đọc hết hai thứ báo nên tiếng nói hai đảng chậm thông dụng lắm.

Chúng tôi đương suy nghĩ việc đó, thỉnh linh có ông Phạm-Quỳnh là Quản lý kiêm chủ-bút tập chí Nam-phong ở Hanoi sang Nam-kỳ đến viên chúng tôi, tỏ ý muốn nhập Nam-phong với Đại-việt làm một bản. Chúng tôi nghe lời ấy thì lấy làm đẹp dạ, vì một là số người đọc tập chí ác phải đông, hai là người xem tập-chí, được thông hiểu hai thứ tiếng: tiếng Nam và tiếng Bắc.

Bởi vậy chúng tôi liền đến xin phép chánh phủ Đông-dương. Chánh phủ đã sẵn lòng cho phép lại còn hứa thi-ân cho mau thành sự.

Tập chí mới sẽ xuất bản tại Hanoi kể từ 1er Janvier 1919 vi thí.

Tập chí đó đã nhiều trương lại có ân hành hình tốt, sẽ lấy hiệu Nam-phong và Đại-việt-tập-chí mà hiệp lại, sẽ chia ra làm hai phần: một phần thuộc Bắc và một phần thuộc Nam.

Phần thuộc Bắc cũng viết theo lời Nam-phong, còn phần thuộc Nam thì các chủ-bút Đại-việt-tập-chí cứ do theo chương-trình cũ mà viết nội theo cho khỏi đứt khoản.

Ấy vậy, Đại-việt số này là số chót, khán quan, ông nào mua trọn năm xin chịu phiền đợi đôi tháng nữa,

chúng tôi sẽ gởi tập-chí mới tiếp theo cho đủ mười hai số.

Nhưng mà muốn cuộc này cho mau hoàn toàn, thì trước hết, chúng tôi phải tính toán cho thanh các khoản tổn phí dùng mà lập quán Đại-việt tập chí tại Longxuyên. Vậy nên, chúng tôi xin mấy ông nào có lòng tốt đọc Đại-việt tập-chí mà chưa trả tiền, thì nhớ mua mandat gởi cho M. Nguyễn-văn-Cur ở Longxuyên như cũ. Hễ bốn-chí được tiền, tức thì làm biên nhận gởi lại liền. Mà sợ e có ông không rảnh, hoặc ở xa xuôi đi đến nhà giấy-thép không tiện đăng gởi bạc, thì chúng tôi xin cảm phiền để cho chúng tôi cậy nhà giấy thép sai người cầm biên lai đến thâu cho dễ.

Khánquan có lòng giúp bốn-chí nên việc cả, thật là ân to cả.

Đại-việt tập-chí
Phi-lộ.



ĐẠI-VIỆT TẬP CHỈ

REVUE INDIGÈNE DE L'INDOCHINE

CHÁNH-TRỊ KHOA

Lời Thánh-dụ cho dân xứ Bắc-kỳ

Bốn chí lấy làm hân hạnh mà thấy trong Tập-chỉ Nam-phong có ân hành một bài Thánh-dụ cho dân ở Bắc. Trong Thánh-dụ ấy, Hoàng-thượng vẫn nhắc truyện-xưa tích-cũ mông lúc thái-bình, than hồi ly loạn ; tụng-dương vua Thánh, trọng-trách tôi gian ; lại cảm ơn nước Bảo-hộ có dạ mở mang, rồi khuyên nhủ dân Bắc-kỳ hết lòng học hỏi ; cả thấy là lời vàng ý ngọc, giá đáng không ngần.

Bốn chí có một lời xin tiếp là cả khuyên đồng bào ta ở xứ Nam-kỳ hãy ghi tạc lời ấy vào lòng, rồi cũng ra công gần sức nương thấy Đại-Pháp mà tâm bộ văn-minh.

*Làm làm sao cho chẳng luông công thấy,
Làm làm sao cho rỡ danh Pháp-Việt.*

Hoàng-Thượng sau khi hồi loạn cô ban ra một đạo Thánh-dụ khuyên kẻ thân dân xứ Bắc về đường học-hành tân-hoá.

Bổn-báo xin dịch ra đây cho quốc-dân kính đọc cho thấu hiểu lời vàng ý ngọc của Hoàng-Thượng :

« Dân là gốc nước, gốc có bền thì nước mới yên.
 « Vua là chủ dân, chủ nều suy thì dân phải loạn. Vì
 « vậy, bề trên phải lo toan trị đạo, đừng sai cách
 « chăn-nuôi ; kẻ dưới phải noi giữ cang-thường,
 « đừng quên lòng ưu-ái. Vua dân nhứt thể, trên
 « dưới đồng lòng, dốc một niềm về tư-tướng quốc-
 « gia, để cô lên tới chỗ văn-minh cực-điểm, thì trị
 « yên giàu mạnh, tướng không biết đến đâu là cùng.

« Nước ta là nước Quân-chủ, văn-minh khai-hoá
 « kể cũng đã lâu đời rồi. Duy trong đó hồi thanh con
 « suy, vận-hội đã khác, người trên kẻ dưới, tình-ý lại
 « chia, đến nỗi bước đường văn-minh sanh nhiều trở
 « lực, có phải cái tiền-đồ tân-bộ chận ngan đến thế
 « mà thôi đâu. Đinh, Lê, Lý, Trần, mấy triều trước
 « khi trị khi loạn, đã có chừag-nghiệm rõ ràng, gần
 « đến cuối đời Hậu-Lê, họ Trịnh chuyên quyền, nhà
 « Mạc cướp ngôi, chí lo đoạt lợi tranh quyền, kể gì
 « đến dân đến nước, cang-thường diên-đảo, Nam-
 « Bắc chia lìa. Kẻ đến giặc Tây-sơn gian-hùng thiết
 « cứ, liên năm binh-hỏa, dân khổ lắm than.

« Đức Thê-Tổ Cao-Hoàng-Đề ta siêng lo việc nước,
 « thương xót tình dân, ăn gió năm sương, chẳng nài
 « gian hiểm, nấu thân nơi Vọng-các, gọi con ở Ba-ri,
 « cờ nghĩa kéo lên, tới đâu vô địch, khi ấy diệt hết
 « loài gian, thấu hồi nghiệp cũ, khắp tìm Lê-Hậu, lại

« giúp trung hưng, không ngờ con cháu nhà Lê, tìm
« khắp không còn ai cả, thật lòng trời dung rũi, khiến
« chơn-nhân ứng vận mà ra !

« Đức Thê-Tổ ta thuận theo ý trời, lên ngôi Hoàng-
« Đế, ba Kỳ thông-nhứt, đức hoá tuôn dào. Thần
« Thánh nổi truyền, nước nhà thanh trị. Muôn nhà
« đờn hát, trăm họ âm no. Công đức bình-thành, chảy
« ra đã khắp. Vậy thì Quân-chủ chánh-thể chẳng
« phải là cái đặc-sắc văn-minh của nước ta mấy ngàn
« năm nay sao? chỉ hểm cơ-xảo trí-hoá chưa được mở
« mang, như găm chưa thêm hoa vậy. Chẳng may
« gặp cơn quốc biến, vua bé tôi gian ; phần thì trong
« nước học chỉ theo Tàu, người còn thủ cựu, các
« khoa cách-trí hoá-học đều thua sút người ta ; gia-
« dĩ quyền-thần bạt-hổ trong triều-đình, không nghĩ
« giao thông cùng hoàn-bãi, thú-mục tâm thương
« ngoài các tỉnh, không lo điều dắc cho nhơn dân.
« Nhờ Đại-Pháp là một nước văn-minh tiên-giác,
« sang khai hoá cho nước ta, thật là cơ hội rất tốt,
« ngặt vì đương lúc kiên văn còn hẹp, không rõ tình
« ý, sanh bụng nghi ngờ. lại sợ rằng Đại-Pháp chiêm
« đoạt nước ta, kháng cự để phòng. cảm đến cả
« thông thương truyền đạo, thành ra mây trang
« nghĩa sĩ, châu chực đá voi, một bọn quyền thần.
« trứng hồng chọi đá, đèn nổi trời long đất lở, nước
« phá, dân tàn, lắm một chút mà lưu hoạ biết là
« dường nào. May mà nước lớn rộng bụng nhơn-tử
« dộc tình tín-mục, biết quân-chủ chánh-thể là cái
« đặc-sắc văn-minh của nước ta, không thể nào bỏ
« được, chỉ nhơn cái văn-minh của nước ta sẵn
« có mà sửa sang lần lần, bèn đón lập đức Cảnh-tôn-

« thuấn-Hoàng-Đề (1) ta, cầm quyền nước, để định
 « lòng dân, nhưng lúc ấy ngoài Bắc trong Nam còn
 « đương bồi rồi, chỗ xưng nghĩa hội. chỗ xưng cần
 « vương, đại cực chưa yên, bốn phương nhiều việc.
 « Đức Tiên-đề ta lên ngôi buổi đầu, giản dụ trong
 « Nam, đi tuần ngoài Bắc, thấy đều sợ oai mên đức,
 « lần lượt dẹp yên. Đương cùng với quan cô Toàn-
 « quyền đại thần Bôn-Be (Paul Bert) hiệp lực cùng
 « lòng lo toan mọi việc, sửa củ thay mới, chung Âu
 « Á lại một lò, để mở mang trí thức cho nhân-dân,
 « diu dắt lên đường tân-hoá, không ngờ ngày giờ còn
 « ít, công hiệu chưa nên, mà xe-rông vội đã thượng
 « tân, chẳng qua là lòng trời chưa muốn cho dân ta
 « được trị vậy. Thương ôi ! Từ ấy về sau, kẻ năm
 « trót gần ba chục, tuy ngôi thần có chữ mà tượng gỗ
 « làm vì, Chánh-phủ Bão-hộ vì thấy triều cương bất
 « chân như thế, nên việc cai trị Trung Bắc mới tách
 « làm hai, mà danh nghĩa triều-đình vẫn giữ không
 « bỏ, ấy là sợ chủ suy thì dân phải loạn, có ý vì nước
 « ta mà lo liệu giùm cho.

« Trâm đây tư chất tâm thường, đức ít tài mọn,
 « nhưng ở lâu trong phiên phục, đường chánh trị
 « cũng hơi biết đại cương, một là phải theo phép-
 « tắc của liệt-thánh đời xưa, hai là phải nương
 « chánh-sách của chánh phủ Bão-hộ, đều tề bổ bớt
 « đều hay sửa thêm, ấy là cái chánh-trị yêu-chước
 « của nước ta bây giờ vậy. Đương muốn hạ thủ thiết-
 « hành, cùng với quan Toàn-quyền đại thần Xa-rô,
 « hiệp sức đồng lòng, làm các việc ích lợi cho dân,
 « cho khỏi phụ lòng dân trông đợi, lại sợ dân gian kẻ

(1) Tức là Đức Đồng-Khánh.

« ý nầy người ý khác, phụng hành hoặc có chỗ sai,
« nên lên-ngôi buổi-dầu, liền ban lời dụ, chia làm ba
« yêu-chánh, rao trước cho dân hay, tuy ý nói cận
« thường, mà coi đó đủ rõ cái cơ tân-hoá. Đền nay
« noi theo cổ điển, đi quang-phòng tới xứ nầy, xét
« biết lòng dân thân-thuợng tôn-quân vẫn y như cũ
« cái thành-ý hoan-nghênh, cái thân-tình kính-mên
« trong hoàn-câu để không mây nước dân ở với vua
« như thê, lòng Trẫm rất lây làm vui. Ngó bây giờ
« mà chạnh nhớ đền ngày xưa, khiến vô-hạn cảm-
« hoài lai-láng. Còn nhặng quang-cảnh trong mây
« ngày Trẫm trải khắp, nào là phổ-xá đông nhiều
« như thê, ruộng đất mở mang như thê, việc buôn
« bán thịnh-vượng như thê, việc biên-phòng nghiêm-
« mật như thê, cho đền các học trò trường học khôi-
« ngô tế-chỉnh là đường nào, các núi sông hiểm-yêu
« tứ-thông bát-đạt là đường nào, khắp một xứ Bắc-
« kỳ thành một bức giang-san cảm-tú, mới biết
« Chánh-phủ Bảo-hộ kinh-dinh ở xứ nầy, công trình
« khai hoá, thiệt là cái thũ đoạn hay giới bật nhứt.
« Sau nầy tân-hoá còn chưa biết đền đâu là cùng.
« Nghĩ lại thì rõ biết hơn cái văn-minh của nước
« ta sẵn có, mà sửa sang nên được như thê. Coi
« thê thì cái cuộc Pháp-Việt để-huế, không khi nào
« lià nhau được ; dân của nước ta cũng đều là dòng
« giống thông minh cả, tưởng lẽ đó cũng thông
« hiểu hết, không đợi Trẫm nói nhiều lời. Chỉ
« khuyên dân ta gắng sức mà làm, tân hoá đã có cơ
« hay, học hành lại thêm phân-chân, thì thành-đạt
« ehàng là mau lắm, khác nào như mưa thuận gặp
« trời, cây cỏ thấy đều tươi tốt, còn lo gì tiểu-tụy
« nữa ru ? Nói về việc làm thợ, thì trước vụng m

« bây giờ khéo ; nói về việc học, thì trước dờ mà bây
« giờ thông ; Nói về việc buôn bán thì mỗi lợi đã
« thâu được một vài ; nói về việc ruộng rẫy, thì
« thầy đã ngày ngày thêm nở. Cơ tân-hoá rõ ràng
« như thế, đều nhờ có Chánh-phủ. Bảo-hộ làm thấy
« hướng-đạo cho ta. Trăm khuyên dân ráng học cho
« nên, bắc chước cho được, một ngày kia lên tới văn-
« minh cực-điểm, tiếng-tâm lừng-lẫy trong cõi Á-
« Đông này, khởi phụ công Chánh-phủ Bảo-hộ tác-
« thành cùng lòng Trăm trông cậy, vậy chẳng tốt
« lắm ru ?

« Ôi ! Cách-tệ cái lương, vốn nên theo thầy giỏi,
« tân tài rộng học, lại phải mang ở dân mình. Phàm
« con dân ta khá tua gấn sức.

« Tờ dụ-nầy chuẩn thông lục cho mọi nơi đều biết. »

(Rút trong *Tạp-chí Nam-phong*).



Việt-Nam Chánh-trị lược biên

(TIẾP THEO)

Từ năm 1879 tới nay

Đến tháng Mai năm 1879. tại Namkỳ mới có một ông quan văn làm Nguyên-soái; ngài tên Le Myre de Villers (Lơ-mya-dờ-Vi-le)

Khi ngài mới đến trấn nhậm Nam-kỳ, ngài thấy trên thi quyền của quan Nguyên-soái lớn quá, nhất là trong việc thuế vụ, thu xuất không có ai kèm chế độ; dưới thi quyền xử-đoán trừng phạt và quyền cai trị đều thuộc về một tay quan Tna x-biện hết, nên ngài hết lòng lo tổ chức việc chánh trị lại.

Trước hết, ngài xin Chánh-phủ Mầu-quốc ban-bản chỉ dụ ngày 8 Février 1880 tổ chức Hội-đồng Quản-hạt, chủ ý cho dân Pháp ở trong xứ này và dân Bồn-quốc đặng chung dự vào việc Chánh-trị, nhất là có người kiểm tra và tiết chế việc tài-chánh (finances) trong xứ. Trong hội-tổng ấy, có sáu hội-viên Annam. Từ đây dân Bồn-quốc mới đặng mon-men bước theo chung dân Pháp mà học biết việc tuyên cử người thay mặt cho mình đặng giữ gìn quyền lợi cho mình. Tiết thay gần 40 năm rồi mà quốc-dân ta học chưa biết rõ cái quyền trọng hệ ấy. Sau tôi sẽ luận lại cho rõ ràng về sự tổ-chức Hội-đồng quản-hạt và quyền tuyên cử của dân.

Qua năm 1881, quan Nguyên-soái Le Myre de Villers xin ban hành chỉ-dụ ngày 25 Mai 1881 tổ chức sở Tài-phán (la justice) trong Namkỳ. Từ này về sau mới phân định quyền của các quan Chánh-bố và các quan án ra (Séparation des pouvoirs) rõ ràng: Quan Bố chỉ giữ quyền Chánh trị còn quan án thì lãnh quyền xử đoán.

Nhưng vậy mà ngài còn e nếu thu hết quyền trừng phạt của quan Chánh-bố thì Quốc-dân ta không còn thấy rõ cái Đại-quyền

(souveraineté) của Pháp-quốc nữa, khó bề cai trị, nên ngài thượng tồ về xin Đức-giám-Quốc định cho các quan Chánh-bố còn quyền phạt dân bần-quốc phạm tội trái lẽ luật thiết hành trong bần địa (arrêtés locaux en vigueur) và quan Nguyên-soái còn đăng quyền định cố-cấm (interner) dân Bần-quốc và dân Á-châu (Asiatique) phạm tội làm loạn, và tạm-áp (séquestrer) tài sản của mấy người phạm ấy.

Chỉ dụ ngày 25 Mai 1881 nói trên đây định lập Tòa-sơ tại Saigon, Biên-hòa, Mỹ-tho, Bến-tre Vĩnh-long, Châu-đốc và Soc-trăng với một tòa khống-Tổ, tại Saigon. (Cour d' appel).

Tại Tòa-sơ Saigon có một quan Chánh-tòa, một quan Bồi-thẩm, bốn quan phó Tài-phán (juges suppléants) một quan Biện-lý và một quan phó Biện-lý. Tại tòa sơ mấy tỉnh kia có một quan Chánh-tòa, một quan Bồi-thẩm, một quan phó Tài-phán và một quan Biện-lý.

Tòa Khống-tổ tại Saigon chia ra làm hai phòng: Phòng thứ nhứt (1^{re} chambre) xét án Tòa-sơ xử các vụ của người Pháp và người Âu-châu; phòng thứ nhì (2^e chambre) xét án Tòa-sơ xử các vụ của người Bần-quốc và người Á-châu.

Tại Tòa khống-tổ có một quan Chánh-đồng-lý (Président) một quan Phó-đồng-lý (Vice Président) chín quan Nghị-án, (Conseillers) một quan Chưởng-lý đề hình (Procureur général) ba quan Chưởng-lý-tá-nhị (bốn ông sau này làm quyền Biện-lý).

Mỗi kỳ ba tháng, tại các tòa Đại-hình xử một kỳ. Tòa Đại-hình Saigon thì có ba quan nghị án (Conseillers) và hai ông Thẩm-án (Accesseurs) hoặc Langsa hoặc Annam. Tòa Đại-hình mấy tỉnh kia thì có một quan nghị-án, hai quan Tòa và hai ông Thẩm-án.

Đến năm 1882, người khách-trú bày lập Thiên-địa-hội trong xứ nhiều lắm, sợ e làm rối loạn, nên Chánh-phủ ban hành chỉ-dụ ngày 5 Octobre 1882 định cho quan Nguyên-soái Nam-kỳ có quyền phạt những làng nào có Thiên-địa-hội hay là các Bang nào mà người trong Bang lập Thiên-địa-hội, phải đóng một số Quyên-thuế riêng (Contribution spéciale) cho Nhà-nước để mà ngừa sự rối loạn trong xứ.

Từ năm 1881 tới nay, Chánh-phủ Đại-Pháp đem luật-hình của Mâu-quốc mà ban hành trong xứ này, và tổ chức sở Tài-Phản lại, thì quyền trừng phạt của tổng làng Annam không còn một mảy nữa. Bởi vậy dân càng ngày càng khó trị và trộm cướp càng ngày càng thêm, vì dân Bôn-quốc tánh tình khác, phong tục khác hơn dân Pháp, chưa hiểu đặng sự khoan-đại của luật-pháp Mâu-quốc, nên vồng dưng (Abuser) sự khoan-đại ấy rồi trở nên bất trị.

Luật bình Đại-Pháp chẳng phải làm cho dân Bôn-quốc trở nên khó trị mà thôi, lại còn làm cho bại hoại phong thể tốt trong gia-đình của quốc-dân ta nữa. Vì vậy nên trộm cướp và du đảng càng ngày càng nhiều.

Trong năm 1880 quan Nguyên-soái Le Myre de Villers lập cơ lính-tập Annam tại Nam-kỳ và bớt số lính Ma-tà.

Cũng trong năm ấy ngài tổ chức sở Thương-chánh, sở Tân-đảo, sở Vưu-chánh-diễn-tin (Service des Postes et des Télégraphes) và sở Tạo-tác (Service des Travaux publics).

Ngài thương nghị với Hội-đồng Quản-hạt mới lập ra nhóm kỳ đầu hết trong năm 1880, định đắp đường Saigon-Biên-hòa-Baria; đường Saigon-Tây-ninh; đường Saigon-Thudaumot; đường Saigon-Mytho; đường Tân-an-Gocông; lại định cho phép hai Công-ty lập đường xe lửa Saigon-Cholon và Saigon-Mytho, và định cho hãng tàu Nam-vang (C^{ie} des Messageries Fluviales) mới lập ra đặng phép chở thư từ và bộ-bành của Nhà-nước đi trong các tỉnh ở dựa theo sông Cửu-long-giang.

Cũng trong năm 1880 ngài định trong mỗi hạt quan Chánh-Bố mỗi năm phải nhóm Cai phó tổng lại hai kỳ mà bàn nghị về việc đường sá cầu-ký. Qua năm 1882 ngài ban hành lời nghị, đề ngày 12 Mai, định lập Hội-đồng Địa-hạt trong mỗi hạt. Hương-chức các làng trong mỗi tổng cử một hội-viên. Hội-đồng Địa-hạt đặng quyền bằng nghị mà thôi, chớ không đặng quyền định quyết. Quan Chánh-bố làm đầu hội ấy. Sau tôi sẽ luận lại về việc tuyển cử Hội-viên và quyền-hành của Hội-đồng Địa-hạt.

Ngài lại định buộc các quan chánh bố phải lập sổ phòng định thâu xuất địa-hạt ra bằng chữ Langsa và chữ quốc-ngữ đăng trình cho Hội-dồng xét trước cho dễ.

Ngài dòm thấy sự thâu thuế vụ trong các làng còn lộn xộn lắm: Bộ đình, bộ điền còn lộn xộn sơ lược; nhưt là trong bộ điền, số điền-địa mười phần đem vô không đăng ba. Thuế điền thì chia ra có hai hạng: hạng nhưt là thuế thảo-diền mỗi mẫu 8 quan tiền Langsa nhằm gần 2\$, hạng nhì là sơn điền mỗi mẫu 4 quan tiền Langsa nhằm chừng 1\$. Theo ý ngài, tại thuế nặng quá nên điền-chủ a ý với hương chức làng khai đem vô bộ ít đất đăng khởi bị đóng thuế nhiều. Ngài nghĩ như vậy mới bàn định với Hội-dồng Quãn-hạt sục số thuế và chia thêm một hạng điền nữa. Vậy khởi sự đầu năm 1881 chia điền-địa trong Nam-kỳ ra làm ba hạng: Hạng nhưt đóng thuế mỗi năm 3 quan tiền Langsa nhằm chừng 0 \$ 75, hạng nhì đóng thuế mỗi năm 2 quan tiền Langsa nhằm chừng 0 \$ 50; hạng ba đóng thuế mỗi năm 1 quan tiền Langsa nhằm chừng 0 \$ 25.

Phần thuế đình tới năm 1880 còn nặng lắm, nên ngài cũng định giảm bớt. Trong lúc ấy mỗi tên dân phải đóng tới 22 quang tiền Langsa thuế đình, nhằm chừng 5 \$ 50, trong số ấy chia ra thế-chánh 2 quang, thực phần binh-dịch 10 quang, thực phần công sự 10 quang.

— (Trong số ấy không kể số bạc phụ cho làng không định đăng). Kể từ năm 1881 ngài định giảm thế đình chung hết mỗi tên dân còn có 3 quang tiền Langsa mà thôi. Tuy vậy mà trong làng cũng còn thâu thực phần binh dịch đăng mướn người đi điền lính tập.

Thuế điền thuế đình tuy giảm xuống nhiều như vậy mặt dầu chớ số thuế thâu vào kho không bớt, bởi thế nhẹ, nên điền chủ khai đem vô bộ số đất nhiều hơn trước; số đình cũng thêm vậy.

Từ năm 1880 trở lại trước, mỗi tên dân mỗi năm phải đi làm cho tới 48 ngày xâu. Quan Nguyên-soái Le Myre de Villers thấy như vậy nặng nề cho dân quá, nên ngài định kể từ năm 1881 hạ 48 ngày xâu ấy xuống còn 5 ngày và định dân đi làm

chẳng đáng cách xa nhà hơn sáu ngàn thước. Như vậy thì lấy làm nhẹ nhàn cho dân hết sức. Rủi thay cho dân ! Từ năm 1882 khi ngài từ chức Nguyên-soái Nam-kỳ, thì Chánh-phủ chẳng ban hành lời nghị năm 1880 nữa, bề khi nào cần dùng dân xấu đắp đường đào kinh thì bắt dân đi làm cho đủ, có khi làm xấu hơn một tháng, một tháng rưỡi mới rồi một phiên xấu, và phải đi làm cách làng mình hơn hai ba tổng, cực khổ nói chẳng xiết. Vì vậy nên dân sợ đi làm xấu lắm. Có người chịu mượn người khác đi thế cho mình tới hai ba chục đồng bạc một phiên xấu. Mấy năm nay có nhiều quan Chánh-Bổ khoán-nhơn cho dân thực phần công sưu hết, chừng có công việc đắp đường đào kinh, thì mượn công dân làm. Như vậy thì dân lấy làm hân hạnh lắm.

Cũng trong năm 1880, ngài định tăng thuế xuất cảng lúa gạo, thuế rượu và thuế á-phiện.

Xét lại các sở hành của quan Nguyên-soái Le Myre de Vilers thì thấy tại Nam-kỳ ta, thì ngài có lòng khoan-nhơn đại độ chẳng cùng. Vậy nên quốc-dân chẳng nên quên tên ngài và ơn đức của ngài.

*
* *

Từ ấy tại Saigon, trên hết có quan Nguyên-soái thay mặt cho Chánh-Phủ Đại-Pháp mà trị dân Nam-kỳ; dưới có các quan kể ra sau đây phụ giúp ngài;

1^o — Tại Soái-phủ, có một phòng Soái-phủ quân-Lý-ty (Cabinet du Gouverneur) một Phòng mật-ngự-viện (conseil privé) một phòng Binh vụ (Bureau militaire) một phòng giao-thiệp (Bureau politique). Hai phòng sau này từ khi có quan Tổng-Thống Đông-dương thì nhập về tại Tổng-Thống Đông-dương Toàn-quyền soái-phủ (Cabinet du Gouverneur général de l'Indochine).

2^o — Quan Hiệp-lý tra xét trước công việc của các sở và của các Tham-biện gửi về rồi trình cho quan Nguyên-soái phán đoán. Khi quan Nguyên-soái vắng mặt, thì quan Hiệp-lý đăng lãnh quyền chức Nguyên-soái.

Tại dinh quan Hiệp-lý có một phòng riêng để cho Hội-đồng quân-hạt nhóm.

- 3^o Quan Lục-quân Đề-đốc,
- 4^o Quan Thủy-sư Đề-đốc,
- 5^o Quan Chưởng-lý đề hình, cai quản Tài-Phán.
- 6^o Quan Quản-đốc sở Vưu-chánh điền tìn.
- 7^o Quan Quản-đốc sở Tân-đáo,
- 8^o Quan Quản-đốc sở Tuần-phòng,
- 9^o Quan Quản-đốc sở Tạo-Tác,
- 10^o Quan Quản-đốc sở Thương-chánh thuế,
- 11^o Quan kiểm sát chánh ngạch thuế vụ,
- 12^o Quan Đốc-học chánh.

Saigon và Cholon đặt nên Thành-phố theo bên Đại-pháp. Sự cai-quản trong Thành-phố thì giao cho một hội kia gọi là Hội-đồng Thành-phố, cũng như sự cai-quản trong làng giao cho Hương-chức bản Hội-tề vậy. Song trong Hội-đồng Thành-phố, ông Xã là lớn hơn hết, quyền hành phán đoán về tay người.

Ngoài các sở kể trên đây tại Saigon còn có một sở Tòa-sơ, một sở Tòa Khống-lố, tục kêu là Tòa Hai-mươi, một sở Tòa-tạp-tụng, một sở nhà-thương để cho các quan và lính Langsa nằm dưỡng bệnh, tục kêu nhà-thương đồng-đất, một đồn lính Langsa, một đồn lính tập Annam, một sở vườn trồng đủ các hoa-quả và nuôi đủ thú vật chim chóc trong xứ, tục kêu là sở thú; một sở Khám-đường tục kêu là khám-lớn.

Tại Chợ-quán thuộc về Châu-thành Cholon có lập một sở nhà-thương để các viên-quan viên-chức bôn-quốc và lính-tập nằm dưỡng bệnh.

Trong mỗi hạt bên bờ có một quan chánh Tham-biện cầm quyền chánh trị, một quan phó Tham-biện, một ông Thừa-biện (commis) lãnh quyền quan kho-bạc, một ông Đốc-công chuyên việc tạo-tác, một ông quản sở Thương-chánh, ấy là viên-quan Langsa.

Còn viên-quan Annam thì có quan Phủ, quan Huyện Cai-tổng, Phó-tổng, dưới nữa thì có làng xã.

Hạt nào có Tòa-sơ, thì có thêm quan Chánh-tòa, quan Biện-lý, quan Bồi-thẩm và một vài quan Lục-sự.

Tại Tòa-bố và Tòa-án có Thông-ngôn và Ký-lục bốn-quốc giúp việc.

Hạt nào có lập trường học chữ Pháp rồi, thì có một quan Đốc-học Langsa.

Việc nói trên đây là việc Chánh-trị trong lúc quan Nguyên-soái Le Myre de Villers đương hành chánh tại Nam-kỳ, Sau tôi sẽ nói tới các việc đời đời từ ấy đến ngày nay.

(Sau sẽ tiếp theo)

Thúc-Thanh.

Sự ca nhạc trong nước Nam

Dân Annam cũng là người thuần nhã trong việc trí, việc lòng: Cuộc văn chương nước Nam hãy còn sờ sờ đó mà làm chứng, Lục-Vân-Tiên, Kim-Vân-Kiều và bài ca bài phú khác vô số, mỗi mỗi đều tỏ dấu dân Annam hăng trau lòng giỏi trí.

Một mình văn chương tuy cũng là một cách hay, đề cho người tố tình mặc dầu, chớ khi nào có cung giọng phụ vào thì cái hay ấy sẽ thêm nữa.

Ví như gặp một bài ca hay, bẽ lấy con mắt mà coi không, thì trong trí mình biết bài hay, mình hưởng ý-tứ bài-ca mà thôi; còn như mình ca bài ấy thì mình mới hưởng sự hay nhiều hơn nữa: một là hưởng ý tứ, hai là hưởng cung giọng êm ái. Như có tiếng nhạc đưa tiếng người, thì mình lại hưởng sự hay của bài ấy, nhiều một bậc nữa. Vì nhạc làm cho cung giọng người ra cao, ra dài, ra thanh thoai:

Giọng kim, giọng tơ, giọng trước hoà với giọng người, thì lấy làm êm tai đẹp trí lắm.

Người Annam vốn cũng là người biết hưởng mùi đời, biết dùng kim, tơ, trước, mà làm cho cái đời ra vui, ra đẹp: nhạc hát bộ, nhạc song hĩ, nhạc bắc, nhạc nam cùng là các cuộc dờn ca khi đám tiệc vân vân, đều là cuộc nhạc bày ra cho con người vui chơi. Nhạc, bày còn để làm việc trọng khác hơn là việc vui chơi. Trong đình trong chùa, khi cúng tế, cũng có nhạc; đời xưa. Nhà nước cũng dùng nhạc trong cuộc chánh trị.

Bên Tàu thuở thượng cổ, là đời vua Thuấn cũng đã có nhạc nhà nước gọi là Nhạc-thiếu.

Hồi nay mỗi nước bên Âu-châu, đều có bài ca-nhạc riêng của nhà nước để làm quốc-ca, quốc-nhạc.

Ấy là một cuộc rất lịch sự cho nhà nước.

Trước hết bài quốc-ca, quốc-nhạc là tỏ chí khí cả và nước cho nước khác biết.

Sau lại ấy là một cái chí để cho nước khác dùng mà làm tốt, mà tiếp rước vua chúa, vì hễ nước khác mà tiếp rước vua nước nào, thì theo phép lịch-sự phải đánh quốc-nhạc nước nấy.

Rốt lại bài quốc-ca, quốc-nhạc vì là bài của cả và dân sự, nên trong mấy cái lễ lớn nổi lên cho dân nghe thì lấy làm một việc tốt lắm.

Thấy các nước đều có Quốc-ca quốc-nhạc mà nước Annam chưa có thì cũng buồn.

Cho nên trông cho Triều-Đình Huế, làm làm sao mà lập một bài quốc-ca cho hay, lập một dàn Quốc-nhạc cho tuyệt, ngõ cho đủ thể thống cùng các nước.

Nước Annam mới lập ngày lễ kỷ-niệm ấy là một bước mở mang trong cuộc chánh-trị, mà ngày lễ kỷ-niệm ấy, nếu không có quốc-ca quốc-nhạc, thì e khi không đáng rõ ràng chẳng.

Bài quốc-ca vốn là để cho cả và dân sự hiểu, nên lẽ phải dùng tiếng Annam mà đặc,

Ấy là việc của mấy nhà chữ nghĩa, nơi triều-đình.

Còn những đồ nhạc thì hoặc chế đồ của Annam ra cho lớn, cho mạnh mà làm dàn Quốc-nhạc.

Bằng không thì dùng đồ nhạc của Langsa là đồ đã chế ra hay rồi.

Tưởng mỗi xứ phải có mỗi cách riêng, ngổ phân biệt xứ kia xứ nọ, nên có khi chế đồ nhạc của Annam lại cho mạnh, cho lớn và cũng cho đẹp, mà làm một đàn quốc-nhạc Annam thì có lẽ phải hơn là lấy đồ nhạc của Langsa mà làm đồ Annam.

Tưởng đồ nhạc Annam chế lại dặng, vì nghe trong Nam-kỳ có nhà tài-tử kia ở Vĩnh-Long đã chế đồ nhạc Annam ra lớn ra mạnh dặng rồi. Nếu đem trí đem tài nhiều người giỏi khác mà lo một sự quốc-ca quốc-nhạc này, thì có lẽ nào mà không nên việc dặng.

T. K.

Đề hình sự vụ

(TIẾP THEO)

Về sự tịch biên nhà cửa và diên thổ của kẻ thiếu nợ

Như người chủ nợ muốn tịch biên nhà cửa hay là diên thổ của kẻ thiếu nợ, thì phải giao cho hương-hào (1)

1o một bản án toà ;

2o một bản sao lục địa bộ đất mình muốn tịch biên ;

3o một bản sao lục treo đất của sổ bằng-khoán cho (2) (état d'inscription hypothécaire) ;

(1) Về việc tịch biên nhà cửa, đất các của người thiếu nợ, hễ nhà cửa ấy, đất diên ấy, tọa lạc trong làng nào, thì hương-hào làng ấy mới có quyền tịch biên.

(2) Trong Nam-kỳ có bốn sổ bằng-khoán : Saigon, Mytho, Vinhlong, Cantho. Muốn xin sao lục sổ treo đất thì phải đóng 1\$20. Như trong tờ sao-đó trống, nghĩa là chứng rằng đất của người thiếu nợ không có áp bộ cho ai, thì hương-hào cứ việc thi hành, còn nếu trong tờ ấy, thấy có treo đất cho một người Langsa hay là người ngoại-quốc, thì hương-hào phải giao vụ đó lại cho Trường-tòa làm theo phép Langsa mới trúng luật.

4o một cuốn sổ trị giá đất mình muốn tịch biên đó,

5o nếu đất ấy tọa lạc trong làng mà có quan độ-thổ đo rồi, thì giao luôn một bốn sao lục bản đồ.

Hương hào lãnh các tờ giấy ấy, phải làm biên nhận lại cho chủ nợ năm, rồi làm tờ truyền rao theo kiểu sau đây, mà giao cho kẻ thiếu nợ.

Năm. ngày tháng.
 có tên ở làng. tổng. tỉnh.
 trình cho tôi một bốn. (trích lục hay là đăng lục)
 án tòa có đủ chấp hành thẻ số. của tòa. xứ
 ngày. tháng. năm. mà cậy tôi
 truyền rao, nên tôi ký tên dưới đây là.
 hương-hào làng. có sao lục án ấy mà dính theo
 tờ này, đăng truyền rao theo lời án dạy cho tên
 (tên họ người thiếu nợ) ở làng. tổng.
 tỉnh. Tên này có mặt chịu lãnh án có ký tên
 vô tờ truyền rao. (nếu tên ấy vắng mặt, phải giao cho người ở
 nhà nó, thì biên) Tên này vắng mặt, nên tôi giao án ấy cho
 tên. là người. (bà-con, hay là tôi-tớ
 mà đã thành dính) của nó, lãnh thẻ và ký tên vào tờ truyền
 rao này. (nếu người đó không biết chữ thì biên) lãnh thẻ song
 chẳng biết ký tên.

Tôi dạy tên. (tên họ người thiếu nợ) trong kỳ mười
 lăm ngày, nó phải trả cho tên. (tên họ chủ nợ) hoặc trao
 cho tôi là người có cầm giấy tờ và có đủ quyền thâu mà cho
 biên nhận, các số bạc kể ra sau đây :

1o Bạc vốn án xứ trả là.

2o Tiền lời số bạc ấy kể từ ngày vào đơn đến khi trả tất số
 là.

3o Tiền tụng-lệ là.

(Như đòi số tiền chi chác có nói trong án, thì biên thêm vô.)

Tôi cho nó hay rằng : nếu mảng kỳ 5 ngày mà nó không
 trả tất mấy số bạc ấy, thì chẳng những nó bị ràng buộc theo
 việc tố tụng thường lệ, mà lại nhứt là nó phải bị tịch biên
 nhà-cửa và điền thổ của nó.

Muốn cho nó hiểu rõ vụ này, nên tôi để lại cho nó một bản sao lục án và một bản tờ truyền rao này giá là.....(1)

Người lãnh án,
(Ký tên)

Hương hào
(Ký tên)

Cách truyền rao tờ này cũng như cách truyền rao hăm tịch biên đồ thập vật vậy.

Như mảng hạng 15 ngày, mà kẻ thiếu nợ không trả, thì hương hào phải đích thân đến nhà người thiếu nợ hay là đến tại mấy sở đất nào chủ nợ muốn tịch biên đăng lập tờ vi bằng mà tịch biên như kiểu sau đây :

Năm..... ngày tháng chiếu bản.....
..... (trích lục hay là đăng lục) của tòa..... xứ ngày...
.....buộc tên.....ở làng.....phải trả cho tên.....ở
làng.....ô bạc kể chung lời vốn và tiền tưng lệ là.....bản
án ấy, tôi đã lục mà dính theo tờ truyền rao cho tên.....hôm
ngày.....

Nay có lời thỉnh cầu của tên.....(tên họ chủ nợ) xin tịch
biên nhà cửa hay là điền thổ của người thiếu nợ ấy, nên tôi là
.....hương-hào làng.....có đi đến (nếu tịch
biên nhà cửa thì để:) tại nhà tên.....(tên họ kẻ thiếu nợ)
ở làng...; nhà ấy cất bằng (chỗ này phải biên cho rõ
nhà mây căng cột chi, lợp bằng giồng chi, cửa vách ra làm sao?
chủ nợ bằng lòng trị giá nhà ấy là.....

(Nếu tịch biên điền thổ thì để:) có đến tại: 1° một sở ruộng
hạng.....(mây mẫu mây sào?) Bắc cận.....Nam cận
.....Đông cận.....Tây cận.....sở ruộng ấy tồn ký trong
địa bộ làng.....số.....Trong đó, tôi có thấy.....(thấy sao
biên vậy, như thấy có nhà ai, ai ở vân vân)

(1) sao lục án mỗi một tờ hai trương tính 0\$25, còn tờ truyền rao bản chánh 0\$50, bản sao 0\$.15

2° Một sổ thổ cư hạng.....(mẫu mẫu mây sào) Bắc cận...
Nam cận.....Đông cận.....Tây cận.....sổ thổ đó
 tồn ký trong địa bộ làng.....số.....Trong ấy, tôi thấy.....
 ...(hoặc nhà ai ở, hoặc có trống tựa vật chi, vân vân.)

3o.....

Cái nhà ấy nguyên là của tên..... xuất vốn nhà mà cất,
 (hoặc biên đất thì để rằng :) Mấy sổ đất ấy, nguyên là của tên
đứng bộ, có sao lục địa bộ của quan Chủ-tỉnh.....
 cho làm bằng, sao lục ấy như sau đây :

Tỉnh.....

Tổng.....

Làng.....

Trích lục trong bộ điền thổ (địa-bộ)

Số địa-bộ cũ	Số địa-bộ mới	Số bản đồ	Tên họ chủ điền	Số sào mẫu	Loại đất	Tứ cận	Cội rễ đất	Khoản cắm cò hay là treo	Khoản đổi dờ

Sao-lục này người cầm chằng dặng dùng thay làm bằng khoán vĩnh viễn.

Tại..... ngày..... năm.....

Quan Tham-biện,

Ký tên

(Phải coi cái sao-lục của quan Chủ-tỉnh cho mà biên y lại trong bản này).

Mấy sổ đất ấy trị giá như sau đây :

1o sổ điền..... (mấy mẫu) trị giá là.....

2o sổ thổ..... (— id. —) — id. —.....

3o.....

Tôi có nhắc người thiếu nợ một lần nữa, mà nó không chịu trả nợ của nó thiếu, bởi vậy tôi phải tịch biên nhà cửa hay là điền-thổ tôi kê rõ ràng trên đây, tôi định đến ngày..... tám giờ ban mai (1) sẽ bán nhà cửa ấy, hay là điền-thổ ấy tại tòa..... Ai trả giá cao hơn hết thì được mua. Sự bán đây sẽ chiếu y các điều khoản tờ giao kèo lưu tại phòng Lục-sự và tại nhà hội làng..... (nếu có cạnh cãi) một điều khoản chỉ trong tờ giao kèo ấy, hoặc thêm bớt một điều khoản nào thì tự ý cạnh cãi thêm bớt) (thí dụ thêm như vậy: người nào mua được phải đóng..... là bạc thuế thủy lợi còn thiếu của làng, hoặc đóng..... là tiền bản đồ, hoặc mỗi trăm đồng phải đóng trội 5 đồng là tiền tồn phí trong vụ bán đó v.v.

Tôi làm các việc nói trên đây từ.....(mấy giờ) cho đến.....(mấy giờ) mới xong, rồi tôi lập tờ tịch biên này làm bằng giá là.....(2)

Hương-hào.

(Ký tên)

Tờ vi bằng tịch biên này phải làm ra ba bản, một bản dùng làm yết thị dán tại nhà hội của làng sở tại, một bản phải dịch ra bằng chữ Langsa và chữ nho đề dán trong tòa, còn một bản để làm bản Chánh; trong bản chánh, hương hào phải do rằng có dán một bản nơi nhà hội làng rồi. Bản chánh và bản để dán

(1) về việc định ngày giờ bán, thì hương hào phải hỏi trước quan lục-sự định cho.

(2) Ba giờ đầu thì 3000, ba giờ kế là 1500. hai bản yết thị mỗi bản tính một đồng.

trong tòa, hương-hào phải đem nộp cho quan lục-sự mà lấy biên nhận (1)

Từ khi dán yết thị rồi cho đến năm ngày, hương hào phải lo truyền rao sự tịch biên ấy cho kẻ thiêu nợ, cho hết thấy mấy người chủ nợ mà có tên trong sao lục địa bộ hay là trong sao lục sổ treo đất của sổ bằng khoán và biểu mấy người ấy, đến ngày bán phải cho có mặt tại tòa đặng dự việc bán và bình vực quyền lợi mình,

Tờ truyền rao ấy làm theo kiểu sau đây :

Năm tháng ngày có lời thỉnh cầu của tên (tên họ chữ nợ) ở làng tổng tỉnh nên tôi là ... hương hào làng ... lập tờ này mà truyền rao cho tên ... (tên họ người thiêu nợ hoặc các chủ nợ) ở làng ... tổng ... tỉnh ... một tờ vi bằng tôi làm hôm ngày ... mà tịch biên nhà cửa hay là điền thổ của tên ... kể dưới đây :

(Như nhà cửa thì biên) Một cái nhà (phải tả hình trạng nhà ấy như trong tờ tịch biên).

1o Một sở ruộng. . . (mấy mẫu) của tên . . . đứng bộ trong làng . . . số . . .

2o Một sở thổ . . . (mấy mẫu) của tên . . . đứng bộ trong làng . . . số . . .

3o

(Tên mà mình truyền rao sự tịch biên đây có mặt hay là vắng mặt thì biên như trong các tờ truyền rao trước).

Và tôi cho nó hay rằng đến ngày.....tháng..... năm.....tám giờ ban mai là ngày định bán các vật tôi đã tịch biên, nó phải đến tại tòa mà dự việc bán đó.

(1) Ít khi có hương hào thạo chữ Langsa và chữ nho, cho nên thường thường làm có hai bản mà thôi, một bản để dán tại nhà hội làng và bản chánh gửi cho quan Lục-sự mà lấy biên nhận, rồi quan Lục-sự dịch bản ấy ra chữ Langsa và chữ nho mà dán trong tòa,

Muốn cho nó hiểu rõ vụ này, nên tôi để lại cho nó một bản sao lục tờ tịch biên nói trên đây và một bản tờ này vì cứ giá là(1)

Người lãnh tờ truyền rao,
(ký tên)

Hương hào,
(ký tên)

Khi truyền rao cho mỗi người kể trước đây xong rồi, thì hương hào phải gọi bản-chánh tờ truyền rao ấy cho ông chủ sở bằng khoán (có bản sở bằng khoán là : Saigon, Mytho, Vinhlong và Cantho) hoặc gọi cho quan Tham-biện chủ tỉnh (trong các tỉnh nào không có sở bằng khoán) đặt hai viên quan ấy ghi vào bộ tịch biên đó.

Kể từ ngày truyền rao sự tịch biên nhà cửa hay là điền thổ của kẻ thiếu nợ thì luật buộc kẻ thiếu nợ ấy phải thầu góp và gìn giữ huê lợi của cái đã tịch biên đó mà đợi đến ngày bán.

Nếu người thiếu nợ thầu góp huê lợi rồi lên bán hay là giấu bớt tài luật bình buộc về tội sang đoạt của người.

Tuy vậy, nếu có người nào, hoặc chủ nợ đứng xin tịch biên đây, hoặc một chủ nợ nào khác, hoặc nhà nước (là khi nào kẻ thiếu nợ chưa đóng thuế) nếu mấy người ấy vào đơn xin với toà cử một người khán quân (Séquestre) nghĩa là người tòa chọn, có cho ăn tiền công, đặt lo thầu góp và gìn giữ các huê lợi các vật tịch biên rồi đó, thì toà cho ngay.

Có khi quan toà cho phép người chủ nợ thầu góp và gìn giữ huê lợi ấy, hoặc bán huê lợi ấy mà gìn giữ, song phải có cai-tổng sở tại coi chừng cho mà làm phận sự ấy.

Việc định ngày bán những vật tịch biên phải định trên 30 ngày kể từ bữa dân yết thị tại nhà hội làng. Cũng bán thì bán tại toà theo ngày định trong yết thị.

(1) Một bản chánh 0\$80, bản sao 0\$30, còn sao lục tờ tịch biên mỗi tờ 0\$25

Khi nào trong năm ngày kể từ bữa hương hào truyền rao sự tịch biên đã nói trước đây, mà có đơn, kẻ thiếu nợ hay là đơn các chủ nợ xin toà định bán chỗ khác, thì quan toà được phép hạ lệnh định bán những vật đã tịch biên, nơi toà nào khác hoặc tại phòng ông Notaire nào, hoặc tại nhà hội làng nào mà những vật tịch biên đó tọa lạc.

Cái lệnh quan toà đó, hương hào phải truyền rao theo cách thường cho kẻ thiếu nợ và cho các chủ nợ hay.

Kể từ ngày truyền rao lệnh quan toà đó cho đến bảy ngày trọn, nếu kẻ thiếu nợ và các chủ nợ không bằng lòng, thì có phép đến toà mà xin căng trở cái lệnh ấy.

Nếu có sự căng-trở như vậy, thì quan toà phải lên án mà xử, song án ấy, dầu xử thế nào, thì không ai được thương không (nghĩa là không được chống án lên toà trên xin xử lại).

Còn cách bán những vật tịch biên thì chiều theo kiểu tờ giao kèo lưu tại phòng quan lục-sự và tại nhà hội làng. Kiểu tờ giao kèo ấy tôi dịch ra sau đây.

Điều thứ 1er — Người nào có cửa đủ sức, được đích thân đến đấu giá, hoặc cho người thay mặt đấu giá thế cho mình (khi nào có vậy phải làm giấy cho ai thay mặt cho mình, có xã trưởng nhận thiết và phải đóng tiền cầu chứng giá là 1.800)

Điều thứ 2. — Người mua được đất, thì được làm chủ đất ấy bởi sự đấu giá, nó phải nhận lãnh đất ấy kể từ ngày phát mại, không được dùng cớ chi mà buộc người chủ nợ đứng xin bán đất ấy hay là người thiếu nợ bảo chứng việc bán đây hay là thường bởi sự thiệt hại chi.

Điều thứ 3. — Người đấu giá mua đất ấy được hưởng cái huê lợi kể từ ngày phát mại và phải chịu đóng các số thuế còn thiếu hay là sẽ thiếu kể từ ngày ấy.

Điều thứ 4. — Người đấu giá mua đất phải trả các số tiền chi còn phải đóng, (thí-dụ tiền đóng bằng khoán cải bộ) và cũng phải đóng các số tiền đã tốn phí rồi trong cuộc phát mại đó.

Các số tiền ấy phải đóng nơi tay quan lục-sự mà lãnh biên nhận,

Điều thứ 5. — Trong sáu ngày trở lại kể từ ngày phát mại, thì người mua đất phải đóng cho quan lục-sự giá mua đất ấy.

Hễ đóng các tiền sở tồn và giá mua đất cho rồi, thì người mua đất mới được lãnh một bản tờ vi bằng về việc đấu giá bán đất ấy.

Điều thứ 6. — Nếu người mua đất không thi hành một điều khoản chi trong tờ giao kèo hay là không trả một phần hay là không trả hết cái giá mua đất, thì người chủ nợ đã xin bán đất đó, hoặc kẻ thiếu nợ, hoặc một chủ nợ nào khác được phép nài đem đất ấy ra mà đấu giá lại. Như bán lại lần thứ hai mà thấp giá hơn lần trước thì người mua lần đầu, phải bồi thường thêm cho đủ số nó trả mà mua trước. Nếu nó không chịu bồi thường, thì nó sẽ bị người ta dùng các quyền phép mà ràng buộc (thí dụ: biên mại sự sản của nó, có khi nó còn phải bị bắt giam thâu).

Còn như bán lại lần thứ hai mà được cao giá hơn lần trước, thì cái giá trội đó nhập về của người thiếu nợ và các chủ nợ chớ chẳng hề khi nào người trả giá mua lần trước được đòi người mua sau, hoặc đòi người thiếu nợ hay là các chủ nợ khác, mấy số tiền tổn phí nó đã đóng lỗ rồi, tiền ấy tĩ như tiền thiệt hại; người mua sau được hưởng nhờ không trả lại cho ai và không tính toán với ai.

Ấy đó là kiểu tờ giao kèo thường dùng xưa nay, nếu muốn canh cái hay là thêm bớt điều khoản nào, thì hương-hào phải biên trong tờ tịch biên thể làm yết-thị đã nói trước đó.

Đến ngày bán, nếu không có ai trả giá thì người chủ nợ xin tịch biên đó, dầu có mặt, dầu vắng mặt cũng phải chịu lãnh mua theo giá đã định trong yết thị.

Trong ba ngày trọn kể ngày đấu giá, bất luận người nào hề có đủ sức mua, được đến tại phòng lục sự mà trả giá thêm song phải trả cao ít nữa là một phần sáu cái giá người ta mua ngày trước, thí dụ: ngày trước người ta mua 1.200\$.00, nay mình muốn mua, thì phải trả thêm 200\$.00 nữa nghĩa là 1400 \$.

Nếu như có người trả thêm như vậy, thì trong tám ngày kể từ ngày trả giá đó, quan lục sự phải gửi trát cho hương-hào dạy truyền rao cho chủ nợ, cho người mua trước và cho kẻ thiếu nợ, hay việc ấy và cho ba người đó biết ngày nào phải tề tựu tại tòa mà nghe quan tòa phán đoán về sự trả giá thêm đó.

Nếu đến ngày hầu mà quan tòa bắt cái sự trả giá thêm đó, (ví dụ vì bởi có người trả giá không đủ sức mua theo như điều thư nhứt tờ giao kèo) và nếu cái án bắt việc ấy, chẳng bị thượng khố (bị công án) hoặc bị thượng khố mà tòa khố tố (tòa trên) xử y án, thì việc đấu giá bán trước trở nên chắc chắn.

Còn như quan tòa lên án phê việc trả giá thêm đó, hoặc án ngài xử bắt việc ấy mà bị tòa khố tố xử trái lại, thì quan lục-sự phải gửi trát cho hương-hào dạy truyền rao lại cho mấy người thuộc về vụ ấy hay ngày nào tòa định giảo giá bán đất ấy lại.

Tám ngày trước bữa định bán lại, quan lục-sự cũng phải làm yết thị mà gián các nơi như trước dựng cho thiên hạ hay.

Khi đấu giá lại lần thứ hai xong rồi thì thôi, không ai còn được phép trả trội thêm nữa.

Giá tiền mua phải đóng cho quan lục-sự y theo các điều khoản đã định trong tờ giao kèo. Hễ người mua trả tiền đủ rồi thì quan lục-sự sẽ trao cho : 1^o bản chánh tờ truyền rao án ; 2^o bản chánh tờ vi bằng tịch biên điền thổ ; 3^o bản chánh tờ truyền rao tờ tịch biên ấy ; 4^o bản chánh tờ vi bằng đấu giá.

Phàm hương-hào ra làm phận sự trưởng-tòa phải tuân theo các phép chi trước đây mà thi hành, nếu làm sai phép chẳng những tờ giấy bị hủy, mất tiền công, mà lại có khi còn phải bị thượng thiệt hại nữa, bởi vậy, hãy cẩn thận cho lắm.

Như kẻ thiếu nợ, các chủ nợ của người ấy (chủ nợ có buộc treo hay là cầm cô đất, chủ nợ kiện đấ án mà chưa kịp thi hành), người nào thấy hương-hào làm sai phép thì thấy đều có quyền đến tại tòa mà thưa, trước khi đấu giá ba bữa, dựng cho quan tòa có đủ ngày giờ mà phán đoán trước bữa bán.

Còn như hương-hào tịch biên làm đất vị-cập phân cồ, đất hương-hỏa, đất dưỡng lão, thì bất luận người nào có quan hệ trong vụ đó, đều được phép đến tại tòa mà kêu nài, ba ngày trước bữa phát mại.

Ấy đó là cách kêu nài về việc hương-hào làm sai phép trước khi đấu giá. Nếu ai muốn kêu nài về sự đấu giá sai phép, thì phải vào đơn nơi tòa trong hạn tám ngày trọn, kể từ bữa phát mại.

Đây tôi nhắc cho nhớ rằng những án tòa xử về các khoản trên đây, phân ra làm hai loại; án xử về hình thể và án xử về chơn thể.

Những án xử về hình thể, thí dụ như khi nào người ta kêu nài rằng hương-hào làm không đúng ngày giờ theo thể lệ định, không dán yết-thị v. v. hoặc lúc đấu giá, quan lục-sự không có đốt đèn mà bán v. v. thì các án xử về mấy khoản ấy, người tuyên cáo không khi nào được thượng-khống.

Còn những án xử về chơn thể, thí dụ như khi nào người ta kêu nài rằng hương-hào thi hành án không có chấp-hành-thể, thi-hành án đã bị thượng-khống rồi v. v. thì những án xử về mấy khoản ấy, nếu không vừa lòng người tuyên cáo, thì người này được thượng-khống xin xử lại.

Trong việc tịch biên nhà cửa hay là điền thổ của kẻ thiếu nợ, nhiều khi tịch biên nhầm cửa người khác, như ruồi có vậy thì người mà có cửa bị hương hào tịch biên làm đó, phải vào đơn nơi tòa mà kêu nài xin trích cửa đó ra, song việc vào đơn, phải làm trong kỳ sáu tháng kể từ ngày đấu giá, thì còn có lẽ lấy cửa mình lại được, chớ nếu đề quá kỳ sáu tháng thì người chủ nhà hay là chủ đất bị hương hào tịch biên làm của đó còn có một phép vào đơn nơi tòa mà kiện người nào làm quấy hoặc chủ nợ, hoặc kẻ thiếu nợ, hoặc hương hào mà đòi tiền thiệt hại mà thôi, chớ không thể lấy cửa mình lại được.

Bất luận là chủ nợ nào khác, hề nghe người ta tịch biên tài sản kẻ thiếu nợ của mình, thì mình phải vào đơn tại phòng

lục-sự trước ngày định phát mại đăng xin ngăng cãng số tiền bán để trả cho mình.

Nếu có đơn ngăng cãng như thế, thì khi bán xong, quan lục-sự phải đình việc phát tiền cho người chủ nợ trước, phải đợi lệnh quan tòa phán đoán các đơn ngăng cãng đã. Nếu tòa xét đơn ấy hữu lý, thì tòa cho phép chủ nợ sau chia tiền bán với chủ nợ trước.

Bảng đến ngày bán mà không có đơn xin ngăng cãng số tiền bán, thì khi bán xong, quan lục-sự phải tính lấy các tiền tồn phí xài trong vụ bán đó cho đủ, còn dư lại bao nhiêu thì tính trả cho chủ nợ xin tịch biên và xin bán đó. Nếu trả nợ rồi mà còn dư nữa, thì phải trả hết lại cho người thiếu nợ.

(Kỳ sau, tôi sẽ chỉ cách bắt người thiếu nợ mà giam thâu).

Xử-Cung.



LÝ-TÀI KHOA

Đại-Việt Tài Nguyên

CHƯƠNG THỨ NHÌ. — CÔNG-NGHỆ

Đoạn thứ nhất, — Nông-nghiệp Công-nghệ

(TIẾP THEO)

Trong *Đại-Việt Tập-Chi* số 6 tôi đã có luận rằng sự lập nhà máy xay lúa là một điều yếu hệ của đồng-bang trong Nam-Trung.

Vậy như đồng-bang muốn tán thành cuộc này đặng vãn hồi mối lợi trong nước thì phải suy cứu rồi đặt phương pháp cho kỹ-lưỡng, đường ấy đi mới được vững, bước mới khỏi vấp. Nay tôi xin tùy ý kiên hợp hồi của tôi mà luận sơ cách tổ chức và cách động-tác về nhà máy xay, y như lời tôi đã hứa trong tháng trước.

Tổ Chức

Hiện kiêm trong Nam-kỳ ta mỗi năm số lúa gặt được cộng lối 2 triệu 20 muôn tấn. Số lúa để cho dân trong xứ ăn và để dành làm giống, tính chung là 70 muôn tấn. Số lúa dư để bán cho ngoại-quốc còn được lối một triệu rưỡi tấn. Vả số lúa để giống thì không xay, còn số lúa của dân ăn thì thường xay theo cối Annam chớ ít xay máy. Ấy vậy nếu lập nhà máy thì chỉ xay số lúa một triệu rưỡi tấn để bán cho ngoại-quốc đó mà thôi.

Những nhà máy của Khách-trú lập tại Cholon cộng hết thấy là 10 cái, có cái mỗi ngày chạy 600 tấn lúa, có cái chạy tới 1.200

tấn. Nếu bỏ đồng lấy bạc trung mà tính thì mỗi ngày (24 giờ) mỗi nhà máy xay bột 800 tấn lúa, 10 cái cộng là 8.000 tấn. Số lúa xay thì chỉ có một triệu rưỡi tấn mà thôi, vậy 10 nhà máy ấy mỗi năm xay có $(1.500.000 : 8000) = 187$ ngày nghĩa là 6 tháng thì hết lúa.

Nay quốc-dân muốn lập nhà máy mà xay lúa của mình thì lập chừng 5 cái mỗi cái mỗi ngày xay 800 tấn lúa, thì đủ xay, chẳng cần chi phải lập nhiều hơn nữa mà hao vốn và phải nghỉ máy thất lợi. Chừng nào ruộng rất xừ ta mở mang thêm và số lúa có dư nhiều hơn nữa thì sẽ lập thêm nhà máy chẳng muốn chi. Tôi vẫn biết các nước mua gạo chẳng phải mỗi tháng mỗi mua một mớ và mua thường thường như vậy cho đến mảng năm. Theo lệ thường thuở nay thì có lúc các nước hỏi mua nhiều và có lúc ít. Thế thì mình phải có nhà máy cho nhiều đặng khi các nước hỏi mua mình xay cho đủ mà bán cho kịp mới có lợi.

Theo phép kinh-tế hễ vật chi đắt thì mắc, ế thì rẻ. Xưa nay chủ nhà máy có lời to là nhờ mấy lúc các nước hỏi mua gạo nhiều, bởi vì trong lúc ấy chúng nó mới du bưng bán gạo mắc được. Tuy tục thường hay nói hễ gạo mắc thì lúa cũng mắc. Tôi coi lại lời tục ấy có khi cũng sai, bởi vì như lúc các nước hỏi mua gạo mà trong tàu-khẩu có sẵn lúa nhiều đủ xay, chẳng cần phải mua thêm cho gấp thì lúa làm sao mà lên giá được.

Nếu luận giá lúa gạo dài nữa thì lạc đề; vậy tôi xin trở lại mà nói rằng xưa nay gạo lên giá thì chủ nhà máy nhờ nhiều chớ điền chủ không nhờ bao nhiêu. Ví như mình lập 5 cái nhà máy mỗi cái trong một ngày đêm xay 800 tấn lúa. Mới lập mà gặp lúc các nước hỏi mua gạo nhiều thì chắc mình xay không kịp mà hưởng lợi. Song 5 cái nhà máy cứ xay hoài, dầu lúc họ mua nhiều, dầu lúc họ mua ít cũng vậy, thì trong một ít tháng gạo mình sẽ có dư nhiều, sau dầu các nước tới mua thì có sẵn mà bán khỏi lo thiếu nữa,

Tôi cũng biết nếu gạo xay nhiều mà các nước không mua, dề lâu ngày phải sâu mọt. Tuy vậy mà tôi xét trong Saigon Thương-

cuộc Thông-báo (Bulletin de la Chambre de Commerce de Saigon) mấy năm nay thì các nước thiệt có tháng mua gạo nhiều, còn có tháng mua gạo ít đó chút, song coi trong mỗi kỳ ba tháng thì kỳ nào cũng mua bằng kỳ nấy, chớ không trời sục bao nhiêu. Vậy nếu mình xay gạo thường thường thì cũng bán được luôn luôn, khỏi lo gạo ế đến có sâu một được. Mà nếu nhà máy của chúng ta chạy thường thường hoài thì lúa gạo chắc trọn năm cầm một giá, chớ ít hay trời sục, bởi vì dầu ngoại-quốc mua gạo nhiều ít chi thì nhà máy cũng cứ mua lúa hoài mà xay.

Tôi chắc có người luận rằng nếu giá lúa gạo không trời thì từ chủ nhà máy đến chủ-điền đều thất lợi. Nếu luận như thế thì tôi xin đáp rằng : tôi cũng biết trong cuộc làm ăn ai cũng trông có diệp phi-thường mới có lời nhiều (*theo nhà máy diệp phi-thường là lúc ngoại-quốc cần mua gạo*). Song như lúc phi-thường thì có lời rồi lúc bình-thường thì chịu lỗ hay sao ? (*Theo nhà máy lúc bình-thường là lúc các nước không mua gạo*). Chi bằng mình liệu phương chước làm cho lúa gạo Nam-kỳ ta, như lên giá được thì lên, bằng không thì giữ bậc thường, đừng nhà máy lợi một ít, điền-chủ lợi một ít thì hay hơn. Xưa nay nhà máy đều thuộc của người ngoại-quốc, họ chẳng kể chi đến quyền-lợi của Annam, nên họ lập cho nhiều đảng lúc gạo đắt họ thu lợi, rồi lúc gạo rẻ họ ngli, chẳng lo chi đến sự thiệt hại của điền chủ. Bởi vậy chúng ta từng thấy xưa nay có nhiều ông điền chủ có lúa nhiều mà bị các nhà máy kềm chế bán không được cao giá, nên có năm không đủ tiền nuôi tá canh và trả nợ nần, phải cố vườn bán ruộng hư hao sự nghiệp. Nay mình tính lập nhà máy thì chủ nhà máy là mình, mà chủ điền thổ cũng là mình, vậy mình chớ nên làm lợi bên nhà máy mà hại bên ruộng đất. Mình khá làm thế nào mà mua lúa được mặng năm đảng lúa cầm một giá hoài, dường ấy mình ngồi tại nhà máy cũng có lợi mà ra làm ruộng cũng chẳng hại, chớ nếu giá lúa trời sục không chừng, tuy có khi cũng làm lợi cho Annam mà coi lại nhiều khi làm thiệt hại lắm. Tôi luận sự cầm lúa một giá đây là luận về sự mua bán bình-thường mà thôi, chớ như năm nào các nước có lúa nhiều như : Miến-điện, Xiêm-la, mà gặp thất mùa không có

lúa đủ mà bán cho nước khác, ai cũng bầu hỏi Nam-kỳ mà mua thì tắc nhiều lúa gạo phải lên giá. Nếu có vậy thì chủ nhà máy bán gạo mắc, còn điền chủ cũng bán lúa mắc, cả hai đều có lợi, chẳng cần chi phải nói.

Tôi đã phân rõ vì có nào mình phải lập 5 cái nhà máy mà thôi. Vậy tôi xin luận tiếp coi bây giờ lập 5 nhà máy ấy tốn chừng bao nhiêu vốn và phải làm thế nào cho có vốn đủ mà lập cho thành. Nếu lấy giá bán nhà máy « *Orient* » là 785.000 \$ (78 muôn rưỡi) làm gốc mà tính, thì một cái nhà máy mỗi 24 giờ xay được 800 tấn lúa lập trong lúc bình-thường tốn chừng một triệu đồng bạc. Mấy năm nay giặc giả làm cho thép sắt và đồ cơ khí đều mắc, vậy nên phải cho trội lên một triệu 20 muôn đồng một cái nhà máy mới được. Trong mỗi cái nhà máy phải sắm ghe chài và tàu mà chuyên vận lúa, cũng phải cất kho tàu mà trữ lúa, và phải có vốn sẵn mà mua lúa mới được. Ấy vậy nếu muốn cất một cái nhà máy mỗi 24 giờ xay được 800 tấn lúa thì phải tốn :

Cất nhà máy	1.200.000 \$ 00
Sắm ghe chài và tàu	400.000 , 00
Cất kho	50.000 , 00
Vốn mua lúa	350.000 , 00
Cộng ...	2.000.000 \$ 00

Trong Nam-kỳ ta yếu cần phải có 5 cái nhà máy như vậy xay mới hết lúa của mình. Nếu mỗi cái nhà máy tốn phí hết 2 triệu đồng bạc, thì nay mình muốn cất 5 cái phải có vốn đủ 10 triệu đồng bạc vốn. Đồng-bang cũng biết Nam-kỳ ta tuy có tiếng giàu hơn các xứ khác trong Đông-dương, song nay muốn kiếm cho có mười triệu đồng bạc tưởng chẳng dễ chi đâu. Trong xứ ta những nhà giàu có thì kẻ số ruộng đất nhiều, chứ thiệt tiền bạc chẳng bao nhiêu. Sự ít tư-bồn đây là tại người mình không chuyên công thương chừ nghệ, cứ giữ một nghề ruộng mà làm hoài. Mà ruộng xứ mình, phần nhiều hãy còn mới lắm, người điền chủ lớn đã tốn bao nhiêu mà chưa lấy vốn lại được bao nhiêu, nên phần tư-bồn phải bần chật.

Vả cuộc lập 5 tòa nhà máy đây là cuộc cả thê, như định kêu hùn mà lập thì mỗi phần hùn phải định số tiền cho lớn mới được. Theo ý tôi thì mỗi phần hùn phải định ít nữa là 500 hoặc 1.000\$. Như định 500\$ thì phải 20.000 phần hùn, còn như định 1.000 \$ thì phải 10.000 phần hùn mới đủ số 10 triệu. Xin đồng-bang xét thử coi, bây giờ kiểm một muôn người hùn mỗi người 1.000 \$ có phải đề chi đâu.

Nêu những đấng thức-giả trong Lục-châu muốn ra vận động kêu hùn mà lập thành 5 tòa nhà máy thì tôi tưởng phải cậy Chánh-phủ giúp thê giúp lời mới được. Mà nghĩ lại hề muốn cho Chánh-phủ dự vào thì phải cho nhà tư-bồn Langsa hùn vô với mình. Như có vậy thì đồng-bang phải đua nhau mà hùn cho nhiều, bởi vì nêu mình muốn cuộc nhà máy về phần mình làm chủ thì phần hùn của mình phải nhiều hơn phần hùn của người ta mới được. Có một điều quan hệ chẳng nên quên là trong chương-trình phải cấm không cho khách-trú hùn, bởi vì xưa nay những nhà máy của họ có nhiều khi bị mua lúa không được mà xay phải lỗ bạc triệu; nay họ thấy mình làm đây chắc có lúa đủ xay hoài hoài thì sao họ cũng bầu vô mà hùn. Mà nếu họ muốn hùn thì họ sẵn bạc chớ chẳng phải như mình. Hề họ hùn được thì họ hùn nhiều, mà hề họ hùn nhiều thì họ làm chủ, té ra mình lập nhà máy thêm cho họ thì càng hại cho mình hơn nữa.

Tôi mới nói rằng mình lập nhà máy chắc đủ lúa xay hoài, ấy cũng có duyên cớ sao đó nên tôi mới dám nói như thế. Xin đề ra đoạn sau tôi sẽ chỉ bởi tại sao mà được như vậy. Đây tôi chỉ luận tiếp về sự kiếm cho có tư-bồn đủ 10 triệu mà thôi. Người Annam ta xưa nay phần nhiều không có chí cạnh tranh trong đường thương cở công nghệ, nên chưa có dạ đoàn thê như người. Nếu nay ai xướng ra mà rủ hùn vốn lập nhà máy thì phần ít chắc sốt sắn hùn rồi, còn phần nhiều chắc dự dự không muốn đầu vốn. Trong việc công-ích quý tại lúc dân tâm sốt sắn. Nếu lúc ấy mà phần đông giải đãi, hùn không đủ số, thì chắc sao phần sốt sắn cũng nguội lẩn lẩn, rồi ngả lòng không nong nả. Cái tánh giải đãi của người mình trong sự hùn hiệp thiệt đáng chê. Song nghĩ lại cuộc hùn mà lập nhà máy là cuộc trọng hệ, số bạc vốn rất lớn, mà đồng-bang ta thì không có tư-bồn đủ mà

mở ruộng, đâu có dư mà bòn được, nên sự giải đãi trong cuộc này có lẽ cũng phải châm chế.

Vậy những đáng trí-thức muốn giữ gìn quyền lợi cho nước nhà, muốn mở mang nơon dân trong công cồ thì trước hết phải liệu phương thế nào cho đồng-bang được nhiều tư-bồn. Nếu tư-bồn được chời chở rồi mà đồng-bang không chịu bòn hiệp thì chừng ấy phiền trách mới đủ có. Tôi chắc nói như vậy thì những người có chí nhiệt-thành về sự tấn hóa sao cũng chầu mày mà đổi rằng : « Sự quăng dân tài là một đềm khó lắm, phải năm ba mươi năm nữa biết làm được chưa. Nay lập nhà máy mà tranh quyền lợi cốc mẽ là việc yêu hệ phải làm gấp gấp, nếu đợi năm ba mươi năm nữa dân giàu rồi sẽ làm thì đợi sao được. Mà dân Nam-kỳ chỉ nhờ mỗi lợi cốc mẽ, nếu không nắm được mỗi lợi ấy thì làm sao mà giàu được. » Nếu người có chí công-ích mà phản đối như vậy tôi cũng cúi đầu mà bái phục. Song đồng-bang xét thử coi, theo nước người ta nông công thương đã mở mang rồi thì 10 triệu đồng bạc thiệt chẳng phải là nhiều. Còn trong nước mình mỗi tài nguyên đều phong kính, chưa chỗ nào hé mở cho dân nhờ, nên 10 triệu đồng bạc thiệt là khó kiếm. Nay muốn cho đồng-bang ta có sản tư-bồn mà bòn vào cuộc nhà máy, theo ý tôi thì chẳng cần phải đợi tới năm ba chục năm mới kiếm được. Nếu đồng-bang thiệt có lòng muốn liêng lạc đoàn thể mà cạnh tranh quyền lợi thì tư-bồn kiếm như chơi.

Kia trong tỉnh Mỹtho có lập một hội Nông-nghiệp Tương-tế ngân-hàng đã hơn 5 năm nay. Các điền-chủ lớn đều bòn trong hội ấy. Hiện-kiếm thế lực của hội rất mạnh mẽ, mỗi năm Đông-dương Ngân-hàng dám cho vay đến năm ba chục muôn đồng. Sự vay bạc này tiền lời rất nhẹ nhàn, mà lại được phân hạng mà trả vốn nữa. Trong tỉnh Longxuyên hội Nông-nghiệp Tương-tê Ngân-hàng cũng mới lập thành. Lại có nghe rằng Châudoc, Bacliêu, Sadec, Vinhlong và Beatre cũng muốn khởi mà làm nữa. Nếu mỗi tỉnh điền-chủ hiệp cùng nhau mà lập một hội Nông-nghiệp Tương-tê như Mỹtho và Longxuyên vậy thì chúng ta muốn có 10 triệu đồng bạc mà làm tư-bồn thiết lập nhà máy có khó chi đâu.

§ Sự tổ-chức, cách động-tác và phần lợi-ích về hội Nông-nghiệp Trương-tê thì đương bày tỏ trong bốn chỉ đã mấy tháng nay. Xin đồng-bang xem cho kỹ thì rõ biết lời tôi luận, *hễ lập được Nông-nghiệp Trương-tê cho đều trong các tỉnh thì sẽ có tư-bồn*, ấy chẳng phải là vọng-thuyết. Đã biết muốn vay của Đông-dương ngân-hàng thì phải thế chung đất, song đất là một vật chết, nên đem thế chung lấy tiền làm việc khác, mình cũng còn làm chủ, cũng lấy huê lợi hoài thì có hại chi đâu. .

• Trong báo *Nông-cổ Min-dâm* ngày 18 Avril 1918, ông Trần-nguyên-Lượng, là phó Hội-trưởng trong hội Nông-nghiệp Trương-tê tại Nytho, có luận rằng: *công việc của người có lúa, của người xay gạo và của người dân mỗi mà bán gạo thì vì chẳng khác chi với công việc của ba người nuôi tằm, kéo chỉ và dệt lụa. Cả ba phải chia công việc ra mà làm, mỗi người riêng mỗi cuộc thì mới làm lớn đặng, bằng một người mà gồm cả ba công việc thì làm không rồi chi hết.* Ông Trần-nguyên-Lượng là người sốt sắn về sự tấn hóa của quốc-dân, người thấy đồng-bang ta chưa quen nghề công cở, sợ cả mô nhiều việc không kham, nên người mới luận như thế; chớ tôi nghĩ bên Pháp-quốc có nhiều người về trồng nho, về ép ra rượu chát, về bán rượu một mình. Còn bên A'gérie (Á-nhĩ-cập-nhĩ) có nhiều nhà về trồng thuốc, về chế thuốc, về bán thuốc hút một mình, mà cũng làm lớn được vậy. Theo ý tôi thì người cấy ruộng, người xay gạo và người bán gạo, muốn cho bình quyền với nhau, không ai được kèm chề ai, thì một người phải gồm luôn ba việc ấy mới được, bằng không thì cũng phải làm thế nào cho ba người đều liên lạc với nhau, đặng khỏi thấy những mưu sâu kế dầy bày ra mà đoạt lợi với nhau mới phải.

Nay tính lập nhà máy thì chủ ruộng là người mình, chủ nhà máy cũng là người mình, người đứng bán có lẽ cũng phải người mình nữa. Nếu phận ai lo kiếm lợi cho nấy thì người bán sao cũng muốn mua gạo rẻ bán mới lợi, người xay sao cũng muốn mua lúa rẻ xay mới khá, dường ấy người chủ ruộng, là người chịu lúa phải chịu ép hay sao? Tôi ẽ chủ ruộng chịu ép họ giận không thêm bán lúa, khi ấy nhà máy lấy chi mà xay, người bán lấy chi mà chở. Ấy vậy nếu làm ruộng, xay lúa, bán

gạo mà chẳng liên lạc với nhau thì tất nhiên phải cạnh tranh với nhau; dường ấy làm sao mà cạnh tranh quyền lợi với khánh-trú cho được.

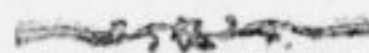
Trong báo Nông-Cồ Mìn-Đàm ngày 8 Aoút 1918, ông Nguyễn-chánh-Sắt lại luận rằng : « Vả chẳng hiện thời nhà máy của khách-thương bằng hời 10 cái, ngày đêm máy chạy rần rần, nếu ta mà muốn tranh quyền-lợi với người thì phải làm làm sao vốn cho lớn, sức cho to, thế-lực dầu chưa bằng, chớ cũng phải cho sâm si một mười một chín; vậy mà còn *thắng phụ nan phân, bất tri lộc tử thù* thay, huốn chi họ chung mà ta riêng, họ hiệp mà ta phân, thì có thể nào mà duy trì với họ cho nổi được. »

Vậy thì chi bằng những điền-chủ đều vô hội *Nông-nghiệp Twong-tê*, rồi vay vốn mà hùn lập nhà máy. Hề nhà máy lập đủ rồi thì đặt một *Côc-mê Thông-thương Tổng-cuộc* tại Saigon để coi bán gạo lúa của chúng ta. Đã biết theo kinh-tế-học thì sự chia công việc mà làm là một kế rất cao thượng. Trong một nhà còn phải chia ra chồng kiếm tiền, vợ nuôi con, tớ nấu cơm thay; huống chi là mở ruộng, xay lúa, bán gạo, cả ba việc đều quan hệ, lẽ đâu một người mà coi cho xiết. Song trong công việc làm, phải sắp đặt phương pháp cho rành rẽ : *Nông-nghiệp Twong-tê* thì có hội-đồng Cai-quản riêng, nhà máy xay cũng phải có hội-đồng Cai-quản riêng, đến *Côc-mê Thông-thương* cũng phải có hội-đồng Cai-quản riêng nữa mới được; chỉ yếu phần ai nấy lo cho rồi công việc của mình thì thôi.

Về phần kiếm vốn mà lập nhà máy tôi đã luận rồi. Vậy đề kỷ sau tôi sẽ luận tiếp coi 5 sở nhà máy phải lập tại chỗ nào cho tiện đường mua lúa và bán gạo.

(Sau sẽ tiếp theo)

Biều-Chánh.



Nông-nghiệp Thương-tê Ngân-hàng

Trong mấy tháng nay tôi đã có luận sự lợi ích về hội *Nông-Nghiệp Thương-tê* và đã có chỉ bày cách thiết-lập, phân giải cách động-tác của hội ấy rồi. Tôi tưởng những người có chí muốn khai hóa Quê-hương, có lòng muốn bảo thủ quyền-lợi, ai cũng mong cho đồng-bang tán thành cuộc này trong các tỉnh, đừng trước là hưng vượng lý-tài, sau nữa vui niềm đoàn-thề. Tôi vốn là người học hỏi hẹp hòi, chẳng hề dám xưng tài quăng khai dân trí. Song tôi là người sanh trưởng trong đất Việt, dòm thấy trong Nam-kỳ ta sự làm ruộng rầy và sự bán lúa gạo là hai mối lợi to tác hơn hết. Xưa nay đồng-bang ta nơi chôn điền-viên thôn-tịch cấy sâu cuốc bẫm, làm ra được hột lúa rồi, hề tưng tiền chi dụng thì cứ chở đến tiệm mà bán; như bán được giá cao thì vui mừng, còn như gặp giá thấp thì than trách mà dầu giá cao hay là giá thấp cũng phải bán, chớ chẳng hề biết tính phương thê chí mà định giá lúa của mình bao giờ.

Đây là nói mấy người có lúa chút đỉnh thì chịu phần thiệt hại như vậy. Còn mấy điền chủ lớn, có lúa nhiều không thể chở lúa đi bán được, kêu chủ tiệm lúa đến vừa mà bán thì cũng không định giá được nữa; bởi vì trong lúc cần dùng tiền, nếu đi vay hỏi thì phải chịu lời nhiều, mà lại còn không biết đâu mà vay, nên dầu chủ tiệm lúa họ trả giá bao nhiêu cũng phải ưng chịu. Xưa nay đồng-bang ta bị như vậy mà phải bán lúa không đúng giá. Ví như một gia lúa mình mất chừng 2 đồng su, thì trong một tấn lúa tính số chẳng lối 45 gia thì phải mất hết ($45 \times 0,02 = 0,90$). Trong Nam-kỳ mỗi năm số lúa bán là một triệu rưỡi tấn. Ấy vậy mỗi năm đồng-bang ta phải mất hết ($1.500.000 \times 0,90 = 1.350.000$ \$00) (một triệu ba trăm năm chục ngàn đồng).

Nghĩ đó mà coi, nông-gia trong xứ ta xưa nay lớp bị thiếu vốn, lớp bị kềm chế, nên cả thầy đều chịu thiệt hại, ai có lúa nhiều thì thiệt hại nhiều, ai có lúa ít thì thiệt hại ít. Mà chúng ta chịu

hại đây, còn ai được lợi? Tôi tưởng chẳng cần nói ra đồng-bang cũng biết rằng sự mua lúa bán gạo chẳng phải về tay người mình thì sự lợi này nào có phải về phần mình hưởng được.

Sự hại tôi mới nói đây, ấy là hại về sự bán lúa mà thôi, chứ nông-gia trong xứ ta còn chịu hại trong nhiều chỗ khác nữa. Chẳng nói chi những tá-canh gặp lúc túng tiền mua mạ, mướn trâu, đi vay bỏi đôi ba chục đồng bạc phải chịu lời mỗi 100 \$ mỗi tháng 3. \$ (tính ra 100 \$ một năm là 36 \$ lời) là bạc rẻ hơn hết; thậm chí những điền chủ lớn nhiều khi cần dùng tiền đào kinh, đắp đập, mua trâu, mướn bừa, phải cầm cổ ruộng đất mà vay thì cũng phải chịu lời nhiều nữa. Có người hay phiên trách điền-chủ trong xứ ta sao cho tá-diễn vay ăn lời nhiều. Lời trách ấy cũng phải dó chút, song đồng-bang nghĩ lại mà thương giùm cho phận điền-chủ. Điền-chủ bẽ đi vay thì chịu lời rất nặng dẫu ăy thì làm sao mà giúp cho tá-diễn ăn lời nhẹ cho dặng.

Xét lại nông-gia trong xứ ta xưa nay chịu thiệt hại mọi bề, ấy là tại thiếu tư-bồn. Vậy những đấng thức-giả xướng ra mà lập hội *Nông-nghiệp Thương-tê* thì khá chằm nom về sự cất kho tàng cho đều đủ mà trữ lúa của nông-gia, và sự lập *Nông-nghiệp Thương-tê Ngân-hàng* mà giúp vốn cho nhau dặng khỏi bán lúa gấp và khỏi vay bạc mắc.

Sự cất kho mà trữ lúa thì tôi đã có phân tỏ rồi; đồng-bang đã rõ thấy sự lợi ích của cuộc ấy. Nay tôi xin chỉ cái cơ quan của cuộc *Thương-tê ngân-hàng* cho đồng-bang tường tắc.

Trong Nam-kỳ như tỉnh nào muốn lập cuộc này dặng giúp vốn cho nông-gia, thì trước phải lập hội *Nông-nghiệp Thương-tê* cho rồi đã, bởi cuộc *Ngân-hàng* là một tôn-chỉ của hội *Nông-nghiệp Thương-tê*. Khi quan Nguyên-soái phê chuẩn điều-lệ hội *Nông-nghiệp Thương-tê* rồi thì Hội-dồng Cai-quân phải chuyên lo kiếm hội-viên thêm cho nhiều. Nếu cả thấy nông-gia trong tỉnh đều vào hội thì càng tốt. Trong các tổng nếu chỗ nào hội-viên đủ số 50 người sắp lên thì phải lập một hội phần sở. Khi phần sở lập đều rồi thì trong mỗi phần sở phải cất kho tàng cho đủ mà trữ lúa của hội-viên, như lời tôi đã nói trong mấy kỳ trước.

Các việc an bài rồi, hội-đồng Cai-quản của hội *Nông-nghiệp Tương-tê* mới bàn tính cùng nhau mà lập một điều-lệ phỏng về *Nông-nghiệp Tương-tê ngân-hàng*. Cuộc *Ngân-hàng* này là một cuộc rất yêu hệ và rất lợi ích của xứ ta. Vậy đồng-bang nếu muốn làm thì phải nghiên-cứu cho kỹ lưỡng, đặt phương-pháp cho rành rẽ mới khỏi hư hại. Ông Loye là cựu Biện-lý, nay làm Trạng-sư tại Soctrăng, có lập sẵn một kiểu điều-lệ rất rành rẽ. Tôi tưởng đồng-bang ta như muốn lập cuộc này mà giúp ích cho nhau thì nên coi theo kiểu điều-lệ ấy mà làm, dường ấy đã thuận tiện mà lại trúng luật nữa. Đề qua kỳ sau tôi sẽ phiên dịch điều lệ ấy cho đồng-bang rõ thấy.

Xin đồng-bang chớ khá nghe nói lộn hoi cho vay mà tưởng rằng hội này phải hùn vốn cho lớn, *Cuộc Nông-nghiệp Tương-tê ngân-hàng* lập ra chẳng phải tính hùn vốn mà cho vay; hùn ý là đứng chung bảo kiết cho người trong hội vay của hãng bạc mà thôi. Bởi vậy vốn hùn chẳng cần phải nhiều, yếu cần điền-chữ phải hùn cho đông và mỗi người phải có sự sẵn cho lớn đặt hãng cho vay bạc họ thấy thê lực của mình chắc chắn mới chịu cho mình bảo kiết.

Quốc-dân ta xưa nay chưa có chí đoán-thề, chưa quen cách hiệp-hùn, nên tôi e có người nghe nói đứng bảo kiết thì có bụng sợ mắc bồi thường. Vậy tôi tưởng cũng nên cho mấy người ấy biết rằng trong hội *Tương-tê ngân-hàng* này chẳng hề khi nào bị bồi thường mà lo, bởi vì trong hội người nào muốn vay trước khi lấy bạc thì đã có thể chừng lúa hoặc ruộng đất chi đó rồi. Ví như có người vay mà trả không nổi thì hội sẽ bán lúa hoặc bán đất ấy mà lấy vốn lại, chẳng thê nào mất vốn được. Nói cùng mà nghe, ví như hội-đồng Cai-quản không xem xét kỹ lưỡng, hoặc lúa thê chừng thâu nhằm lúa ảm, hoặc đất thê chừng trị giá cao quá, đến chừng người vay không trả, hội bán những vật thê chừng ấy mà lấy vốn lại không đủ, thì chừng ấy hội-viên phần sở mới chia nhau mà thương số thiếu ấy. Sự thương đây là nói hờ đó mà thôi, chớ nêu hội-đồng Cai-quản cẩn thận thì chẳng hề khi nào có những việc ấy mà sợ.

Trong xứ ta cũng có hiếm nhà giàu có lớn, chẳng hề khi nào thiếu tiền bạc bao giờ. Mấy nhà ấy tuy không cần vay hoi

song cũng nên hùn vô cuộc này cho lớn dạng một là có thể bán lúa được cao giá, hai là giúp cho cuộc lý-tải trong nước được hưng thịnh, ba là chia tiền lời của hội cho vay. Đã biết sự cho vay thế đất thì định lời có 10 o/o, mà trong ấy hằng bạc ăn hết 6 o/o, hội còn có 4 o/o mà thôi. Mà nếu mỗi năm số tiền cho vay tới ba bốn chục muôn đồng như hội *Tương-tê ngân-hàng* tỉnh Mỹ-tho, thì số tiền lời lồi một muôn rưỡi đồng, coi có phải lợi chăng.

Trong xứ ta phần tư-bồn còn hẹp-hòi, nên quốc-dân ta túng thiếu, làm việc chi không được cả. Cuộc *Nông-nghiệp Tương-tê ngân-hàng* mà lập thành rồi thì tiền bạc của chúng ta sẽ được chời chỗ mà làm ăn, chừng ấy từ trên tới dưới, các bậc người đều được lợi cả. Ấy vậy tôi dám khuyên những thức giả, trong Lục-châu khá liên lạc nhau mà tán thành cuộc *Tương-tê ngân-hàng* cho đều trong mỗi tỉnh dạng giúp ích cho đồng-bang, và tôi cũng khuyên các điền-chủ thấy đều hùn vô cuộc này dạng *Nông-nghiệp* trong xứ ta được mở mang, lợi quyền của chúng ta được bền vững.

Những kinh-tê-gia bên Âu-châu tiếm được cái chức *Nông-nghiệp Tương-tê tư-bồn* là một chức làm phú cường cho nước nhà, rất lợi ích cho xã-hội. Các nước văn-minh nước nào cũng đua chen mà làm cho tinh-tấn cuộc ấy. Người ta đã có nhiều mối lợi khác, dân người ta đã có nhiều nghề nghiệp khác mà người ta còn dùng chức ấy thay; huống chi trong xứ mình, hơn dân chỉ nương nông-vụ làm gốc, mà phần tư-bồn lại thốn thiếu nữa, há chẳng nên bắc chức người mà tổ chức cuộc *Tương-tê tư-bồn* dạng dễ bề làm ăn hay sao? Ví như xưa nay chưa có ai làm, nay mình khởi ra e việc bất thành, nên còn dự dự cũng cho là phải. Kia, trong tỉnh Mytho hội lập đã trên 5 năm rồi, lợi ích cho hơn dân trong tỉnh biết là dường nào. Nọ, trong tỉnh Longxuyên, hội mới lập mà đã nên rồi đó; ấy cũng đủ làm gương cho đồng-bang noi gót.

Đã biết sự lập hội *Nông-nghiệp Tương-tê ngân-hàng* là sự khó đó chút; song tôi tưởng những đáng trí-thức trong Nam-

kỷ nếu thiệt hết lòng giúp nước thương dân ra gánh vát mà tạo thành cuộc này thì cũng chẳng khó chi đó. Hiện nay trong các tỉnh chỗ nào cũng có người học thức kiêm-thời. Nếu những đấng cao-minh ấy xướng ra mà làm thì có lo chi là không thành-tựu.

(Sau sẽ tiếp theo)

Hồ-văn-Trung

Đệ Huynh tranh luận

(TIẾP THEO)

Nguyễn-Đệ út huất trong lòng hoài, muốn nghe Huynh nói coi còn đều chi mà bất tiện; bởi vậy chiều bữa sau hỏi vợ lo cơm nước cho sớm dọn sẵn mà hỏi Huynh. Huynh ăn cơm mới vừa xong thì Đệ cứ theo cất hỏi.

Huynh.— Hôm qua qua nói với em rằng người Annam ra mua bán có một điều bất tiện là điều này: vả chăng người Annam chưa có lập được tàu-khẩu mà trừ hàng ngoại-quốc. Bây giờ em có lập tiệm thì phải đến hảng Langsa hoặc Hồng-mao mà sỉ hàng. Người phương tây đã san lòng giúp cho mình nên có lẽ cũng bán hàng đồng một giá như bán cho Khách-trú vậy. Tuy vậy mà qua nghe nói trong mấy hảng lớn ấy Khách-trú họ có má-chín (Compadore) đứng bảo lãnh cho họ mua hàng chịu được. Người Annam không có má-chín, vậy ai mà bảo lãnh cho em. Chẳng lẽ em lập tiệm cứ vát tiền đi mua mặc hết thấy hàng hóa cho được.

Đệ — Hễ mình mua bán quen rồi thì mấy hảng họ cũng giám bán hàng chịu cho mình vậy chứ.

Huynh.— Thôi, qua cũng cho mấy hảng họ giám bán chịu cho em đi; mà em lập tiệm chẳng lẽ bán rỗng hàng phương

Tây. Nêu em bán hàng phương Tây mà thôi thì qua chắc trong 10 người đi chợ có chừng một người ghé tiệm em đó là nhiều.

Đệ. — Minh cũng bán xen hàng Tàu nữa chứ.

Huỳnh. — À ! em cũng bán hàng Tàu nữa há ? Hàng Tàu bây giờ em đến đâu mà sĩ ? Thế nào em cũng phải đến mấy tàu-khậu Khách-trú Cholon mà sĩ. Em phải biết mấy năm nay các báo quán và mấy trang thức-giã khuyến khích đồng-bang mở mắt đỡ chơn mà tranh thương cùng khách-trú. Thiệt cũng nhờ đó nên ngày nay tiệm Annam lập được bộn. Mà nghĩ lại mấy trăm năm nay khách-trú họ chiếm đoạt thương trường nơi Nam-Việt ta, họ thâu hưởng mối lợi rất lớn. Qua tưởng nay họ nghe người mình rủ nhau cạnh tranh quyền lợi với họ, thế khi họ cũng hiệp nhau mà chống cự với mình chứ chẳng không. Cha chã ! Qua coi trong cuộc thương-mãi thế họ mạnh như voi, còn thế mình yếu như nhái, làm sao mà cự với họ cho được nữa em ?

Đệ. — Anh thấy hiện trạng như vậy, anh sợ cũng phải. đó chúc ; song nghĩ trong Nam-kỳ này dân số Annam trên 3 triệu người, còn khách-trú không đầy 20 muôn. Những người đi mua toàn là người của mình. Nếu người mình cứ đến tiệm của mình mà mua thì làm sao mà cự không lại khách-trú.

Huỳnh. — Biết người mình hết thấy đều có bụng như vậy chẳng ?

Đệ. — Hồi nầy anh nói mấy năm nay những đấng cao-minh, trí-thức rủ ren đồng-bang đoàn-thề mà cạnh tranh quyền lợi cùng khách-trú. Thiệt nhờ đó nên người Annam bây giờ ai ai cũng có lòng ái chuộng, ai ai cũng biết giúp ích đồng-bang. Tại anh ích hay châu lưu, anh không rõ nhơn-tình nên anh mới nói vậy chứ. Đâu anh hùn với em đặng lập tiệm mua bán thứ coi có quã như lời em nói đó chẳng.

Huỳnh. — Qua nghi lắm em. Ai cũng vậy, đi chợ mua đồ hề chỗ nào rẻ thì mua ; nêu đồng-bang bán mắc, còn ngoại-bang bán rẻ thì giúp đồng-bang sao được.

Đệ. — Trong sự mua bán mình phải nương theo giá của người ta mà bán chứ bán mắc hơn sao được.

Huynh. — Nếu bán đồng giá với khách-trú thì phải lỗ.

Đệ. — Sao mà lỗ ?

Huynh. — Phải, nếu em bán đồng giá với khách-trú thì phải lỗ. Qua thấy có một điều này thì cũng đủ cho qua đoán chắc người mình tranh thương không lại khách-trú. Khách-trú họ mua hàng chịu được. Ví như họ mua chịu một ngàn đồng bạc hàng, ba tháng mới trả tiền. Họ đem hàng về liền bán xối xả, hoặc bán vốn, hoặc bán lỗ chút đỉnh cũng được, miễn là cho mau hết hàng, đừng lấy tiền làm vốn mà mua bán món khác. Tiền thiếu của hàng ba tháng nữa mới trả có hại chi. Họ làm như vậy ví cũng như mượn vốn làm ăn, khỏi vay hỏi, thì em mua bán sao lợi họ?

Đệ. — Anh nói cho quá, chớ có lý nào họ xảo quyết đến thế.

Huynh. — Nếu em không rõ cách thê của khách-trú thì em mua bán sao được. Qua còn thấy một điều này nữa : trong mấy chợ nhỏ nhỏ thường có ghe của khách-trú chở hàng đến mà bán sỉ cho mấy tiệm. Mấy tiệm lâu nay bỏ hàng của ghe ấy đã quen rồi. Ví như có tiệm Annam nào mới lập ra trong chợ ấy ; hễ ghe hàng lại thì khách-trú họ dặn phải bán hàng cho chủ tiệm Annam giá mắc hơn bán cho họ mới được. Nếu ghe hàng nào không nghe lời họ thì họ không thêm bỏ hàng của ghe ấy nữa. Vả ghe hàng cũng là khách-trú mà bán hàng cũng là khách-trú, thê nào họ nói với nhau cũng được. Chứ tiệm Annam không hay chi hết cứ việc bỏ hàng lên bán ; hàng mua mắc hơn các tiệm khách-trú trong chợ thì làm sao mà bán cho có lời. Em coi có khờ hay không ?

Đệ. — Nếu ghe hàng có bán mắc thì ta đi chỗ khác ta bỏ hàng.

Huynh. — Đi đâu ?

Đệ. — Chớ Cholon hết tàu-khậu hay sao ?

Huynh. — Ồi ! tàu-khậu thiếu gì, song cả thấy đều là của khách-trú, nếu họ rập với nhau mà bán hàng mắc cho em thì em làm sao ?

Đệ. — Có lẽ nào vậy anh.

Huynh. — Sao không có lẽ. Người Annam tính hiệp với nhau

mà tranh quyền lợi với họ, lý nào họ lại không biết tính với nhau mà bảo thủ quyền lợi hay sao ? Họ đã chiếm được cái *thương trường tinh-thần* trong xứ mình rồi, ấy là cái địa vị tốt đẹp của họ, lẽ nào họ lơ lửng để cho người Annam giựt lại hay sao ?

Đệ. — Chà ! chà ! bây giờ anh dùng chữ mới, luận nghe ngộ quá.

Huỳnh. — Qua thấy em mê mẩn trong đường công cồ nên qua giận qua mua sách mới của Tàu qua đọc thử coi. Tại qua đọc nhiều, thấy chữ mới thường, nên dùng quen miệng.

Đệ. — Sao khi trước anh ưa thuyết đạo-đức mà bây giờ anh lại đọc tân-thơ ?

Huỳnh. — Chẳng phải khi trước hay là bây giờ, đạo-đức là môn học rất quý báu, đời nào cũng không bỏ được. Nếu loài người mà không có đạo-đức thì làm sao mà gọi là người.

Sao theo lời qua nói nầy giờ đó, em coi có phải người Annam mình ra mua bán có chỗ bất tiện chẳng ? Qua nói vậy còn, khó lắm em ôi ! Trong sĩ, nông, công, thương, nghề nào cũng có lợi. Xưa nay mình quen thuộc nghề làm ruộng, thôi thì cứ noi theo đó mà làm cho dễ, khỏi lo ai giành giựt.

Đệ. — Anh nói tức quá. Bởi xưa nay anh mải lo làm ruộng không chịu mua bán, nên làm lúa được bao nhiêu thì bị chúng đoạt lợi hết đó.

Huỳnh. — Làm sao mà đoạt được, lúa trả phải giá mình bán, không phải thì thôi, đề đó ề ầm chi mà sợ.

Đệ. — Sao không ề. Lúa anh giỏi ề thì một năm mà thôi, chớ anh ề qua năm sau mục hết còn gì. Chớ anh không thấy mấy bài luận của ông Trần-nguyên-Lượng và Hồ-văn-Trung về *Nông-nghiệp Thương-tê hội* đó hay sao.

Huỳnh. — Chớ em biểu ra mua bán, mà mua bán bị chúng ẹp như vậy thì mua bán sao được. Ví như em lập tiệm lúa đi nữa, mà em mua lúa rồi cũng phải chở đến khách-trú mà bán

vậy, làm sao mà tránh khỏi tay họ được. Người mình muốn mua bán phải làm thế nào cho có tàu-khẩu của mình đặt trữ hàng kia mới được.

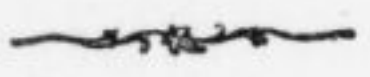
Đệ. — Em nghĩ anh nói nghe cũng phải đó chứ. Thôi, để em xét lại coi

Huỳnh. — Em đừng xét mệt trí. Qua coi khó mà tranh thương với khách-trủ lắm em.

Đệ. — Xin phép anh để em nghĩ một đêm rồi em sẽ cãi với anh.

(Sau sẽ tiếp theo)

Cổ-Nguyệt-Trang



Hàng hóa nhập khẩu

Trong *Đại-Việt Tập-Chí* số 2 đã có ấn hành cái biểu biên số sản vật xuất dương. Nay xin ấn hành luôn cái biểu biên số hàng hóa nhập khẩu của quan Quản-Đốc sở Thương-Chánh ra sau đây cho Đồng-bang rõ thấy trong Đông-Dương ta, từ năm 1912 tới năm 1916, năm nào mua của ngoại quốc thứ hàng nào là bao nhiêu.

KẸ THỨ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU (Thứ nào nhiều kể trước)	GIÁ HÀNG NHẬP KHẨU TRONG NĂM				
	1912	1913	1914	1915	1916
	ngàn quan	ngàn quan	ngàn quan	ngàn quan	ngàn quan
Vải bố mỏng	29.857	36.468	27.662	16.284	34.952
Vải bố dày	6.043	11.090	16.560	8.669	16.862
Lụa	8.765	12.877	11.599	12.471	11.657
Dầu lửa và dầu sắn	5.517	6.162	5.386	5.130	10.025
Chĩ vải	6.499	4.667	5.886	7.683	8.954
Đồ vật dụng thuộc loại kim	8.639	8.933	8.464	4.896	7.707
Vàng lá	5.056	8.449	7.048	6.256	7.523
Nha-phiến Ấn-độ	1.013	1.126	6.822	6.194	6.895
Nĩ dệt vải mỏng	4.004	4.635	3.695	2.539	6.788
Sắt và thép	3.845	5.379	3.279	2.620	6.408
Đồ kiểu của Trung-quốc và Nhứt-bốn (tô, chén, đĩa v.v.)	4.977	6.127	4.356	4.533	6.084
Đồ y phục	4.369	3.840	3.157	2.471	5.366
Đường	5.279	4.459	3.785	3.320	5.307
Các thứ máy	4.781	4.605	4.820	2.045	5.012
Cau khô	3.044	4.540	3.324	2.946	4.954
Nĩ	1.488	2.686	2.480	680	4.770
Súng và thuốc đạn	9.606	5.684	5.998	2.553	3.598
Các thứ rượu nho	4.067	4.541	2.969	2.830	3.472
Vật thực về loại rau	2.589	3.105	3.123	2.362	3.104

KÈ THỨ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU (Thứ nào nhiều kể trước)	GIÁ HÀNG NHẬP KHẨU TRONG NĂM				
	1912	1913	1914	1915	1916
	ngàn quan	ngàn quan	ngàn quan	ngàn quan	ngàn quan
Các thứ giấy và bao thơ của Trung-quốc.....	3.280	2.984	2.581	3.151	2.854
Bột mì.....	3.619	4.922	3.487	2.364	2.721
Đồ chế tạo theo hóa học.....	2.067	2.787	2.100	2.205	2.408
Trà.....	3.311	6.033	2.986	2.435	2.262
Trái cây.....	2.055	2.279	1.835	2.043	2.150
Thuốc bắc của Trung-quốc đem qua.....	1.034	2.196	1.850	1.704	1.853
Búng tàu.....	1.200	1.408	1.295	1.535	1.808
Thuốc điều vắn rồi.....	1.446	1.932	3.510	1.740	1.712
Da và đồ làm bằng da thú.....	2.453	2.447	2.471	997	1.615
Chỉ bố, gai.....	1.567	2.208	1.616	1.853	1.612
Nước màu để nhuộm đồ.....	440	523	621	356	1.559
Giấy bông.....	985	1.313	1.117	1.300	1.555
Sách, nhựt trình, hình và các thứ đồ in.....	2.484	1.852	1.995	1.911	1.546
Đồ làm bằng cao-su (nhựa thung).....	1.090	1.281	1.290	1.080	1.522
Thuốc bảo chế rồi.....	1.642	1.822	2.720	1.233	1.504
Giấy tiền, giấy vàng bạc.....	1.638	2.118	1.379	1.305	1.457
Rượu đặt bằng máy.....	2.490	2.396	2.104	1.156	1.449
Xà-bong thơm.....	1.349	1.624	1.034	1.440	1.377
Chiếu, thúng, dỏ, nón.....	1.798	1.205	1.073	1.150	1.461
Xe hơi và đồ phụ tùng.....	1.455	1.647	1.518	1.193	1.265
Đồng.....	878	1.029	661	362	1.166
Đồ nữ-trang đồng hồ.....	592	1.019	758	728	1.119
Thuốc gói chưa vắn.....	886	1.343	1.333	1.023	1.112
Bố chải rồi.....	890	1.118	830	1.069	923
Thiết.....	1.020	976	835	575	906
Sữa đặc có chế đường rồi.....	1.400	872	1.030	379	849
Nhan.....	992	783	839	877	829
Màu.....	1.128	2.659	1.033	693	828

KẺ THƯ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU (Thứ nào nhiều kẻ trước)	GIÁ HÀNG NHẬP KHẨU TRONG NĂM				
	1912	1913	1914	1915	1916
	ngàn quan	ngàn quan	ngàn quan	ngàn quan	ngàn quan
Dù bằng vải	1 095	1.348	946	410	743
Bài	367	1 313	529	369	713
Nhợ, dây	602	968	1.034	773	673
Than đá sống	519	378	778	269	667
Bánh mì hộp	320	341	286	319	634
Ve chai	549	811	1.078	448	618
Cá	455	807	555	465	606
Xe máy và đồ phụ tùng	626	1.544	1.333	802	584
Bơ mận	705	583	517	568	574
Đồ đồ trẻ nhỏ chơi	1.417	1.427	1.047	577	571
Vải đổi mỗi	476	463	292	653	568
Đèn cây	671	468	404	709	553
Nước suối	561	467	464	600	527
Thú vật	1.319	485	333	463	524
Ly bằng chai và bằng pha-ly..	647	1.270	818	520	493
Khoai tây	900	876	820	705	467
Đồ vật dụng bằng cây	438	452	593	437	430
Phô-mách (<i>fromage</i>)	311	330	291	191	405
Nước đường, bánh đường, mức làm bằng trái cây	541	790	503	936	378
Đèn khí	308	239	557	202	368
Trà-phe hộp	559	745	652	306	343
Thuốc xi-gà (<i>cigare</i>)	473	477	497	229	342
Thuốc tàu	361	400	287	336	325
Bánh dầu	107	176	64	310	226
Chỉ tơ	260	299	250	676	214
Sáp sống	216	105	205	281	210
Rượu La-ve (<i>bière</i>)	739	981	514	319	173
Xi-mon (<i>ciment</i>)	923	670	615	259	160
Sô-cô-la (<i>chocolat</i>)	182	207	420	216	118

Các mỏ đồng trong Thế-giải

Trong năm 1913, cả toàn cầu khai những mỏ đồng lấy được hết thấy gần một triệu tấn : Trong số ấy nước nào bao nhiêu xin biên sau đây :

Huê-kỳ.....	557.300	tấn
Nhứt-bôn.....	56.000	—
Mết-xít-cờ (Mặc-tây-ca).....	52.000	—
Ét-Banh và Bọt-tu-ganh (Tây-ban-nha và Bồ-đào-nha).....	52.000	—
Ốt-tra-ly (Út-đại-lợi-á).....	45.300	—
Nga-la-tư.....	44.000	—
Chi-li (Trí-lợi).....	40.100	—
Ca-na-da (Gia-nả-đại).....	34.500	—
Bê-ru (Bí-lồ).....	25.700	—
Đức-quốc.....	25.000	—
A-phờ-rít-cờ (Á-phi-lợi-gia).....	20.000	—
Bô-li-Huy (Ba-lợi-phĩ-á).....	5.000	—
Cu-Ba (cồ-ba).....	3.400	—
Các chỗ khác.....	30.000	—

Lấy những số trên đây mà suy thì một mình Huê-kỳ có đồng nhiều hơn các nước nhập lại, bởi vì ở miền Thượng-hồ và châu Ca-ly-Pauộc-ny (Kim-sang), có nhiều mỏ đồng rất rộng lớn. Đã vậy mà tại Huê-kỳ có lập nhiều công-xưởng lớn nên đồng lấy được trong mấy nước gần đó là Ca-na-da, Mết-xít-cờ, Chi-li và Bê-ru đều chở đến Huê-kỳ mà nấu ra nữa.

Trước khi Âu-châu khai chiến thì các công-xưởng ở Huê-kỳ, Ca-na-da và Mết-xít-cờ nấu ra cộng số chung được 680.000 tấn.

Tưởng nên cho biết số đồng của Huê-kỳ bán cho các nước thuộc Âu-châu trong ba tháng đầu năm 1914 (chưa có giặc) và trong ba tháng đầu năm 1915 (đương lúc giặc) đăng đề so sánh coi lúc thái bình và lúc giặc-giã nước nào mua bao nhiêu.

NƯỚC NÀO MUA ĐỒNG CỦA HUÊ-KỶ	SỐ ĐỒNG MUA trong ba tháng đầu năm	
	1914	1915
	tân	tân
Đức-quốc.....	40.744	«
Pháp-quốc.....	21.946	28.913
Anh-quốc.....	20.180	22.124
Hòa-lang.....	19.957	212
Ao-quốc.....	6.079	«
Ý-đại-lợi.....	5.127	14.119
Tĩ-lợi-thì.....	1.554	«
Nẫu-hoai và Thoại-diễn.....	«	5.785

Coi theo những số trên đây thì rõ thấy trong ba tháng đầu năm 1915 Đức-quốc và Áo-quốc không mua đồng được nữa, vì bị chiến thuyền của Anh-quốc và Pháp-quốc vây chặt các hải khẩu, nên tàu buôn không thể ra vô được.

(Rút trong Đồng-dương lý-tài toàn chí)



MUA
đầu năm

1915

tần

«

8.913

2.124

212

«

4.119

«

5.785

áng đầu
c nửa, vì
c các hải

i)

BÁC-HỌC-KHOA

Pháp-luật

THƯƠNG VỤ LUẬT LỆ

Luận về Tâm-thể-hội (tiếp theo)

TÂM-THỂ CỒ-PHẦN HỘI CHI HIỆP-ĐỒNG

Chúng tôi ký tên sau đây là Nguyễn-văn-Giáp ở, Lê-văn-Ất ở và Trần-văn-Bính ở đồng đứng lập một hội Tâm-thể cồ-phần đăng nổi lò làm đường, cùng nhau có thương nghị và ưng thuận làm tờ hiệp đồng như dưới đây :

Điều thứ 1. — Tờ này làm ra đăng mà lập một hội tâm-thể cồ-phần, để tên Nguyễn-văn-Giáp đứng chủ-trương mà quản lý hội, tên Lê-văn-Ất và Trần-văn-Bính là thể-viên, còn hết thấy những người lấy phần hùn đều là tâm-viên.

Điều thứ 2. — Chủ nghĩa hội này là lập một cái lò tại dùng máy mà làm mía ra đường.

Xã-viên với chữ ký tên của hội thì là Nguyễn-văn-Giáp và công-ty. Giao rằng có một mình Nguyễn-văn-Giáp được dùng chữ ký tên đó mà thôi, song phải dùng trong việc nào thuộc về việc của hội, chớ không đăng dùng về việc riêng.

Điều thứ 3. — Định lập hội trong một hạng 18 năm ; Hội quán đề tại

Điều thứ 4. — Tên Nguyễn-văn-Giáp chịu đem vào hội một cái máy đề cán mía và làm đường. Nó xin trong hội 15 phần hùn

mà trừ cái máy đó. Lời xin ấy sẽ trình cho hội-viên nhóm, đại hội lần nhứt xét, qua lần nhì đại hội sẽ nhứt định.

Điều thứ 5. — Tư bản của hội thì là một cái máy của tên Nguyễn-văn-Giáp và một số tiền 10.000 \$ 00 chia ra làm 100 phần hùn mỗi phần là 100 \$ 00.

Điều thứ 6. — Tên Lê-văn-Ất và Trần-văn-Bình là thẻ-viên chịu hùn vào hội mỗi người 15 phần hùn.

Điều thứ 7. — Cách thâu tiền hùn như vậy : Thâu một phần tư lúc chịu hùn, khi hội lập thành, thâu thêm 2 phần tư nữa, còn một phần tư chừng nào hội có cần dùng sẽ thâu tất.

Điều thứ 8. — Hội-viên nào đóng tiền hùn, thì quản lý viên cho biên lai, trong ấy có biên tên họ người hùn, chừng nào số tiền mình hùn đóng tất rồi, thì quản lý viên thâu biên lai ấy lại rồi cho một cái giấy cổ-phần, hoặc hữu danh, hoặc vô danh tùy ý hội-viên muốn (1).

Điều thứ 9. — Nếu ai đóng trễ phần hùn của mình, thì phải chịu lời cho hội, việc tính lời, thì cứ mỗi trăm-đồng trong 12 tháng là 10 đồng bạc lời.

Điều thứ 10. — Cách bán cổ-phần vô danh như bán hàng hóa (nghĩa là đưa giấy lấy tiền); còn ai muốn bán cổ-phần hữu danh, thì hai đảng đánh mua bán phải đến hội quán ký tên vào sổ, đăng hội đổi giới tên họ cho.

Điều thứ 11. — Mỗi cổ-phần chẳng đăng chia mảnh mùng, hội nhìn biết có một người chủ mà thôi.

(Nghĩa là một phần hùn một chủ mà thôi, chứ hội không chịu cho mỗi phần hùn nhiều người làm chủ.)

Điều thứ 12. — Người nào hùn vào hội, hay là mua phần hùn, thì phải biết và phải tuân theo các thẻ lệ trong hội, không được cãi chối.

(1) Hãy coi nghĩa cổ-phần hữu danh và cổ-phần vô-danh trong tập chí số 6, nơi trang 540 khoản chót.

Điều thứ 13. — Việc cai trị trong hội, thì giao cho một mình tên Nguyễn-văn-Giáp là Quãn-lý, có đủ quyền hành rộng, được ký tên thơ-từ, sổ-sách của hội, nếu có việc tranh tụng, thì được tính êm thuận với người ta, hoặc xin người phân đoán, được cử đặc, hoặc đuổi những người muốn làm việc cho hội; nếu mấy người ấy làm lỗi thì thiệt hại về mình chịu, cho ăn lương mỗi tháng là 70 \$ 00.

Điều thứ 14. — Muốn có thẻ bảo chứng chắc-chắn về sự cai-quản đó, thì người quãn-lý phải đề trong hội các phần hùn mà hội nhứt định cho (sổ phần hùn khâu trừ cái máy nói trước đó). Tuy mấy phần hùn ấy không được bán cho ai, song người quãn-lý cũng được hưởng nhờ quyền-lợi như các phần hùn của hội-viên vậy.

Điều thứ 15. — Người quãn lý được mời hội-viên nhóm Đại-hội, lúc nào có việc cần kíp.

Điều thứ 16. — Phải cứ 5 người hội-viên đăng lập một hội Kiểm-sát để thay mặt cho các hội-viên khác mà coi chừng cho người quãn-lý hành sự.

Hội-viên nhóm Đại-hội lần thứ nhì phải cứ hội kiểm-sát ấy. Ngày nào hội ấy khởi công thì phải có lập tờ vi bằng làm cứ, trong tờ vi-bằng ấy, phải do rằng 5 người được cử đó chịu lãnh chức kiểm sát hội-viên.

Điều thứ 17. — Hội ấy mỗi năm đến kỳ nhóm Đại-hội thì thay đổi một người, người nào mãng hạng được tái cử.

Điều thứ 18. — Thuộc về phận hội ấy lựa chọn hội-trưởng và thơ-ký trong 5 người được cử đó. Hội ấy phải nhóm cho thường tại hội-quản mà kiểm sát mọi việc, có quyền mời nhóm đại hội ngoại lệ.

Các lời thương-nghi của hội kiểm-sát phải nhứt ký trong sổ của hội.

Người được cử vào hội ấy, phải có hùn ít nữa là năm phần.

Điều thứ 19. — Mỗi năm đến tuần tháng giêng hội-viên phải nhóm Đại-hội một lần.

Điều thứ 20.—Chứng nhóm đại hội phải có mặt ít nữa là người hội-viên, được ít nữa 2 phần mười số tư-bồn của hội đại hội mới đủ quyền mà thương nghị.

Điều thứ 21.— Về phận hội trưởng hội kiểm-sát điều-đại-hội, nếu người ấy vắng mặt, thì hội chọn cử người thế, người nào hùn lớn hơn hết làm tá-viên, rồi ba viên chủ chọn người thơ-ký.

Điều thứ 22.— Hội-viên nhóm đại-hội lắng nghe đọc bẩm cáo của hội kiểm-sát, cải cộ và phê phủ các việc xuất p định số tiền lời để chia cho hội-viên.

Lời thương-ngộ của hội phải có hội trưởng và thơ-ký ký rồi nhứt ký vào sổ riêng của hội.

Điều thứ 23.— Một năm của hội là kể từ mùng một tháng giêng cho đến 20 tháng chạp. Trong tuần tháng giêng, người quản-lý phải làm sổ thanh đơn biên hết tài sản của hội và của hội thiếu người ta, rồi trao sổ ấy cho hội kiểm-sát xét lại.

Điều thứ 24.— Hội kiểm-sát làm bẩm cáo kể các việc hội làm trong năm và trần ý với đại-hội nên biết làm những chi cho hội thanh phát.

Điều thứ 25.— Các số tiền tồn phí trong năm trừ ra rồi trong hội còn dư bao nhiêu ấy là tiền lời của hội.

Trong số lời ấy cứ mỗi trăm đồng phải lấy ra:

1e— 5\$00 để làm tiền dự bị cho hội.

2e— 70.00 để chia cho hội-viên.

3e— 15.00 để thưởng công người quản-lý.

4e— 10.00 để thưởng những người giúp việc cho hội.

Điều thứ 26.— Mỗi phần hùn được hưởng lợi quyền trong hội đồng nhau.

Điều thứ 27.— Hội-viên nhóm đại-hội có quyền can thiệp các điều khoản trong tờ hiệp-đồng này, như là :

1e Định kêu hùn thêm ;

2e Định lấy lời mà thối lần cho các phần hùn ;

3e Định diên kỳ số năm định lập hội hay là định rã hội.

Nhưng mà phải có mặt ít nữa là 25 người hội-viên, mà số tiền hùn của 25 người ấy phải được phân nữa số tư-bồn của hội, thì mới được nhứt định mấy khoản nói trên đó.

Điều thứ 28. — Nếu trong hội làm lờ bệt phân nữa tư-bồn, thì nhóm Đại-hội đình sự rã hội, việc tính toán sổ sách sẽ giao cho người Quản-lý; đại-hội có phép chọn một hai người hội-viên đặng phụ giúp Quản-lý trong việc tính toán đó.

Điều thứ 29. — Các vụ tranh tụng trong việc hùn hiệp đây sẽ đem tới tòa thương mại..... xin phán đoán.

Tờ hiệp đồng này làm ra hai bản, tại.....ngày.....tháng.....năm....

(Tên Giáp, tên Ất và tên Bính phải ký tên vào.)

*
* *

Luận về nặc-danh hội

Nặc-danh hội là một hội trong ấy không có người hội-viên nào ra mặt, như ruồi có lỗ vốn thì hội-viên hao phần hùn hay là mất hết phần hùn của mình mà thôi. Ấy là hội vật, hội tư-bồn, chứ không phải hội người như Tập-danh hội, mà cũng không phải về hội người, về hội-vật như tâm-thể hội.

Bởi vậy cho nên, tư-bồn của hội chia ra cò-phần, bất luận ai có tiền, đều-được hùn vào hội và hội ấy chẳng có xả-viên, duy lấy vật chế tạo mà đặt tên, hoặc lấy công việc làm mà đặt tên.

Thí dụ : hảng bạc Đông-dương (Banque de l'Indochine) hảng tàu sông Nam-kỳ (Compagnie des Messageries fluviales en Cochinchine); hảng xe lửa Saigon-Cholon (Compagnie des Chemins de fer Saigon-Cholon); hảng buôn bán Hậu-giang (Galerie de l'Ouest Cantho) v. v.

Người ta thường lập hội nặc-danh đặng cho có tư-bồn nhiều mà làm đại sự. Thuở trước ai muốn lập hội này, thì phải xin phép nhà-nước, phải cầu chứng Notaire mà làm tờ hiệp-đồng. Mà từ khi ban hành luật năm 1867 đến nay, thì thiên hạ thông thả mà lập hội, muốn lập tờ hiệp-đồng tư cũng được, duy

luật có buộc một điều này là phải rủ cho đủ bảy người hội-viên sắp lên, thì lập hội mới đủ phép.

Cách thế lập hội. —Thế cách lập hội cũng dường tượng như thế-cách lập hội tâm-thề cổ phần vậy. Luật năm 1867 có luật ngày 1^{er} Août 1893 canh cái buộc phải đủ mấy có sau đây thì hội mới thành lập.

1^o — Nếu định tư-bồn của hội dưới 200.000 quan tiền langsa hay là 80.000 \$ thì mỗi phần hùn phải định ít nữa là 25 quan hay là 10\$00. Còn như hội định tư-bồn trên số 80.000\$00 đó, thì mỗi phần hùn phải định ít nữa là 100 quan hay là 40\$00 sắp lên.

2^o — Số cổ phần mình kêu hùn phải có người lấy cho tất.

3^o — Như mỗi hùn định dưới 40\$00, thì người hùn phải đóng rồi 10\$00 ; còn như mỗi hùn định 40 \$ sắp lên, thì người hùn phải đóng cho rồi một phần tư.

4^o — Số người ta hùn vào hội, số tiền người hùn đóng cho hội, thì mấy người đứng lập hội phải làm khai và cầu chứng Notaire ; phải đính theo lời khai ấy, một cái sổ tên người hùn, một cái sổ chứng sự đóng bạc hùn, một bản tờ hiệp-đồng lập hội.

Giấy tờ ấy, phải trình cho Đại-hội nhóm lần đầu xem xét (1).

5^o — Cách trị giá những vật người hội-viên hùn vô hội, thì y như cách đã nói trong hội tâm-thề cổ phần vậy : duy số người nhóm cho đủ phép không giống mà thôi.

6^o — Đại-hội nhóm lần đầu phải chọn cử quản-lý-viên và cử một hội kiểm-sát. Cũng giống như trong hội tâm thề cổ phần, người quản-lý, những người đăng lập hội, những hội-viên được cử làm chức kiểm-sát, hễ ai bất tuân theo thức lệ của luật buộc, làm sai khoản nào ; như hội lập sai phép bị tòa hủy, hoặc người quản-lý hành sự trước khi lập thành hội kiểm-sát, hoặc những người có quyền cai quản hội sanh lòng gian tham của hội, thì

(1) Trong hội tâm-thề cổ phần thì về phần người quản-lý đi khai các việc nói đó, còn giấy tờ ấy, thì về phần hội kiểm-sát xem xét.

phải bị thường thiệt hại cho hội-viên, hoặc bị hình phạt từ 500 quan tiền Langsa cho tới 10.000 quan, khi nào có gian tham còn phải bị phạt tù nữa.

Bởi vậy cho nên những người chịu ra làm phận sự ấy, trước hết phải học hỏi cho rành, rồi theo luật mà làm, thì mới khỏi bị trách phạt.

* * *

Về việc cai quản hội

Về việc cai quản hội, thì giao về phần :

- 1o — Các hội-viên nhóm Đại-hội nhất định việc làm ;
- 2o — Nhiều người quản-lý để lo thi hành lời thương nghị của hội-viên ;
- 3o — Nhiều người cử làm kiểm-sát-viên để xem sóc các việc trong hội.

Nhóm đại hội. — Phải phân biệt nhóm đại hội lúc hội gần lập thành, nhóm đại hội lệ thường và nhóm đại hội ngoại lệ.

1o — Lần đầu hết người đứng lập hội mời nhóm đảng xem xét lời khai của mấy người lập hội đó về số cổ phần, về số tiền người hùn đóng cho hội ; lần thứ nhì, nhóm đại hội đảng trị giá những vật người hùn đem vào hội thế cho tiền hùn (như điền thổ nhà cửa v.v.) nhất định để bao nhiêu hùn mà thưởng kẻ có công lập hội và chọn cử những người kiểm-sát.

Trong hai kỳ nhóm đó, mỗi người hùn đều có nhiều ít tiếng thăm, là tùy hùn nhiều hùn ít, song mỗi người hùn không đảng có quá mười tiếng thăm.

Bất luận số người nhóm bao nhiêu, miễn là mấy người có mặt nhóm đó, có số hùn bằng phân nửa số tư-bồn của hội, thì hội đủ quyền thương nghị.

Như nhóm không đủ số ấy, thì phải mời nhóm một lần nữa. Qua lần sau hễ mấy người nhóm có số hùn bằng một góc năm số tư-bồn thì hội nghị luận đủ phép.

2o — Nhóm Đại-hội lệ thường thì mỗi năm mỗi nhóm theo ngày tháng trong tờ hiệp-đồng định. Kỳ nhóm đó chọn cử người kiểm sát đặng qua năm sau làm tờ phúc cho đại-hội rõ về công cuộc của hội làm, về việc xuất phát và lợi hại của hội, của mấy vị quân-lý đã làm trong năm:

Trong kỳ nhóm này, chẳng phải mỗi người hùn được nhóm hết. Trong tờ hiệp đồng có định mỗi người hùn phải có chịu mấy phần hùn mới được nhóm, song thế nào, mấy người được nhóm và có mặt phải có số hùn cộng chung bằng một phần tư số tư-bồn của hội, thì lời bàn luận của hội mới đủ phép. Nếu lần nhóm đó, không đủ số định như vậy, thì phải mời nhóm lần thứ hai; trong lần này dầu có bao nhiêu người nhóm thì cũng đủ quyền mà thương nghị.

Có luật ngày 1^{er} Aout 1893, sợ e mấy người hùn ít phần, không được nhóm phải bị thiệt hại chẳng, nên cho phép mấy người hùn ít, hiệp số hùn nhau lại cho đủ số định, rồi cho một người hùn nào đi thay mặt chung, đặng đến nhóm hội mà bình quyền lợi cho nhau. (Thí-dụ tờ hiệp-đồng định mỗi người phải có mười phần hùn mới được đi nhóm Đại-hội. Vậy thì mấy người hùn ít, như mỗi người một hùn phải hiệp nhau lại cho đủ 10 người, nghĩa là đủ 10 phần hùn, rồi trong 10 người chọn một người cho đi thay mặt chín người kia mà nhóm hội).

3o — *Nhóm đại hội ngoại lệ.* — Theo luật ngày 22 Novembre 1913 thì nhóm ngoại lệ khi nào hội muốn sửa một ít điều khoản chi trong tờ hiệp-đồng, như tuyên kỳ hạn lập hội, rã hội, giới hội-quán, sửa kiểu giấy cổ-phần, sửa cách cai quản hội, cách chia tiền lợi, sửa hình-thẻ, chữ-nghĩa của hội, định thêm bớt tư-bồn v. v.

Khi nhóm ngoại lệ mà canh cái điều-lệ, thì bất câu là người hùn nào cũng được nhóm, hề có hùn mấy hùn thì được mấy tiếng thăm.

Như nhóm mà sửa hình-thẻ hay là chữ-nghĩa của hội, thì luật buộc số người nhóm phải có số hùn cộng chung cho được bằng ba phần tư số tư-bồn của hội, và những người hùn có mặt trong ba phần phải có hai phần ưng chịu, thì việc nhất định của

hội mới đủ phép. Còn như nhóm mà định về các khoản khác, hề kỷ nhứt không đủ số đã định trước đó, thì mới nhóm kỷ nhì, song phải rao trong nhứt-báo hai lần cách khoản 25 ngày, trong lời rao ấy phải biên rõ nhóm làm việc chi và biên việc nhóm kỷ nhứt bởi sao không thành.

Trong kỷ nhóm thứ nhì, hề số người đi nhóm có phần hùn cộng chung lại bằng phân nửa số tư-bồn của hội, thì nhóm đủ phép.

Như kỷ nhì nhóm không đủ số, thì mới nhóm kỷ ba, cũng phải truyền rao như đã nói trước.

Trong kỷ ba, hề số người đi nhóm có phần hùn cộng chung lại bằng một phần ba tư-bồn của hội, thì hội có đủ quyền thương nghị.

Song trong ba kỷ nhóm đó, kỷ nào đủ phép thì lúc nhứt định việc chi cũng phải có đủ hai phần ba số người có mặt ưng chịu mới được.

Quản-lý viên. — Quản-lý viên trong hội nặc danh là người của đại-hội chọn cử, để thay mặt cho hội mà hành sự, hoặc nội cho ăn lương, hoặc hội bắt làm thí công, hội có quyền phê lui (đuôi).

Nếu có chọn cử nhiều người quản-lý, thì mấy người ấy, nhóm nhau lại thành hội cai-quản.

Phép chọn người quản-lý thì chọn những người có hùn vào hội mà thôi.

Hội cai-quản không lẽ nhóm hoài, nên có quyền cho phép một người quản-lý thay mặt mà thi hành các lời giao ước của hội với thiên-hạ, nhứt định trong việc mua bán hàng hóa theo ý hội muốn, bình vực quyền lợi của hội trong khi có việc tranh tụng, coi xuất phát, xem sóc người giúp việc cho hội.

Quản-lý viên được cử một kỷ sáu năm rồi cử lại, nên trong tờ hiệp-đồng có chọn cử trước quản-lý viên nào, thì phép chọn cử đó không cho quá ba năm.

Quản-lý viên phải có một số hùn theo tờ hiệp-đồng nhứt định, số hùn ấy phải lưu tại hội-quán làm vi-chất, quản-lý viên không phép bán cho ai hết.

Quản-lý viên phải xem sóc coi lúc ban đầu hội lập trủng luật chẳng, hội có làm việc rảnh rẽ chẳng; nếu quản-lý viên vô ý để làm sai phép; ắt bị tòa buộc rả hội, rồi quản-lý viên phải bị thương thiệt hại cho hội-viên, còn khi nào quản-lý viên sanh lòng gian tham, thì phải bị hình phạt. Mỗi kỳ ba tháng quản-lý viên phải lập tờ phỏng-định số hội thiếu người ta, và số người ta thiếu của hội.

Cuối mỗi năm, phải làm sổ thanh-đơn chỉ rõ việc lợi hại của hội ra thế nào.

Nếu rui hội làm lỗ hết ba phần tư số tư-bồn, thì quản-lý viên phải lo mời nhóm Đại-hội đăng nhứt định coi phải rả hội chẳng. Như hội cứ nhóm không đủ số mà thương nghị việc ấy, thì bất luận người hội-viên nào cũng đều có quyền đến tòa xin tòa cho rả hội.

Kiểm-sát viên.— Kiểm-sát viên là người hoặc có hùn vô hội, hoặc không hùn mà được Đại-hội chọn cử, hoặc có lệnh tòa thương vụ cử-đặc.

Phận sự mấy người ấy, là kiểm-sát các viên trong hội.

Kỳ nhóm Đại-hội đầu năm, thì mấy người kiểm-sát phải trình cho Đại-hội rõ một cái tờ phúc về việc lợi hại của hội, một cái sổ chỉ rõ hội thiếu của ai bao nhiêu, ai thiếu của hội bao nhiêu, một cái sổ chỉ về việc xuất phát của quản-lý viên làm trong năm, và một cái sổ biên số lời phải chia cho hội-viên.

Nếu kiểm-sát viên chưa làm tờ phúc mà trình việc xuất phát của quản-lý viên và trình sổ biên việc thiếu đủ của hội, mà Đại-hội không đợi tờ phúc ấy cứ phê chuẩn các việc đó, thì lời thương-ngộ của hội không hiện nghiệm chi cả.

Ba tháng trước khi Đại-hội nhóm lệ thường, thì kiểm-sát viên được xem xét các sổ sách của hội và xét các việc làm của quản-lý viên.

Nếu thấy sự chi cần cấp, thì có quyền mời nhóm Đại-hội tức thì,

Mấy người quản-lý viên phải lo làm sổ thanh-đơn, sổ biên sự thiếu đủ của hội, và sổ biên việc lỗ lời mà trình cho kiểm-sát viên 40 ngày trước khi đại-hội nhóm.

Mười lăm ngày trước khi đại-hội nhóm, thì bắt luận người hội-viên nào, đều được đến tại hội quán mà xem các sổ sách kê trên đây, đăng cho rõ việc, hầu đến ngày nhóm cho biết mà bàn luận.

Nếu ai có ý chiêm nghiệm, thì có thấy hội tâm-thể cổ-phần và hội nặc-danh, tuy đồng là hội cổ-phần; (nghĩa là tư-bồn của hội đều chia ra làm phần hùn bằng nhau), nhưng mà hai hội có khác nhau mấy khoản sau này :

1^o — Trong hội trước (hội tâm-thể cổ-phần) có hai thứ người, một thứ kêu là tâm-thể viên (Commandité) nếu hội thiếu nợ, thì bị lấy của nhà mà trả cho đủ; và một thứ kêu là cổ-phần giả (actionnaire; người chịu hùn vô hội) nếu hội mất nợ, bất quá bỏ hết số tiền mình hùn mà thôi.

Còn trong hội sau, hội nặc danh, có một thứ người mà thôi, là cổ-phần giả, người ấy không bị thương đến quá phần hùn của mình.

2^o — Trong hội trước có xả-viên là tên của mấy người tâm-thể viên, còn trong hội sau không có xả-viên.

3^o — Trong hội trước người quản-lý là tâm-thể viên, có đủ bảo chứng chắc chắn (garantie) nên hội dễ làm hoài không-phép phê khi được.

Còn trong hội sau, quản-lý viên là người phải có chịu một số phần hùn hội định, hội cũ ra thay mặt tạm cho hội, nên khi làm lỗi bị phê khi.

4^o — Trong hội trước, người quản-lý bị hội kiểm-sát coi chừng luôn luôn, còn trong hội sau, quản-lý viên bị kiểm-viên xem xét một năm một lần, là ba tháng trước khi Đại-hội nhóm.

5^o — Trong hội trước, cách thức nhóm Đại-hội tùy tờ hiệp đồng nhất định, còn trong hội sau, có khi phải tùy luật nước.

60 — Trong hội trước, mấy người hùn cũng được lập thành hội ; còn trong hội sau, luật buộc phải có ít nữa bảy người hùn mới được.

70 — Trong hội trước không cần đề tiền dự-bị.

Trong hội sau luật buộc dự tiền dự-bị

80 — Trong hội trước, dầu lỗ hết ba góc tư vốn, thì hội cũng còn cứ làm việc được ; còn trong hội sau, lỗ đến số ấy thì phải rả hội liền.

(Kỳ sau tôi sẽ cho kiểu tờ hiệp đồng hội nặc-danh và luận qua Lâm-thời quyền thuyết công-ty)

ĐỊNH-CHÍ:

Địa-lý học

LUẬN SƠ VỀ LOẠI NGƯỜI

Nhơn số

Nhơn số trên hoàng-cầu, nếu cộng chung lại hết, ước dặng chừng 1,600 triệu người.

Trong số ấy, về phần Âu-châu ước 410 triệu người.

—	A-châu	—	820	—
—	A-phi lợi châu	—	170	—
—	Mỹ-lợi-châu	—	150	—
—	Hải-dương-châu	—	50	—

Theo sách Động-vật học (Zoologie) loài người vẫn thuộc loài thú, vì cũng có sanh có tử, có di-động vậy ; song có phần hơn loài thú, là vì Tạo-hóa phú thêm một cái tánh lịch, làm cho biết ăn-nói, biết suy-nghĩ và biết cải-lương tấn-hóa.

Nếu lấy chánh lý mà suy, tưởng có lẽ hễ là thuộc về loài người, thì ắt phải giống nhau, nhưng bởi vì loài ở rải rác cùng trên mặt trái Địa-cầu, mà trên mặt trái Địa-cầu, thì khí hậu bất đồng, nghĩa là chỗ nóng, chỗ mát, chỗ lạnh, không tương-tợ nhau, cho nên tuy thuộc loài người, mà phân ra có chủng tộc, tánh-tình, ngôn-ngữ, cách lập-quốc tề-gia đều khác nhau xa lắm.

Chủng tộc. — Địa-lý gia thường lấy màu da mà phân ra làm ba chủng-tộc gốc, gọi là : hắc chủng (loài da đen), huỳnh-chủng (loại da vàng) và bạch-chủng (loại da trắng).

Loại da đen thì ở theo miền nhiệt-đới : như các thứ người ở trung ương và phía tây-phương A-phi-châu. Đồng-bang ta có người chạc ngó thấy thứ người ấy, hay theo làm nghề chum lửa nơi mấy chiếc tàu buôn lớn lại Saigon. Da đen như mực (quá bợn chàm-và), răng trắng, môi dày, miệng rộng, sống mũi sệp và to, mặt tròn, gò má cao, tóc quăn nhỏ tơ vò.

Loại da vàng, thì ở gần miền ôn-đới, ở gần trọn phương Á-châu : như người Nhật-bồn, người Trung-hoa, người Annam ta đây, ai ai cũng biết hình trạng rõ ràng.

Còn loại da trắng, thì ở gần miền Hàn-đới trong phương Âu-châu và phía tây phương Á-châu : như người Langsa, người Hồng-mao, người Đức-quốc, người Nga-la-tư, người Hy-lạp, dân Á-rập, một phần dân ở miền Ấn-độ. v.v.

Loại da trắng khác với loại da đen và loại da vàng là hình vóc cao-lớn, râu tóc rậm, mặt dài, sống mũi cao.

Trừ ra ba sắc chánh đó, cũng còn nhiều loại người có sắc khác, rải rác ở cùng trên mặt Địa-cầu : như trên đầu trái-đất thì có ở một thứ dân Giã-mang màu da trắng vàng ; tại phương Hải-dương-châu và trong mấy cù-lao ở chung quanh đó, có một thứ dân sắc vàng đậm ; trong phương A-phi-châu miền hướng đông, có một thứ dân màu da trắng sậm ; còn trong phương Tân-thế-giới, như là từ miền trung ương sắp xuống, có ở một thứ dân màu da đỏ bầm.

Tánh-tình.— Cũng bởi phong thổ bất đồng, cho nên mỗi chủng-tộc đều có tánh tình riêng khác nhau hết : người da đen thường hay nóng nảy, biếng nhác, chẳng ý lo xa ; người da trắng thì dăm thắm, siêng năng dè dặt, bền bỉ ; còn người da vàng thì đứng vào bậc trung, đã có tánh người da đen, lại cũng có tánh người da trắng nữa. Ấy đó, là bốn nguyên chi tánh, truyền từ lưu tôn, nếu không sự chi biên-cải, thì tánh tình ấy, muôn đời cũng vậy. Song từ khi mỗi chủng-tộc đều được nền giáo-dục mà khai hóa trí dân, nhứt là từ lúc con người khai được đường bộ, đường thủy cùng trên thế giới mà lưu thông với nhau, thì bốn tánh ấy càng ngày càng giới đổi : hoặc vì sự lân cận mà bắt chước nhau, hoặc vì sự học hỏi mà di phong diệ tục. Bởi vậy cho nên, tuy cái ngày mà tánh tình con người có lẽ phải tương tự nhau, hãỵ còn xa, mà ngày nay đã thấy người da vàng có học lại kém chi người da trắng, còn người da đen có học đâu sức kẻ da vàng.

Ngôn-ngữ.— Ngôn-ngữ là lời nói để tỏ bày cái tư-tưởng riêng của mình cho người đồng chủng mình rõ.

Nước nào, xứ nào đều có ngôn ngữ riêng nấy. Có nhiều khi trong một nước, trong một xứ, mà hơn dân nói tiếng không giống nhau. Thí dụ : trong nước Trung-hoa, người ta nói chẳng biết mấy thứ tiếng : tiếng Kinh, tiếng Quãng, tiếng Tiều, tiếng Phước-kiến, tiếng Hải-nam v.v. Thậm chí, trong cõi Đông-duong ta đây, Bắc-kỳ, Trung-kỳ và Nam-kỳ thấy là dân Annam mà tiếng nói trong ba xứ ấy cũng còn không thông dụng được cho lắm.

Mà trong toàn-cầu, biết bao nhiêu là nước, biết bao nhiêu là xứ, cho nên cũng chẳng biết bao nhiêu là tiếng nói khác nhau. Ngữ-học gia (linguistique) là những người chuyên học về tiếng nói loại người, cũng chưa biết chắc số tiếng nói trong Hoàng-cầu là bao nhiêu. Có ông tưởng chừng 1000 thứ, ông khác lại tưởng đến 1500 thứ, còn ông khác nữa tưởng cho đến 4000 thứ tiếng nói.

Tuy ngôn ngữ nhiều thứ như thế, nhưng mà nếu lấy cái âm-thính, cái hình-trạng mỗi thứ, mà so sánh với nhau, thì hết thấy đều chung vô ba loại cả này:

1o Độc-âm loại (*langues monosyllabiques*) nghĩa là một tiếng nói ra, thì có một nghĩa. Như tiếng Tàu, tiếng Xiêm, tiếng Cao-mang, tiếng Annam ta vậy.

2o Liền-âm bất biên loại (*langues agglutinantes*) nghĩa là nhiều tiếng hiệp lại mới thành ra một chữ, một nghĩa, mà chữ nghĩa ấy, dầu dùng trong thì giờ nào cũng không giới đôi, như tiếng Mã-lai, tiếng Cao-ly, tiếng Nhứt-bồn, tiếng Hoa-kỳ, tiếng Thồ-nhĩ-kỳ vậy.

3o — Biên âm loại (*langues flexionnelles*) nghĩa là nhiều tiếng hiệp lại thành một chữ, một nghĩa, mà chữ nghĩa ấy tùy thì giờ, tùy giống loại, mà đổi giới theo phép, như tiếng Ai-cập, tiếng Ả-rập, tiếng Hy-lạp, tiếng La-mã, các thứ tiếng bên Âu-châu như tiếng Langsa, tiếng Hồng-mao, tiếng Đức-quốc, v. v.

Bởi ngôn ngữ đã nhiều lại khác nhau lắm, làm cho một người không thể nào học cho biết hết, cho nên lối thập lục thế kỷ, có ông Leibniz là bác sĩ Đức-quốc ngụ ý muốn đặt ra một thứ tiếng cho dễ nói đặt cả toàn-câu thông dụng cho được; ý tưởng ấy, tuy thật hay lắm, song đến lúc khởi công, thì ngài gặp nhiều đều bất tiện, làm cho ngài phải ngả lòng mà bỏ đi. Đến sau ông Hermann Diels cũng là bác-sĩ Đức-quốc khuyên mấy xứ bên Âu-châu lấy tiếng La-tinh (1) mà cải lương lại, rồi dùng chung với nhau. Ma ruồi lời khuyên ấy không nước nào khứng chịu nghe theo hết.

Qua thập lục thế kỷ, ông Bréal là triết-sĩ Langsa xin nhà nước Langsa, nhà nước Hồng-mao và nhà nước Huê-kỳ buộc học sinh trong nước phải học đủ hai thứ tiếng là tiếng Hồng-mao và tiếng Langsa, dẫu rằng, ắt được hơn 180 triệu con người nói

(1) Tiếng La-tinh là tiếng tử, nghĩa là hiện tiền không ai dùng mà nói chuyện thường nữa, duy còn thầy dùng mà đọc kinh trong đạo Thiên-chúa mà thôi. Tiếng ấy là tiếng mẹ các tiếng đương dùng bên Âu-châu, như tiếng Langsa, tiếng Ý-đại-lợi, tiếng Tây-bang-nha v. v. vì bởi mấy thứ tiếng này do nơi tiếng La-tinh mà chế biến ra.

và hiểu hai thứ tiếng ấy, rồi mấy tiểu quốc lần lần bắt chước theo, ắt hai thứ tiếng đó một ngày kia được thông dụng trên hoàn-cầu.

Tuy cái lời xin ấy lúc đó không ai nhậm ngôn mặc lòng, mà đã hên lâu rồi, các nước lớn bên Âu-châu, như nước Langsa, nước Hồng-mao, nước Đức-quốc, nước Ý-dại-lợi v. v. có buộc mấy nhà trường lớn trong nước mình, phải dạy đủ các thứ tiếng ấy (*nước này học tiếng nước kia*) đặt cho dân nước mình dễ bề giao thiệp với dân nước người ta trong việc Chánh-trị, trong việc thương-mại.

Hiện kiêm, ngôn ngữ xứ lớn nào bao nhiêu người nói, tôi xin kể ra sau đây.

Tiếng Trung-hoa ước có 400 triệu người nói ;

—	Ấn-độ	—	200	—
—	Hồng-mao	—	100	—
—	Nga-la-tư	—	100	—
—	Đức-quốc	—	60	—
—	Tây-bang-nha	—	48	—
—	Langsa	—	46	—
—	Nhật-bôn	—	42	—
—	Ý-dại-lợi	—	33	—

Còn như tiếng Annam ta đây có chừng hơn 14 triệu người nói mà thôi.

Xem bản trên đây, chớ tưởng rằng tiếng nước nào có nhiều người nói, là tiếng hay. Nhiều người nói hay là ít người nói ấy là tại số người thuộc nước mình nhiều ít mà thôi. Chớ như lấy sự hay dở mà so sánh thì có tiếng nước nào nói rành rẽ và thanh bai cho hơn tiếng nước Langsa nữa. Bởi tiếng Langsa rất phân-minh và giảng-thiệp lắm, cho nên các nước Văn-minh trong thế giới, khi nào có lập điều-ước chi, thì thấy đều mượn tiếng Langsa mà làm chứng.

Xả-hội, quốc-gia. — Xả hội là một đám người hiệp lại mà ở với nhau, đồng tuân một thể lệ chung.

Trong đời Thái-cổ, loài người không khác với thú là bao nhiêu, ăn thì ăn đồ sống-sít, ở thì ở-ồ ở-hang, mạnh ai nấy nhờ, yếu ai nấy chịu. Duy nhờ cô trí khôn, biết sự ở quạnh hiu một mình không thể cự đương với cầm thú, cho nên mới vầy đoàn hiệp lữ mà ở chung với nhau, ban đầu thành một xã-hội nhỏ nhỏ, lần lần số người thêm đông nên thành xã-hội lớn.

Lúc xã-hội còn nhỏ, nghĩa là lúc số người ở chung nhau một xóm còn ít, thì người nào có quyền lực riêng mạnh mẽ, được làm chủ mà cai trị nội bộ, cũng như con ở một nhà mà phải tùng quyền người cha vậy.

Đến khi xã-hội trở nên lớn rồi, nghĩa là số người vầy đoàn ở chung thêm đông, thì người chủ đầu có quyền-lực bực nào cũng không xem sóc nội bộ cho xiết, nếu muốn được bụng người này, ắt phải mich lòng người kia, đường ấy, nếu trong xã-hội đó chẳng lo lập một cách thể chi để mà trị nhau, thì chắc sao cũng phải sanh đều ly loạn, mà hề sanh đều ly-loạn rồi, thì còn chi là xã-hội nữa đâu.

Thật cũng khéo thay cho Tạo-vật định quyết phận người sao sao cũng phải đoàn thể với nhau mới thôi. Bởi ấy cho nên, khi trong xã-hội nào có mọi ly-loạn như thế, thì hết thấy những người trong xã-hội đó tuân theo lẽ tự nhiên, đồng một lòng lập thể lệ để mà trị nhau, nếu người nào trái luật chung ấy, thì ắt bị hết thấy người trong xã-hội đồng hiệp lực lại mà trừng-trị theo luật. Nhờ vậy đó, nên xã-hội mới tạo thành, quốc-gia mới chề định.

Có kẻ hỏi rằng: thuở ban sơ có lẽ loài người trí lực như nhau, cách lập xã-hội tưởng cũng không khác nhau, mà sao đời này truyền qua đời kia cho đến ngày nay rồi thấy trong loài người kẻ thì tấn-hóa, kẻ lại giả-mang, còn trong quốc-gia, cái thì thịnh-phát, cái lại suy-vi, là bởi có sao vậy?

Vả chẳng, đông người đoàn thể với nhau tức là xã-hội, mà xã-hội ấy tức là quốc-gia. Như cả loài người tấn-hóa không giống, quốc-gia phát đạt chẳng đều, ấy là tại nơi khí hậu bất-đồng, vật sản đa thiếu. Hãy xem trong việc trồng lúa mà chiêm nghiệm thử lấy một giống lúa ròng, rồi phân ra làm hai, phân

nữa đem gieo một chỗ nào cho trên có khí trời mát mẻ, dưới cho được địa ốc điền phì ; còn phân nữa thì đem gieo một chỗ đất nào càng táo, một chỗ đất nào mưa nắng không chừng, thì có phải chung cuộc rồi, tuy đồng một giống lúa mà trở sanh hoa quả khác nhau chẳng ?

Loài người cũng như thế, nếu may mà sanh trưởng nhằm chỗ phước địa, trên nhờ khí hậu ôn-hòa, dưới sẵn sản vật sung túc, thì những người ấy sao sao cũng tấn hóa mau, nước nhà cũng phát đạt gấp. Chớ như ruồi sanh trưởng trong nơi cùng cốc, khí hậu nhiệt hăng, sản vật khiếm khuyết, cái địa-vị như thế, thì làm sao mà dân hưng quốc thịnh cho được.

Đã biết rằng hiện kiêm đã thấy trong các nước văn minh, cái sự giáo dục tấn bộ đến đôi cái lương được nhiều việc phi thường, nhưng mà tưởng không lẽ, cái sự giáo dục ấy một ngày kia mà sử được mấy thiên-cơ.

Quốc thể. — Chư quốc trong thế giới có nước lớn, có nước nhỏ, nước mạnh, nước yếu. Nước nào tự chủ, tự trị, nghĩa là mình làm chủ lấy mình, mình cai trị lấy mình, không cần nước-nao, cũng không nhờ nước nào thì gọi là độc-lập quốc (état indépendant) như nước Langsa, nước Hồng-mao, nước Nhật-bồn, nước Xiêm-la vân vân ; còn nước nào bị nước khác chế tiết, bị nước khác bảo-bộ thì gọi là phụ-dung quốc (état protégé).

Phụ-dung quốc có hai thứ ; 1^o Thuộc-quốc nghĩa là nước của mình mà bị nước mạnh chiếm đoạt, rồi mình phải tùng quyền chánh-trị nước người ta, không khác nào thầy với tớ (1) như Nam-kỳ ta đây là thuộc-quốc của nhà nước Langsa, Ấn-độ là thuộc-quốc của nhà nước Hồng-mao v. v., hoặc bảo-bộ quốc, nghĩa là nước của mình mà phải trông nhờ nước người ta bình-vực quyền-lợi, tuy mình được cai trị lấy mình, song mình không

(1) Chánh nghĩa thuộc-quốc thì vậy. Nhưng mà mỗi nước liệt cường có thuộc-quốc đều có lập chánh sách riêng để mà cai trị không giống nhau : hoặc hữu đức như chánh sách Langsa, Hồng-mao, hoặc vô nhơn như chánh sách Nhật-bồn, Đức-quốc.

quyền giao thiệp với ngoại bang, lại trong các việc đại-chánh mình phải do nơi nước mạnh.

Như Trung-kỳ, Bắc-kỳ, Cao-man và Lèo là bảo-hộ quốc của nhà nước Langsa.

Chánh-thể. — Chánh-thể là cái cách lập quyền phép mà cai-rị dân trong một nước.

Có hai cách chánh-thể đại khái là :

Quân-chủ Chánh-thể và dân-chủ Chánh-thể cũng kêu là cộng-hòa Chánh-thể.

I. — Quân-chủ Chánh-thể (monarchie) là khi nào trong nước có một người cầm quyền chánh-trị như nước lớn thì gọi đế, còn nước nhỏ thì gọi vương. Quyền ấy truyền-tử lưu-tôn, ngoại nhơn đều có tài đức hơn cũng không phép tiếm được. Như nước Tàu khi trước với nước Annam ta vậy.

Quân-chủ chánh-thể lại chia làm hai phe : Một phe kêu là chuyên-chê Chánh-thể « monarchie absolue » nghĩa là oai-quyền vua rộng lớn không ngăn. Muốn làm chi tự ý, không ai nằng cản được : Như vua Tàu, Vua Annam, Vua Nga-la-tur khi trước. Còn một phe gọi là lập-hiến chánh-thể (monarchie constitutionnelle ou parlementaire.) Nghĩa là có vua cũng truyền-tử lưu-tôn vậy, duy không có quyền chuyên-chê mà thôi, trong mỗi việc phải tuân theo hiến pháp mà thi-hành, như muốn lập biến-pháp mới, hoặc cải-lương hiến-pháp cũ, thì phải do nơi nghị-viện (1) mà luận bản.

Bởi trong việc hành chánh đó đã có vua lại có dân, đồng dự vào, cho nên người ta hay kêu là quân-dân cộng-chủ. Hiện kiêm, nước Hồng-mao, nước Nhật-bồn dùng rơng chánh-thể đó mà trị dân.

II. — Dân-chủ chánh-thể (République) cũng kêu là Cộng-hòa chánh-thể, nghĩa là trong nước không vua. Dân chọn lựa một người tài đức gọi là đại Tổng-thống đứng cầm chủ quyền trong một hạn mấy năm.

(1) Nghị-viện là chỗ để các ông được quyền thay mặt cho dân đền mặt nghị việc. Chánh-trị.

Nếu trong hạng đó, Tổng-thống ở vừa lòng dân, thì khi mãn hạn rồi, dân tái cử lại một hạng nữa; bằng ở không vừa lòng dân, thì khi mãn hạn, dân chọn cử người khác lên thế vị Tổng-thống thì lo thi-hành hiến-pháp của nghị-viện lập-ra, quyền lập hiến-pháp thì thuộc về nghị-viện làm, chớ Tổng-thống không được dự vào.

Xét cho kỹ, thì thấy dân-chủ chánh-thể với lập-hiến chánh-thể không-khác nhau là bao nhiêu, khác là một bên có phong vương-đế, quyền vương-đế ấy, được *truyền-tử lưu-tôn* vô hạn; còn một bên thì phong Tổng-thống, quyền Tổng-thống ấy, thì *truyền hiên* và hữu hạn; chớ kỷ trung cách cai-trị cũng mưөн-tượng nhau.

Dân-chủ chánh-thể như nước Langsa nước Trung-hoa bây giờ đó:

Ngoại trừ hai cái chánh-thể đại-khái đó là: quân-chủ chánh-thể với dân-chủ chánh-thể, thì cũng còn một hai thứ chánh-thể khác nữa như là 1o Quý-tộc chủ-chánh (aristocratie), 2o Mục-sư chủ-chánh (théocratie), 3o Liễng-bang chủ-chánh (fédération)

1o *Quý-tộc chủ-chánh*, nghĩa là trong một nước một xứ, duy có bọn quý tộc, bọn danh tướng có quyền chấp chánh mà thôi: Như trong xứ Á-rập.

Mục-sư chủ-chánh, nghĩa là trong xứ quyền sửa-trị nhóm dân về tay một vị giáo-sư, như trong tỉnh Tây-tạng (Trung-hoa). Khi xưa có một vị hòa thượng hiệu là Đạt-lại Lạt-ma chấp quyền ấy mà trị dân trong tỉnh.

3o *Liễng-bang chủ-chánh* (fédération) nghĩa là trong một nước lớn, có chia ra nhiều nước nhỏ, mỗi nước nhỏ được tự-chủ tự-trị, song phải tùng phục chúa-tể nước lớn trong các đại-sự như việc tài-chánh, việc binh-gia; cũng như khi xưa bên Tàu hoàng-đề với các vua chư hầu vậy; còn chánh-thể nước Liễng-bang ấy, hoặc dùng Vương-chủ nghĩa là ông Chúa-tể nước lớn lấy tước Vương-đế mà trị như bên nước Đức-quốc; hoặc dùng dân-chủ nghĩa là ông chúa-tể nước lớn ấy được dân cử làm Tổng-thống như nước Huê-kỳ, nước Thoại-sĩ vậy.

Tôn-giáo: Tôn-giáo là một cái đức tính khiến con người phải tuân theo một cái qui-cũ chi, đặng sửa trị tánh-tình mình, tục kêu là đạo.

Tôn-giáo chia ra làm hai phe: Một phe gọi là nhứt thần giáo (monothéistes) nghĩa là thờ có một thần, hoặc một đấng Tạo-hóa, hoặc một Chúa-trời mà thôi; còn một phe kêu là đa-thần giáo (polythéistes) nghĩa là thờ nhiều thần, nhiều thánh, thờ cốt tượng

I. — Nhứt thần giáo chia ra nhiều môn: 1o Du-thái-giáo (Judaisme), đạo này có hơn sáu triệu rưởi người tu ở rải rác trên hoàng-cầu, nhứt là tại A-châu cực tây thì ở đông hơn hết.

2o Hồi-hồi giáo (Mahométisme ou Islamisme), đạo này có hơn 80 triệu người theo, ở trung ương, hướng nam phương Á-châu và ở nước Thổ-nhĩ-kỳ.

3o Thiên-chúa giáo (Christianisme), đạo này hơn 200 triệu người tu ở cùng trong phương Âu-châu và rải rác trên Hoàng-cầu.

4o Bả-la-môn giáo (Protestantisme), đạo này có hơn 120 triệu người theo, ở phương Âu-châu.

II. — Đa-thần giáo cũng chia ra nhiều môn:

1o Mang-giáo (Fétichisms), đạo này thờ cốt, cây, lửa v.v., có hơn 235 triệu người theo, thấy là dân còn quê-mù, ở tại phương A-phi châu, phương Thê-giá-mới, phương Hải-dương châu và hướng bắc phương Á-châu.

2o La-mã-giáo (Brahmanisme), có hơn 150 triệu người tu đều ở tại Ấn-độ.

3o Phật-giáo (Bouddhisme), có hơn 500 triệu người tu, ở trọn trong phương Á-châu: nguyên gốc là đạo La-mã giáo, song có cải lương nhiều.

(Sao sẽ tiếp theo).

Lưu-nguyệt-Trang



Đại-pháp văn minh lược biên

(TIẾP THEO)

MỠI CIẶC TRĂM NĂM

Vua Philippe IV băng trong năm 1314 truyền ngôi lại cho hoàng-tử Louis X le Hutin ;

Ông hoàng này lên ngôi vừa được hai năm, kế băng nữa, Ngai không có hoàng-nam, duy có sanh đặng một nàng công-chúa mà thôi. Mà theo luật-lệ thuở đó, thì con gái chẳng đặng nối ngôi cho vua cha, bởi vậy cho nên, ngôi vua Langsa truyền lại cho ông Philippe V le Long là em vua Louis X le Hutin. Vua này lên trị vì được sáu năm chưa có con, lại băng nữa, để ngôi lại cho vua em là ông Charles IV le Bel. Vua này cũng như vua trước, vừa ở ngôi được sáu năm, cũng không con, kế băng luôn. Khi ấy, trong triều đình mới chọn ông Philippe de Valois là cháu vua Philippe IV le Bel ; tôn lên làm vua nước Langsa. Ngai lấy hiệu là vua Philippe VI.

Nói nhắc lại, bà công chúa Isabelle là con vua Louis X le Hutin, vì bị luật nước cấm, nên không được thế ngôi cho vua cha, sau bà biệp hôn cùng vua Hồng-mao hiệu Edouard II, bà hạ sanh ông Edouard III.

Khi ông này lớn lên, được nối ngôi cho vua cha là ông Edouard II rồi, thì thường trách luật nước Langsa định trái lẽ công, thăm tưởng mình có quyền làm vua Langsa mà thôi; song lúc đó, thấy vua Langsa đương có oai quyền lắm, nên chưa dám dấy binh gia phạt mà tranh nước của ngoại-tổ lại.

Còn bên này, vua Langsa là ông Philippe VI ban đầu thì thiên hạ phục tùng lắm, mà ngai không lấy nhơn nghĩa trị dân, không lo việc nước, để lo tước sắc, làm nhiều lỗi lớn sanh hoạn họa cho nước Langsa.

Trong năm 1328, dân xứ Flandre (thuộc về nước Langsa) dấy loạn, ông quận-công cai trị xứ ấy, thượng sớ về cầu cứu ; khi ấy vua đem binh ra đánh một trận dẹp yên quân Flamands.

Quân này oán hận rủ nhau đầu vua Hồng-mao. Vua Hồng-mao là ông Edouard III đã sẵn lòng chờ thuở, nay gặp dịp may, nên liền dấy binh gia phạt vua Langsa. Từ đây hai nước mới gây mỗi giặc trăm năm (1) làm cho nhơn dân điên đảo nhà nước nghiêng nghèo.

Trong năm 1346, vua Edouard III đem binh đánh tang hoang xứ Normandie kéo binh gần tới thành Paris, bị binh vua Philippe đuổi ra cho đến thành Crécy. Lúc đó bên Langsa binh cường tướng dũng, thắng số hơn binh Hồng-mao, màn gác còn một vì đường xa mới đến, lại khi ra trận binh lính không thứ tự, ý đông, ý sức, nên mạnh ai nấy xông pha tới trước mà lập công, không kể quân lệnh là gì; còn bên Hồng-mao; binh lính tuy ít, mà khoẻ; tuy yếu mà lúc ra trận giữ quân lệnh theo phép; nhờ vậy cho nên đánh một trận mà đại thắng được binh Langsa.

Khi ấy binh Hồng-mao được trốn đánh thẳng tới vây thành Calais, dân trong thành hết lòng ngăn giữ cho đến trọn một năm, ruồi lương thực hết nên phải hàng đầu. Vua Hồng-mao nổi giận, hạ lệnh dạy sáu người đánh tiếng ở trong thành phải cộ dây vào cổ, đi chơn không, ra mà đánh lính ngài, bằng chẳng vậy, thì ngài đập thành ra bình địa, giết sạch không để một người nào. Lệnh ấy vừa ra, thì có sáu người thật có can đảm, liêu thác mang dây vào cổ ra mặt vua Hồng-mao, trong bọn sáu người đó có ông Eustache de Saint Pierre là người giàu có hơn hết làm đầu xin với vua Hồng-mao một thác mà thế mạng cho cả dân trong thành. Vua Hồng-mao vừa muốn hạ lệnh thác cổ sáu người ấy cho đã nư giận, bỗng đầu hoàng hậu ra quì gối trước mặt vua, xin vua vì lòng nghĩa khí của sáu người đó mà tha ngay đừng làm gương tốt cho quân sĩ Hồng-mao.

Vua bèn nghe theo. Từ đây thành Calais là chỗ trọng địa của Langsa thuộc về Hồng-mao chiếm cứ. Bởi đó cho nên, quân sĩ Hồng-mao càng ngày càng thêm thế lực, còn bên phía Langsa thì càng ngày càng suy bại.

Qua năm 1350 thì vua Langsa là ông Philippe VI băng, hoàng tử là ông Jean le Bon lên kế vị.

(1) Chớ tưởng rằng một trăm năm mỗi ngày mỗi đánh, có khi đánh, có lúc nghỉ dặng tu binh mãi mãi, song kể từ lúc khởi chiến cho đến lúc hai nước giao hòa, thì thật cũng có hơn một trăm năm đó chực,

Vua này tánh nết giống vua cha, chuyên lo yên ảm, chớ không màng tới việc nước. Vua Hồng-mao dòm thấy tình-hình, bèn sai đông-cung, đem binh qua toan bề đoạt nước Langsa. Vua Langsa đem binh cự chiến tại thành Poitiers. Mả ruồi thay cũng như trận trước, binh Langsa tuy đông hơn binh Hồng-mao, mả khi ra trận không hàng không ngũ nên phải thất một trận nữa. Vua và một vị hoàng-tử liều thân chống-cự, nên phải bị vua Hồng-mao bắt đặng mả hạ ngục.

Lúc đó, bên Langsa đông-cung là ông Charles lên ngôi mả trị nước thế cho vua cha. Ngài toan lo mưu kế mả cứu vua cha, không ngờ như dân Langsa vì bị thất luôn hai trận lớn, nên thấy đều ngã lòng, không còn ý muốn đầu quân mả đánh giặc nữa. Tam đảng thần dân. (1) (Etats généraux) thấy tình hình như thế, bèn nhóm nhau lại mả thương nghị, ý muốn hiệp nhau đặng trị nước thế cho vua. Nhưng mả ba phe ấy không thuận một lòng, nên phải rả hội, ai về chốn nấy.

Khi ấy có quan Tư-pháp (quan Chánh-tòa) tại Paris tên Etienne Marcel là người có oai quyền, thừa diệp tam đảng thần dân bất thuận, người bèn sanh lòng hiệp hoàng đông-cung, người xuôi dấy loạn, rồi làm triều giết 2 vị quan hầu cận trước mặt hoàng-tử làm cho hoàng-tử khiếp sợ. Lúc này hoàng-tử hết quyền mả lại còn bị cầm trong triều nữa. Song ngài là người trí, ngài bèn dùng mưu trốn khỏi, rồi nhóm những dân có dạ theo vua mả trợ lực với ngài trong cơn hoạn nạn.

Cũng một khi ấy, như dân chịu đói khát không nổi, nên phải dấy loạn. Có một người giết được ông Etienne Marcel, cho nên Hoàng đông-cung mới trở lại triều được mả khôi phục quyền trị nước như xưa.

Ngài hết lòng thương vua cha, song ngài chẳng dụng lực được mả cứu, túng thế ngài phải ký tờ hòa ước giao cho vua Hồng-mao gần hết phân nửa nước Langsa, chừng đó vua Hồng-mao mới khứng tha vua Jean le Bon và hoàng-tử về nước.

(Sau sẽ tiếp theo)

Thi-cổ-am

(1) Tam đảng thần dân là ba bậc người giúp vua mả nghị việc nước: 1o Bực quý-tộc, bậc giáo-sĩ và bậc hạ-dân, ba bậc ấy đều có người thay mặt mả hội nghị với nhau. Hãy xem lại nơi trang 553 tập chí số sáu có cắt nghĩa.

ĐÔNG TÂY THỜ'I-VU

Đại thắng.

TRẬN «LA MARNE» THỨ NHÌ

Binh Liêng-Hiệp đại thắng

Lúc mới khởi giặc, nước A-lơ-măn ỹ mình binh tướng đông, khí-giải nhiều, cụ bị hơn bốn mươi ngoài năm, tràn qua nước Tỹ-lợi-thi, đập đổ thành lũy, rồi kéo rốc qua nước Langsa, ào tới như nước tràn bờ. Binh Langsa và Hồng-mao cứ lui binh, trong một tháng mấy, lui về đóng tại sông « La Marne » Đại Thống-soái « Joffre », coi thế sắp đặt xong rồi, vì ngài [dòm thấy trong một tháng trước, dẫu có muốn đương trở cùng binh nghịch cũng không lại, nên ngoài mặt binh thì ngài truyền đánh cầm chừng với binh nghịch dặng mà lui binh cho có hàng ngũ, còn trong thì ngài sắp đặt trận đồ tại sông « La Marne ». Ngày binh lui về đến đó rồi, thì ngài truyền lệnh công phá. A-lơ-măn ơ hờ, tướng binh Langsa và Hồng-mao không còn thê đương cự cùng mình, nên phải thất. Binh Liêng-hiệp thừa thế đuổi rốc binh A-lơ-măn, giăng ra hơn mấy chục dặm. Ngài đại thắng tại sông « La Marne » kỷ này là ngày 12 Septembre 1914. Từ đó cho đến tháng hai 1916, A-lơ-măn mới ra công phá lại tại thành Verdun. Binh Langsa thủ thành rất chắc chắn, A-lơ-măn làm chi không nổi, lại hao binh tổn tướng rất nhiều.

Đến ngày 22, 23 Mars 1918, chúng nó khởi sự công phá nữa. Trận này rất dữ tợn, ghớm ghiết không biết nói thế nào cho xiết. Lúc này lại có binh Huê-kỳ tiếp chiến phe Liêng-hiệp nữa. Nước A-lơ-măn cũng còn chắc mình hoải, nên đưa hết binh ra mà xáp trận. Binh Liêng-hiệp bất dặng tù giặc vô số, mà trong đám binh ấy có nhiều binh già tới 50 tuổi, và con nít 14, 15 tuổi cũng có. Các nước Liêng-hiệp cũng đủ sức đương cự vậy,

nhưng mà nghĩ nếu xáp trận với binh nghịch trong lúc chúng nó còn mạnh, thì chỉ cho khỏi hao binh tổn tướng nhiều, nên lui binh thừa thế nguy của chúng nó mà công phá lại. Cũng trong trận này, các nước Liềng-hiệp mới biết rằng nếu trong mấy đạo binh đã nhập lại đương trở cùng một nước nghịch, mà có nhiều người điều khiển, người tính vậy, kẻ tính khác, thì không hay bằng giao hết các đạo binh về tay một người cầm quyền. Bởi vậy nên các nước mới công luận rồi chọn ông Foch (đại Thống-soái Langsa) làm Đại Thống-soái các đạo binh Liềng-hiệp. Đại Thống-soái Foch mới truyền lệnh từ Bắc chí Nam phải lui binh, đừng chờ ngày công phá. Hễ công phá thì phải cho thắng, bằng thất thì sự hại lớn trở về mình.

Từ ngày 22-23 Mars 1918, A-lơ-măn khởi sự công phá đến ngày 15 Juillet 1918, binh Liềng-hiệp lui về đến sông « La Marne » một lần nữa.

Nội Đồng-dương, như dân lớn nhỏ đều kinh tâm, xúm-xích than thán mà cũng vái thán cho binh Liềng-hiệp.

Máy dậu Điện-báo Havas ngày 21 Juillet 1918 cho hay rằng binh ta đuổi binh nghịch thối lại tại « La Marne ». Đạo binh (nào Pháp-Anh-Huê) cũng đuổi lui binh nghịch hết. Bắt binh hơn 2 muôn, đoạt được 400 vị thần-công. Cả trăm phi-thoàn bị xạ rớt xuống trong vòng binh. Từ ấy đến nay mỗi ngày đều mỗi lần tới, lớp bắt quân nghịch, lớp đoạt binh khí rất nhiều.

„Binh ta thắng quân nghịch tại « La Marne » lần này là lần thứ nhì, chắc là A-lơ-măn đã kinh hồn vỡ mật rồi. Từ đây đã hết nhuệ-khí, A-lơ-măn không thể đứng vững, cuộc khải-hoàn chẳng chảy cũng kịp.

Quan Toàn-quyền truyền lệnh các ti các sở treo cờ trong ngày 24 Juillet 1918 đặng ăn mừng binh ta thắng trận.

Ngày 25 Juillet 1918, cũng như dịp ấy, nhạc-binh giúp vui cho như dân Saigon, tại đường Kinh-lấp.

Ngày 5 Août 1918, Chuông nhà-thờ Đức Chúa-Bà đổ trọn 15 phút đặng ăn mừng thắng trận.

Điện-báo Havas cho biết rằng từ ngày 15 Juillet cho tới 31 Juillet 1918, binh ta bắt được 128.302 binh nghịch, trong số ấy có 2574 người quan võ — 2069 vị thần-công, 18.783 cây súng liên-thính, 1734 thần-công dùng dưới hầm.

Còn trong tháng Août, 57.118 binh nghịch, trong số ấy có 1283 quan võ, 657 vị thần-công, 150 đại-bác, 5750 súng liên-thính, 3 cỗ xe chở binh khí. Trong hai tháng ấy, binh ta lấy lại hơn một trăm mấy chục làng. Lúc chúng nó bỏ chạy, thì bỏ lại cả trăm kho thuốc đạn và lương thảo chẳng biết bao nhiêu.

Thường-Tiên.

Quan cựu quyền Tổng-thống VAN-VOLLENHOVEN TỬ - TRẦN

Ngày 27 Juillet 1918, Điện-tín Havas đem tin cho thần dân Langsa và Annam hay rằng ông Van-Vollenhoven là cựu quyền Đông-dương Tổng-thống đã tử trận :

Nguyên-soái Van-Vollenhoven vong mạng tại trận miền Long-pont.

Năm 1914, đại-thần Van-Vollenhoven còn quyền Tổng-Thống Đông-dương. Năm 1915, ngài tình nguyện tòng chinh, đóng loi đội, ghe phen dẫn binh lược đạn xông tên, quyết lòng trả nợ nước nhà, chẳng hề nao núng.

Đánh rồi mấy trận, mà tánh mạng vững-vàng. Triều-đình lại triệu ngài về mà giao cho ngài chức Tổng-Thống toàn-quyền Tây Pháp A-phi.

Ngài vưng chỉ qua vỏ trấn chẳng bao lâu, ngài lại xin từ chức và cho phép ngài trở ra mặt trận.

Ngài ra trận lần sau, lấy hết lòng can đảm cùng kẻ nghịch giữ một dạ trung-thành cùng Đại-pháp, quyết một còn một mất. Than ôi, đạn vô tình chẳng vì người anh-dũng, trong một phút đã bại người hiền.

Bồn-quán rất bi thảm và xin chia buồn cùng quý quyến Van-Vollenhoven và cầu xin cho linh-hồn ngài tiêu diêu nơi cõi thọ.

D. V. T. C.

Âu-châu chiến sự

Thê lực nước Pháp. Các cuộc dã thi-thô.

Bình nghịch của Pháp là Đức-Áo hằng gia tâm đồn huyễn rằng Pháp đã thê cùng lực tận, lương thiếu binh nhược, cho nên chầy kiếp đây ắt phải xếp giáp qui hàng. Chúng nó đặt đều đồn ra như vậy là có ý cho các nước trung-lập tin theo mà chẳng giúp công, đỡ của cho Pháp nữa.

Bên Pháp thì không phải vậy. Hai nước đương chinh chiến cùng nhau, cứ lấy sự đao-thương làm trước, mạnh thì thắng, yếu thì bại, chớ không miệng lảng, lưỡi mồi có hay về đâu. Vậy nên chẳng cần dùng lời xảo quyết, binh Langsa cũng thắng nhiều trận rồi, bấy nhiêu cũng đủ chỉ rõ thê lực nước Pháp được. Như tại *Chemin de Dames*, hai tháng tròn lính Langsa bị nhiều trận rất dữ tợn, bị biết bao nhiêu đạn trái-phá, biết bao nhiêu là khí độc, nước sôi mà không hề nao-núng. Vậy mà còn đánh trả binh nghịch phải thất, phải hao tổn binh khí rất nhiều. Rốt cuộc thì Pháp cũng cứ thủ đồn-trại của mình như xưa.

Đại chiến vừa dứt chỗ này liền qua chỗ khác. Trận sông *E-nơ* (*Aisne*) mới dứt kê trận sông *Phơ-lăng* (*Frاندres*.) Tại đây, binh Liêng-hiệp hiệp sức đánh quân nghịch một trận xó xát, nhất là binh Langsa, rất hùng dũng, nên được báo-tin Chánh-phủ Anh có lời ban khen.

Nói qua trận Verdun, binh Langsa một mình đương cự cho đến mãn hai mùa xuân hạ năm 1916, giết tiêu binh Đức, đội này qua đội khác. Ngày 20 Septembre, Pháp phá hủy mặt trận Đức dài độ 17 ngàn thước, bắt 5000 binh giặc. Từ ấy binh nghịch mới bết trắng qua như nước lở bờ nữa.

Phía tây bị đánh như vậy, phía đông bị binh Roumains cản đường đức không thể tấn được. Vả chẳng cũi năm 1916, đạo binh Roumains lớp lại bị giết, lớp bị binh truyền nhiễm nên phải tan tành, binh tướng ít, khí-cụ không, không súng, không ống mà cũng không thuốc đạn cho đến đôi quân lính không y giáp mà mặc lại thêm thiếu vật thực mà ăn. Thế sao mà cách vài tháng sau đạo binh ấy lại thắng binh Đức-Áo, đánh binh của Thống-soái Đức Mackensen, tã tơi vậy? Ấy cũng bởi có binh Đại-pháp đã giúp sức cho.

Còn bên Ý-đại-lợi, Ý thắng Áo đó cũng nhờ có súng ống Langsa phụ lực.

Ấy đó, hễ nơi nào Đức thất trận, thì tại đây ắt có Langsa dự binh chiến. Mà binh nghịch đi đến đâu cũng gặp Langsa cả. Cho nên ta được dám tự khoe rằng hơn ba năm chiến đấu Đại-pháp vẫn được danh cường-dũng thế dường như một giáp sắt đề bao phủ chư quốc Liên-hiệp. Thế thì Đại-pháp há chẳng chịu tiếng hùng-dũng vô song vậy ru?

* * *

Buổi văn-minh sậu tấn này, ra giữa chiến trường, thắng được một trận chưa phải là dễ. Trước phải chỉnh tu binh mã, phân ra đội ngũ, dạy tập cho lão thành, sau còn phải tìm cho được tướng giỏi soái hay, hẫu có cầm quân xuất chiến. Binh tướng thuần thục, cũng còn phải sắm cho đủ binh-y, trữ cho nhiều khí giới thuốc đạn. Rồi ra trận tam quân phải cho đồng tâm, đồng lực, hễ tướng soái lệnh ra thì rập nhau mà tiếp linh. Được như vậy thì trong binh-thor chẳng còn phép chỉ mầu nhiệm hơn.

Trong chư liệt cường duy có Pháp-quốc được danh luyện binh hay, sắp đặt giỏi, chế tạo khí cụ mau. Bởi vậy các nước Liền-

hiệp đều phải trông nhờ Đại-Pháp giúp sức ít nhiều. Nên nay võ tướng Langsa Chánh-phủ cắt ra các xứ giúp việc không biết bao nhiêu mà kể, đêm lấy trăm chớ không thể đếm chục được.

Đó như binh Roumains thì nhờ quan đô-đốc *Berthelot* tu bổ và điều-quãng từ đầu năm 1917, nên nay mới thắng được binh nghịch. Còn bên Hi-lạp đạo binh của Thừa-tướng *Venizelos* mới sáng tạo ra đó phải giao lại cho tướng-soái Langsa tháo luyện.

Binh Xet-bi nều chẳng có binh Pháp binh vực thì nay ắt chẳng còn một manh giáp.

Binh Tỹ-lợi-thì cũng nhờ binh Pháp che chở cho như binh Xet-bi vậy.

Cho đến đôi binh Anh là binh có danh cường dũng bấy lâu nay, còn phải rước thêm võ-tướng Pháp nào là chủ soái để diễn binh, nào là phi-công, qua trở lực.

Lại mới đây, Hiệp-chúng-quốc xin chen vai cùng đồng minh quyết tiêu trừ dân hun bạo. Dự vào cuộc chiến tranh này thì Hiệp-chúng-quốc vận qua cho Liêng-hiệp biết bao nhiên là binh lính và lương-thảo khí cụ, làm cho Liêng-hiệp được giàu mạnh, lấn hơn binh nghịch bội phần. Song binh Huê-ký là lính mới diễn nên phải tập cho thiện nghệ, vậy còn phải nhờ võ tướng Langsa quá hải đến mà dạy-dỗ.

* * *

Hãy còn một sự rất quan-hệ, trong việc chiến chinh nữa, là muốn được thắng thì phải có được nhiều khí giới, hỏa-lôi, hỏa-pháo, đại bác thần công. Đời nay, trước khi xáp trận thì đã có phi-thoàn đi thám thính rồi, về chỉ nơi nào có quân nghịch đóng. Đoàn đại-bát và súng liên thanh nhắm hướng ấy mà liên xạ. Mà đại-bát chẳng có thứ nào thần hiệu cho bằng đại-bát của Langsa. Các nước Liêng-hiệp đều dùng nó, mà binh Huê-ký cũng ưa, nhất là thần-công «75» và «155». Vả lại thấy thợ bên Pháp rất nên khéo léo nhậm-lệ, đã tạo nên binh-khí đủ cho binh mình dùng lại còn làm dư ra để giúp bạn Liêng-Hiệp. Từ đây, nhiều nước sẽ dùng toàn đại-bát «75» mà xuất trận.

Phi-công của Pháp lắm-lúc cũng van danh đệ nhứt. đội phi công Pháp lại phân ra mà sang giúp Ý, Nga, Xet-bi và Hi-lạp. Còn bên Huê-kỳ, nay đương khởi tạo một đạo Phi thoản ít nữa là vài chục ngàn cái cho tuyệt hảo, tuyệt xảo, lại dùng toàn máy móc của Langsa.

Bất kể là độc khí, hay là binh-khí độc ác dễ sát mạng người cho dễ, hoặc là súng ống, đại-bát, liên thính, mỗi mỗi người Pháp đều tìm-tàng, nghiên cứu ra được, chế-biến sáng-tạo ra được. Chẳng phải làm mà tự dụng thôi, lại còn dễ giúp binh các nước Liêng-hiệp đáng khác.

* * *

Kể sơ ít việc đó cũng đủ chỉ rõ những sự Đại-pháp, đã thi-thố từ lúc khởi đoan đấm chiến đấu ghớm-ghê, Hoàng-cầu chưa từng thấy vậy.

Phận sự Pháp-quốc là tập tành quân ngũ của Liêng-hiệp phòng khi cần giặc. Pháp lại cũng giúp súng, thêm thương cho các đạo binh ấy. Binh gia thuần thực, khí giới đầy-dủ mà còn phải sai tướng theo hộ trì mấy lúc, xuất chinh. Quã Đại-pháp là thầy dạy binh tướng chiến tranh và kiên thủ.

Dường ấy, Đại-pháp có sợ chi những lời đồn huyễn của kẻ nghịch ! Lời huyễn hoặc ấy bất quá là kẻ của bọn hạ tiện mà thôi, đáng đại độ như Pháp không kể đếm chi đến, chỉ lo cho bền quân thắng trận mãi mãi vậy. Quân nghịch cũng đã lắm-lúc rõ biết tài của Pháp rồi. Như trận «La Marne» và trận «Verdun» Đức tướng đã thấy được tay thũ-đoạn của Pháp chớ.

Vả Pháp đã có binh hùng tướng mạnh, hơn công đủ, thấy thợ đông tại có lật đật gì mà tính cuộc giao-bò a sớm. Lương thảo khí giới cụ túc, lại thêm Liêng-hiệp phụ lực, sao chẳng kịp thì chầy cũng phải trọn thắng. Đại-Pháp quyết trọn thắng cốt muốn cứu «Alsace. Lorraine» cho khỏi chùng tôi mọi và đánh quân giã-mang ra khỏi cuộc địa mà chúng nó xâm-lãng chiếm-đoạt từ bấy lâu nay.

Trần-phát-Văn
lược dịch.

(De l'Action française).

Ít lời thăm thiết

Mới đây kho trữ thuốc đạn tại thành Castres (Đại-Pháp) nổ, có ít người thợ Annam bị bệnh và chết. Đến ngày táng mấy người bị sự ruồi ro ấy mà chết đó, thì quan Thuộc-địa bộ Thượng-thor là ông Henri Simon, có đọc một bài thương tiếc, phân nhiều lời cảm động, nên quan Toàn-quyền dạy truyền thuyết cho nhơn dân Langsa và Annam trong xứ này rõ biết :

« Trong đám dân các Thuộc-địa, chen chơn nhau mà dành đến chốn công trận cùng Mầu-quốc, thì con nhà Nam-Việt cũng dặng đứng trong bật nhứt. Nam-Việt có gởi qua binh tướng rất đông, phơi gan mà đấu chiến cùng nghịch tặc, cũng có nhiều con nhà danh giá, tên đã ghi vào bản binh ta, muôn năm không phai lợt. Con nhà Nam-Việt đã đem dăng của cải đáng ức triệu dặng mà xây dựng trong việc binh cơ, cho đến kẻ nghèo cũng đem một chút ít của mình mà dăng và bặng cầu chúc cùng tỏ nhiều lời rất cảm, làm cho động lòng những ai đã biết tánh tình con Nhà-nước ấy, thuần hậu hay niệm nghĩa ghi ơn, và đã hưởng mùi văn minh sâu sắc trên ngàn năm rồi. Đã vậy mà trong muôn lò ngàn xưởng, đúc súng mài tên, chế thuốc đúc đạn, có nhiều chỗ rất hiểm nguy, mà ngó qua thì thấy con nhà Nam-Việt, kể mười muôn, mồ hôi nhễ giọt, hết lòng lo làm công việc bổn phận mình cho xứng đáng, ăn ở nhỏ nhen, nhưng mà dạn dĩ can đảm vô song, chẳng chút lòng nao núng trong đường nguy hiểm.

« Ấy vậy, ngày nay, tôi đến đây thay vì Nhà-nước Đại-Pháp, dặng cho các con nhà Nam-Việt rõ lòng yêu mến và ngợi khen dân ấy, có lòng vì nước, công muôn dặm đến đất này mà binh vực và giúp đỡ chúng ta. Nhiều người đã vong mạng trong đất chúng ta. Tuy chẳng phải ra trận chiến, nhưng mà công cũng đáng công, cha mẹ vợ con những người đã bất hạnh đó, phải tưởng chắc rằng con cháu mình đã vì sự công mà vong xu, thì những hồn ấy sẽ hưởng phước nơi cõi thọ.

Đ. V. T. C.

Được thưởng *Médaille Militaire*

Vì lời nghị Quan Thừa-tướng, Binh-bộ Thượng-thơ ngày 10 Mai 1918, những người kể tên sau đây, tặng thưởng *Médaille Militaire* :

Lục-binh Đông-dương :

MM. Trần-văn-Sanh, đội 7^e bataillon indochinois.
Đào-văn-Rao, adjudant 1^{re} Cie — 12^e bataillon indochinois.
Chu-văn-Húy, adjudant 5^e bataillon indochinois.
Vó-ngọc-Kiểm, adjudant 21^e bataillon indochinois.
Nguyễn-văn-Hốt, adjudant 4^e Régiment indochinois.
Nguyễn-hữu-Phúc, adjudant 12^e bataillon indochinois.
Nguyễn-việt-Xin, đội 6^e bataillon indochinois.
Bốn chỉ mưng cho các vị có công trận dặng ban thưởng xứng đáng.

D. V. T. C.

Cuộc thương của A-lơ-măng tại Huê-kỳ khi rời giặc

Báo « *Gazette populaire de Cologne* » nói rằng :

Chừag hết giặc, A-lơ-măn không dặng vào xứ Huê-kỳ mà buôn bán hay là làm việc chi khác.

Mấy hãng « Hải-thoàn » Hamburg-Amérika, Norddeutcher Lloyd đã đóng cửa rồi. Các lò các xưởng khác đã bán và cấm bán lại cho A-lơ-măn. Nhứt-báo Huê-kỳ nài xin nhà-nước phải cấm bán hay là cho mượn lò xưởng chi cho A-lơ-măn nữa, sau khi hết giặc.

A-lơ-măn sẽ mất một mối thương rất lớn bên xứ ấy.

(*Le Figaro*)

Phong-tục xứ Xiêm

Trong số trước tôi đã có thuật cách tổng tán nơi nhà vua. Nay đây tôi xin nói tiếp theo việc nhà quan. Cách chôn cất cũng là một cuộc vui vậy : Sản dịp lễ táng của ba ông đại-thân là cựu Cần-chánh-điện đại Học-sĩ, tôi lấy cuộc ấy mà thuật lại cho khán-quan nhàn lãm.

Giăng thì cũng làm bằng tre mà bao bông gòn trắng, hết thấy chạy bìa bằng bông gòn đen. Ba cái giăng ấy thì lập trong một cái vườn xinh đẹp của kiền chúa kia lớn và tốt hơn hết trong xứ. Chung quanh thì cất nhà tiệt đề mà rước khách. Còn các chỗ gần đó thì lập bàn tiệt đủ các thứ bánh cùng hoa quả. Cách thết đãi khách thì rất trọng hậu. Mỗi chỗ thì có sắp đặt người sẵn đề dâng trà rượu, trầu thuốc hoài hoài. Trong các nhà tiệt ấy thì khách tới đông đảo lắm, mà không phải như xứ ta nghĩa là tỏ lòng bi ai với chủ tang, khách ấy lớp thì nói chuyện ra bộ ra tịch, lớp thì vui cười hơn bở như trong một cuộc vui nơi xứ ta. Còn chủ tang thì ăn mặt đồ đen miệng cười chum chim mà tỏ ý vui vẻ, đi đến mỗi người mà chào hỏi tạ ơn. Còn gần mấy nhà tiệt thì có bạn hát như hát Triều-Châu bên này vậy. Tuồng hát thì không hiểu rõ. Mà theo bộ tịch của tên hát bộ và cách ăn mặt rục rỏ thì chắc rằng hát tuồng rút trong *Ramayana* nghĩa là *khỉ giao chiến với thần tiên*. Bộ đây chắc hát tuồng *Tề-thiên loạn thiên đình*. Còn bên rạp kia thì để cho dân đến ca hát chơi. Nhặt thì đánh om sòm không nghe được.

Đến giờ thiêu thì làm lễ thỉnh xát dựng trong chậu thết vàng rồi để trên ba cái giăng. Xát thì bao trong lụa dài rớt phết đất. Sửa soạn xong rồi thì mấy ông thầy tu đến trước giăng tụng kinh làm lễ lạy thì đầu phải chấm mấy khúc lụa rớt dưới đất đó, chừng thiêu mới phát cho mỗi người hai bó củi và một nhánh bông giả mà khéo lắm. Thường thường thì có buộc theo nhánh bông ấy một hai món đồ hoặc bằng bạc hoặc bánh trái làm dấu tích cho mấy người khách. Rồi hết thì thân tộc họ hàng đứng dài theo người con trai trưởng nam như lễ hạ rộng bên Âu-châu. Người con trai trưởng nam mới nổi lửa rồi mỗi người bỏ vô mấy bó củi

phát hồi trước. Đương lúc lửa cháy thì hết thấy đều bôn hỏ vui mừng. Chũ tang thì bố thí như lễ của vua, vàng bạc cùng giấy bạc nhét trong chành quít mà liện cho thiên hạ lượm. Cuộc chơi đến khuya mới mảng. Còn trên rạp bát thì bọn thanh-hầu với bọn hắc-hầu đại chiến trống đánh vang trời. Còn trong nhà tiệc thì kẻ dọn lo thết đãi trà rượu chẳng thôi. Chừng xong hết thì các việc đều tan, giáng hỏa hóa ra tro, chỉ còn lại có ba khóm xương táng mà thôi.

Lê-Toàn

Mười ngày ở Huế (1)

(TIẾP THEO)

Lấy cái tư tưởng mới mà xét thì có người cho những sự tế-lễ ấy là phiền. Nhưng bất-luận rằng việc tế-tự có quan-hệ với cái thể-thống trong nước thế nào, phải sinh-trưởng ở nơi không có những sự phiền như thế mới biết rằng trong cái phiền ấy có một cái thú đặt-biệt, một cái nghĩa thâm trầm. Tôi nói đây là lấy cái phương diện nhà hiếu cổ, nhà ái-quốc mà nói. Theo phương diện ấy thì phạm cái hình-thức gì nó biểu được cái hồn xưa của tổ-quốc, dầu phiền-phức đến đâu cũng không nên bỏ. Bỏ một cái bỏ mười cái, là mất cái hình-ảnh nước nhà trong con mắt bọn hậu-sinh vậy. Tôi thiết tưởng ngày nay có nhiều nhà thiêu niên đọc Nam-sử khao-khát muốn được trong cái vít tích nước Nam ngày xưa, thế nào mà khổ vì không tìm đâu thấy; như thế thì cái cảm tình với nước được bao lâu mà chẳng tiêu mòn đi? Ở cái đời cấp tiến này, người ta chỉ biết lấy cái chữ nghĩa quyền-lợi mà đối đãi nhau, nếu thời hồ không có dịp nào để biểu cái nghĩa liên lạc của người một dân một nước thì mấy nỗi mà đến quên nhà quên nước vậy!

Trong Giao-tự thực là có ngụ một cái nghĩa sâu ở đó. Tuy là do cái học-thuyết đã cổ lắm mà không phải là không hợp thời.

(1) Bỏ hết một khúc nói về Giao-đàn, vì đã có nói trong sđ thứ năm rồi.

Theo học-thuyết ấy thì vua là con trời mà là cha mẹ dân. Vua phải thuận mạng trời, lại phải mưu sự hạnh phúc cho dân. Như thế thì Vua vừa có trách-nhiệm đối với trời, lại vừa có trách-nhiệm đối với dân nữa, nhưng hai trách-nhiệm ấy cũng tức là một, vì cái thiên chức của Vua là phải làm cho dân được sung sướng, dân được sung sướng tức là thuận-mạng Trời. Tề Giao là vua thay mặt con dân mà cầu Trời giáng phúc cho dân. Vậy trong tề giao có ba bậc: trên là Trời, giữa là vua, dưới là dân, ba bậc rất liên-lạc với nhau, không thể rời nhau được. Trời đất là nguồn gốc của muôn giống, dân phải nhờ trời che đất chở mới sống được. Nhưng dân không thể trực tiếp mà cầu phúc ở trời; phải có một người đứng giữa, một người *giới thiệu*, người cao hơn cả muôn dân, thay mặt dân mà cầu Trời thì mới được. Người ấy là ai? Là thiên-tử là con Trời, là vua vậy. Ấy cái nghĩa thần-tử của tề Giao là thế. Vậy thì Vua tề Giao là biểu cái lòng tôn-trọng với trời và biểu cái tình thân ái với dân. Thân làm chúa-tể trong nước mà kính-trọng khúm núm dưới thêm, vãi lạy cái hình ảnh thiêng liêng ở trên bàn thờ kia là vì ai? Vì dân vậy, vì lũ lê-thứ mình có cái trách nhiệm phải chăn nuôi, phải coi-sóc vậy. Như thế thì giao-tự cũng có quan hệ với chánh trị, vì nhân đây mà cái dây thân-mật nó buộc vua với dân buộc người dân với nhau lại càng bền càng mạnh thêm ra. Ba năm một lần tề Giao, tức là ba năm lại một lần. Vua trịnh-trọng ra tuyên-cáo với trời đất, với tổ tiên, Với sông núi, rằng cái hồn trong nước vẫn còn mạnh, vẫn còn bền, vẫn còn tỉnh táo vậy. Chớ nên cho những lời thuyết-lý, về tôn-giáo đó là viễn vọng, vì thử xét cả các tôn giáo trong thế giới có đạo nào là không có một phần viễn vọng như thế không? Nhưng trong phần viễn vọng của cái đạo thờ trời ở nước ta có một nghĩa thiết thực ở đây, như ta đã giải trên kia, và có quan hệ đến chính thể xã hội nước ta. Bởi thế nên tuy bề hình thức có phiền, mà cái tinh thần rất nên phải giữ vậy.

Ấy là lấy con mắt nhà triết-học mà giải nghĩa Giao thì Giao có cái nghĩa như thế. Nếu lại lấy con mắt nhà Mĩ-học, nhà thi-nhan mà xét Giao thì Giao thực là một cảnh-tượng rất đẹp, rất trang nghiêm của cái Việt-Nam-cổ-quốc này. Không những con mắt người xem ra thế, mà nhất là con mắt người ngoại-

quốc lại càng phục lắm. Bao nhiêu những tay văn-sĩ Pháp đã ở qua xứ này, đã từng được xem tế Giao, sau thuật lại ra văn ra thơ cũng đều lấy làm một cái cảnh tuyệt diệu. Tôi còn nhớ khi xưa có đọc hai tả-cảnh tế Giao của một bà nữ-sĩ Pháp, lời văn rất cảm động và rất lý thú. Bà nói cái cảnh Giao-dân bản đêm như cảnh trong mộng, đèn thấp trong đàn thành từng giầy giọc giầy ngang, trông xa như một chữ triện lớn viết bằng những nét chấm sáng mà treo lửng chừng trời, tiếng đàn tiếng sáo thì như tiếng nước chảy suối reo, tiếng xướng tiếng hát thì như tiếng thiên thần địa quỷ reo hò ở bãi bể Cái tư-tưởng của các bậc đế-vương ngày xưa đặt ra nghi-tiết lễ Giao cũng đã dị-kỳ lắm mới gây nên một cái cảnh quyền diệu như thế !

Nghe dân sĩ ở kinh-đô nghị-luận nói rằng tế-giao lần này vừa đẹp vừa nghiêm hơn những trước nhiều. Có lẽ cũng là một điểm hay cho niên hiệu mới của Vua ta vậy.

Quan Toàn-quyền, quan phó Toàn-quyền, quan Nguyên-súy đều ở Hà-nội về xem. Nhân các ngài tới Kinh, hội Đô-thành-hiến-cổ-xã có đặt hai cuộc chơi rất nhã: một là cuộc trần thiết những đồ dùng đồ bày cũ của Annam ta để khôi phục lại hình ảnh một cái nhà cổ ngày xưa; hai là cuộc diễn tuồng tây để quyền tiên cho hội Hồng-tập-tự. Trần thiết thì ở nhà Tân-thư-viện, tức là điện Long-an cũ. Đồ cũ, nhà cũ thực là hợp cảnh. Điện này cũng là một cái châu-báu trong nghề kiến-chúc của ta. Rộng rãi thênh thang, trông rất là có bề thế. Không có những lối tô-diềm rườm-rà, những sắc xanh-đỏ sắc sỡ, màu gỗ xưa, thêm đá cổ, mà có cái vẻ thuần-tý rất đáng yêu. Cứ so sánh cái điện cổ ấy với hai nhà Quốc-tử-giám mới dựng xây ngay trước mặt, thì dù biết nghề kiến-chúc ở nước ta ngày nay có thối-bộ mà không có tiên bộ. Những nhà cửa mới dựng bây giờ không ra kiểu tây, không ra kiểu ta, lại thêm cái lối vẽ-với phiền-phức, rất là khó coi. Có lắm cái cửa đèn cửa phủ tưởng như xây toàn bằng mảnh bát vỡ. Thực là một cảnh tượng dễ làm cho chạnh lòng nhà hiền cổ.

Những đồ trần-thiết trong điện Long-an thì hoặc là đồ trong nội, hoặc là đồ riêng của nhà các quan đem lại. Bầy ra từng gian,

trông nghiêm nhiên như phòng ngủ, phòng ăn, phòng khách. Bộ đồ trà bằng «pháp lan», bộ quân cờ bằng xương, cái bình phong khắc bài thơ nôm, đôi ngà voi mỗi chiếc dài hai thước tây, thứ nhất là một cái quạt bằng xương, dài ước một thước tây mà mở rộng đến 2 thước; còn nhiều đồ quý lạ nữa không thể kể cho hết được. Xem một lược cũng đủ hình dung được cái cách sinh-hoạt của các bậc thượng lưu ở Kinh-đô về khoảng mười lăm hai mươi năm trước. Vì ngày nay những nhà sang trọng dùng đồ Âu-châu đã nhiều.

Cuộc diễn tuồng thi ở nhà Quốc-tử-giám chiều ngày 26 tháng ba tây. Thoạt đầu diễn mấy lớp toàn con trẻ đóng vai ăn mặt rất đẹp, ca vãn rất hay. Rồi đến một bài hí-kịch của hai nhà làm tuồng có tiếng bên Đại-pháp. Ở Kinh-đô không có phường hát tây, các vai tuồng đều do các quý quan cùng quý phu-nhơn đóng cả cũng như các vai trẻ con trên kia là do các cô các cậu đóng. Tuy không phải là những tay nhà nghề, mà khi ra diễn coi đã thạo lắm, chẳng kém gì ở nhà Đại-vũ-dải Hà-nội. Khá khen thay là những nhà chủ trương hội ấy, không sáng người sáng đồ mà kẻ giúp công người giúp của, vì việc nghĩa gây nên một cuộc mua vui rất tao nhã; Hoàng-thượng, Quan Toàn-Quyền các quan tây quan ta đến xem đông lắm. Hát hai lối luôn mà lối nào cũng chật ních những người. Đương hát có các cô đi quyên tiền cho Hồng-thập-tự. Chắc bữa đó thu được nhiều, vì ai đã tới đây tất sẵn lòng giúp về việc nghĩa, huống các nhà chủ trương lại hết tài hết sức, làm cho xứng-đáng cái hảo tâm của người xem ! Nhân dịp Nam-giao, trong thành lại mở một hội đấu hoa-nữa, ở nơi vườn hoa mới lập sau điện Long-an, trước cửa bộ Học. Quan dân nhà ai có chậu bông đẹp đều đem họp tại đây, chiều nhiều những bậc trai thanh gái lịch ở chốn Trường-an, cũng đến họp mặt đông lắm, như muốn đua tài đua sắc với trăm hoa. Lại các nhà thi nhân vịnh hoa cũng nhiều; đem chậu bông thưởng kèm bài thơ theo, kẻ xướng người họa, thực là một cuộc tiêu khiển rất phong nhã. Nghe đâu các Cự lớn cũng có ngâm vịnh. Những bài thơ đó có yết vào cái bản ở giữa vườn hoa. Tiếc không kịp biên được những bài hay để thêm chút hương thơm xức Huế vào lời kỹ-thuật lặt lẻo này.

Ở Kinh mà không đi cung-chiếm các Tôn-lăng thì cũng là uổng mất cái công tự Hà-nội về đây, vả mục đích tôi về Kinh là muốn xem những cảnh tượng cũ của nước nhà: còn cảnh tượng gì trang nghiêm hùng-tráng bằng những nơi lăng tẩm của mấy vị đế vương ta đời trước? Không những mấy nơi đó là những nơi thắng-tích đệ nhất của nước ta, mà lại có thể liệt vào bậc những nơi thắng tích của cả thế giới nữa. Hoàn cầu dễ không đâu có chốn nhà mồ của bậc vua chúa nào mà khéo hòa hợp cái cảnh thiên-nhiên với cái cảnh nhân-tạo, gây nên một cái khí vị riêng như náo-nùng, như thương nhớ, như lạnh lẽo, như hắt hiu, mà lại như đây, những thơ những mộng, khiến người khách viễn cảnh luôn những ngẩn ngơ trong lòng. Mà cái cảm giác ấy không phải là người mình mới có, dầu người ngoại quốc đi du-lịch đến đây cũng phải cảm như thế. Có người Pháp rất mến cái cảnh những nơi lăng tẩm của ta đã từng nói, muốn đi xem lăng phải đi vào những ngày gió thu hiu hắt trời đông u-âm thì mới cảm được hết cái thú thâm trầm. Bữa tôi đi xem thì tuy là giữa cảnh mùa xuân, mà hốt nhiên không những gió hiu hắt, trời u-âm lại nước mưa đổ xuống như chút nữa, tưởng thế cũng là quá vậy. Đêm hôm trước thuê thuyền đi, trời sáng trăng xuống, tưởng ngày nay dầu không nắng to cũng bảnh bao cho bọn mình leo đường núi cho dễ, Ai ngờ chưa xem được một lăng, khi trở xuống thì trời đổ trận mưa rào, ngớt được một lát, dầm ra mưa rầm suốt cả ngày. Nhưng đã đến đây không lẽ bỏ nửa chừng mà về. Vả có lẽ xem ngày mưa phong cảnh lại biệt ra một cái thú riêng nữa. Bởi thế nên tuy nước tác đầy mặt bùn lội dầm chơn, cũng không quản dầm mưa mạo gió mà đi cho tới cái mục đích cuộc du lãm. Thực là hết lòng nhiệt thành với nơi thắng-cảnh vậy.

Đi xem lăng có thể đi xe tay tự Huế, ước mất bốn năm giờ đồng hồ. Nhưng đi xe không bằng đi thuyền, tuy mất nhiều thì giờ hơn mà thú hơn nhiều. Thuyền chèo từ nửa đêm ước tám giờ sớm mai tới nơi đi xem suốt một ngày, chiều tối chèo về, nửa đêm đến Huế, cả thấy không đây hai đêm một ngày mà được nằm nghỉ thanh-thơi, ngắm phong cảnh sông Hương, không mỗi một như ngồi trên xe. Kể các lăng tẩm thì nhiều lắm,

nhưng trước-danh nhất có bốn nơi : Thiên-thụ-lăng (lăng đức Gia-long), Hiếu-lăng (lăng đức Minh-Mạng) Xương-lăng (lăng đức Thiện-trí), Khiêm-lăng (lăng đức Tự-Đức), bốn nơi ấy là to hơn và đẹp hơn cả. Nơi Thiên-thụ xa nhất, rồi lần lược đến nơi Hiếu, nơi Xương nơi Khiêm. Vậy thuyền chèo tới Thiên-thụ trước, rồi lần về các nơi khác, xem hết vừa tới ngày. Nơi lăng, những người không biết những người tưởng-tượng ra một cách : người thì cho là cái nhà bong đã lớn, trong dựng quan-quách ông vua ; người thì cho là cái vườn rộng, giữa xây nấm, quanh trồng cây ; người thì cho là cái nền to như nơi văn-chỉ, phẳng đá voi ngựa đứng châu. Nhưng-dẫu tưởng tượng đến đâu cũng không kịp tới cái châu tượng lớn lao. Lăng đây là một cả tòa thành, cả một vùng núi, chớ không phải một khoảnh năm ba sào, một khu vài ba mẫu. Lăng đây là gồm cả màu trời, sắc nước, núi cao rừng rậm, gió thổi ngọn cây, suối reo hang đá, chớ không phải một cái nấm con con của tay người xây dựng. Lăng đây là bức cảnh thiên-nhiên tuyệt đẹp ghép thêm một bức cảnh nhân-tạo tuyệt khéo. Lăng đây là cái nhân-công tô điểm cho sơn-thủy, khiến cho có một cái hồn nào-nùng u-uất như phảng phất trong cung-diện âm-thầm, như rì-rao trên ngọn thông hiu-hắt. Không biết lấy lời gì mà tả được cái cảm lạ, êm dịu vô cùng, ao nào vô cùng, nó chìm đắm người khách du-quan trong cái cảnh tịch-mịch u-sâm ấy. Trong thế-giới chắc còn lắm nơi lăng-tẩm đẹp hơn nhiều ; như ở Ấn-độ có cái mã bà chúa toàn bằng ngọc-thạch, ở Âu-châu cũng có lắm nơi mồ-địa rất là u-sâm. Nhưng không đâu cái công dựng-đặt của người ta cái vẽ thiên-nhiên của trời đất khéo điều hoà nhau bằng ở đây cung-diện đình-tạ cùng một màu một sắc như núi non, như cây cỏ, tưởng cây cỏ ấy núi non ấy phải có đình-tạ ấy cung điện ấy mới là xứng, mà cung điện ấy đình-tạ ấy phải có núi non ấy, cây cỏ ấy mới là hợp vậy. Tôi vẫn thường lấy làm một cái khuyết điểm trong tư-cách người dân ta là có tài xây-dựng những đền đài to đẹp, mà khi xây ra rồi không biết bảo-tồn cho được vững bền lâu, khiến cho có người Tây đã nói rằng : « Không những người Annam không làm nổi cầu song cái, túng sử làm nổi nữa, cũng chỉ trong năm năm là cầu đổ vậy. » Bởi thế nên các đình chùa đền miếu của ta như có cái

cảnh tượng bỏ hoang, không ai nhìn đèn cõ mọc rêu che. Nhưng trong chốn lăng-tăm này thì hình như cái cảnh tượng bỏ hoang ấy lại hiệp với cái khí-sắc thiên nhiên, hiệp với cái tính thần riêng của phong cảnh, mà làm cho cái vẻ u sầm lại u sầm thêm lên vậy. Vì có ông quan hộ-lăng nào siêng việc quá, ngày ngày cho tây sạch cõ trong lăng, năm năm quét vôi lại một lần, quét vôi vàng, rồi lại kéo thêm một đường xanh đỏ như cái cung-điện, dinh-thự ở Kinh-đô thì tưởng cái cảnh sắc nơi tôn-lân bấy giờ không gì khó-coi bằng! Ai hay cái tính lười biếng của người mình mà làm đẹp thêm được cho nơi thăng cảnh. Kỳ thay!

Tuy vậy, nói thế không phải là nói chỗ tôn-lăng quyết không nên tu bổ. Đồ nát đầu phải chữa dầy, đừng để cho rầm mục tường xiêu, nhưng chữa không được làm sai qui-cũ cũ. Gạch lót sàn có viên nào vỡ thì hàn gán lại, chớ nên bỏ cả đi mà thay gạch noa tây vào. Còn ngọn cỏ ở khe gạch, cái rêu trên thêm đá, cây leo trên ngọn tường, lá rủ dưới hồ nước, phẩm cái sắc cũ kỹ, cái vẻ tự nhiên thì cứ nên để vậy, vì chính những cái ấy nó gây nên cái khí vị riêng cho phong cảnh vậy.

Thuyền đỗ bên bãi cát, khách lên bộ, đi qua bãi thì vào đến chân núi Thiên-thụ. Có con đường lên hai bên trồng thông. Bấy giờ trời tuy đã băng lăng mà chưa mưa, vừa đi vừa ngắm phong-cảnh vui lắm. Đi ước mười phút thì tới nhà binh-xá là chỗ quan chánh-sứ lăng, ở đó. Muốn đi xem lăng phải có giấy phép của Bộ mới được vào các cung điện. Vậy hôm trước tôi đã xin giấy cụ lớn Công, ngài tứ tế ân cần lắm, trong giấy nói rõ rằng tôi là chủ-bút báo Nam-phong ở ngoài Bắc về, muốn đi cung-chiêm các Tôn lăng, dặn các quan chánh-phó-sứ cùng quan lãnh binh cho người đưa đi xem mọi nơi. Nhưng chẳng may hôm ấy các quan đi vắng cả, tôi lên trình giấy không gặp ngài nào, duy có một thầy đội ở nhà thầy xem giấy rồi tiếp đãi tứ tế lắm, thân-hành cùng với hai tên lính đưa chúng tôi lên lăng. Từ nhà binh-xá tới lăng đi ước mười phút đồng hồ. Hai bên đường rất thông. Thông là một giống cây nó làm cho trong sạch không khí. Ngửi hơi thông cũng đủ mát mẻ khoan khoái trong người. Tưởng cả ngày cứ được như thế, không mưa, thì

còn gì sừng bằng. Đến điện trước rồi mới đến lăng, điện ở bên hữu lăng gọi là Minh-thành-điện. Điện trông rất là nguy nga, trước mặt có sân rộng, trồng mấy cây đại to; lại có một thứ cây không biết là gì mà hình rất cổ-kính thực là hiệp với cái cảnh trang-nghiêm ở chỗ ấy. Trèo bộ đá lên cửa điện, bước vào một cái sân rộng nữa trong bấy mấy cái thống bằng sứ cực lớn. Thường trong các miếu điện ngoài sân hay bày những thống như thế. Chắc là đồ Tàu nhưng không phải đồ thường, hoặc giả Triều đình ta khi xưa đặt kiêu riêng tự nơi « Thờ sản » chăng. Vì ngày nay không thấy đâu có những chiếc thống lớn như thế. Hai bên là tả-vu hữu-vu, giữa là chính điện. Vào chính điện phải nói với các « mẹ » coi trong ấy. Các « mẹ » là những bậc cung nữ của Tiên-đế khi xưa hoặc là những bậc công-nữ tôn-nữ trở về giả xin vào lăng để trông nom việc hương lửa hôm mai. Ở lăng Thiên-thụ này chắc không còn những bậc cung nữ nữa. Trong điện có cái khám đặt bài vị đức Tiên-đế, ngoài bấy cái sập rãi chiếu đề những đồ ngự dụng như khi sinh thời: cái khăn mặt, cái thau, bộ đồ trà, cái tráp giầu v. v. Hai bên lại bày những đồ phá lê cùng đồ sứ tây, chắc là những đồ của ông sứ-thần Pháp đem sang cống vua ta khi xưa. Đại khái cách bài trí trong tẩm điện các lăng đều như thế cả, chỉ khác nhau có ít hay nhiều mà thôi. Điện lăng Thiên-thụ này là ít đồ bày hơn cả; nhiều nhất là điện Khiêm-lăng.

(Sau tiếp theo)



Vật cản nhứt trong đời

Xưa nay ai cũng biết tiền tài là huyết mạch : trong mình con người, một mai huyết mạch khiếm khuyết rồi thân thể phải ô-m-o, như không phương bổ trị chầy kíp ắc phải vong mạng ; còn trong xã-hội, nhờ tiền tài không khác nào thân mình nhờ huyết mạch vậy : Nếu xã-hội nghèo mà không phương gỡ được, thì phải suy, mà hễ suy, ắc phải tang rã.

Ấy đó là, đều thật xưa nay, ai là người không chángh thấy?

Chúng tôi thi-hành chủ-nghĩa của hội Khuyển-học Longxuyên, đứng lập nhà Đại-việt Tập-chí nầy ra, thật chẳng chút lòng vì lợi cho hội hay là giúp ích riêng cho một người nào. Năm vị chủ-bút, chúng tôi đã chọn ra bình bút tờ báo nầy, toàn là người nhiệt-thành trong bốn hội, lại thấy là người chẳng lầy cái việc viết báo mà làm nghề riêng, vì ai ai cũng có phương thê sanh nhai rõ ràng cả.

Chúng tôi chằm chỉ coi sự công ích là trọng, nên đồng một lòng, kẻ thí công, người thí của, hiệp tư-bồn lại mà làm phí dụng trong lúc ban sơ.

Đại-việt tập-chí chúng tôi vừa xuất bản được đôi ba tháng, thì ước có bốn năm trăm người xin mua đến ngày nay, số người đọc báo cũng được trên chín trăm rồi. Chúng tôi lầy làm toại chí chẳng cùng, chắc sao tờ Đại-việt nầy cũng được miêng trường, vì tính kỷ mà coi, nếu số 900 người đọc

báo đều là người sẵn lòng giúp cho chúng tôi, thì dầu phải phí dụng nhiều thê nào, thì bổn-hội cũng đủ tư-bổn mà dùng.

Song ruỗi thay! sự mừng của chúng tôi xem ra dường giấc mộng. Sở tập-chí nầy là sở bày rồi, mà có chừng hai trăm năm chục người vui lòng gởi tiền trả mà thôi. Dường ấy, thì chúng tôi mới biết dụng có chi mà làm kê diên trường cho tờ báo nầy được nữa.

Tuy vậy, chúng tôi chưa có giây phút nào ngả lòng mà buồn việc cả, song chúng tôi xin mây ông đọc tập-chí nầy, ông nào xét lại chưa trả tiền mua trong năm, làm ơn gởi đên cho quán Đại-việt tại Longxuyên mà trả, như ông nào không bằng lòng đọc báo nữa, thì xin gởi trả tiền mây sở đã đọc rồi.

Nếu mây ông chẳng phụ lời chúng tôi xin đây, thì chúng tôi cũng vui lòng mà giúp ích cho đời luôn.

Longxuyên Khuyên-học-hội

Hội-trưởng đôn.



ÂU Á TỪ' DÀNG

Văn

TÊ TRẦN-THANH-CẦN

tùng chinh trận vong

Hành trạng phụ hậu

M. Trần-thanh-Cần sanh ra ngày 27 Avril 1892 tại làng Tân-an, tổng Định-bảo thuộc tỉnh Cantho. Cha người là ông Trần-thái-Long, mẹ người là cô hai Mung, vẫn còn song toàn, anh em lớn nhỏ 7 người, hiện nay nhà cửa ở tại đường Gia-long Chợ-lớn.

M. Trần-thanh-Cần là một người học trò siêu đẳng tại trường Bồn-quốc, lúc thi đậu bằng cấp tốt nghiệp rồi, cha mẹ người thấy con có khiếu thông-minh, nên muốn cho con sang Tây mà học thêm cho đúng bực, lại cũng nhờ có ông Lê-văn-Trung là cựu quân-bạt Hội-đồng, hiện đang sung chức Đông-Dương Thượng-ngự-viện chánh Ngự-viên, ngài có tánh hay thương những người có chí ham du học đường xa, phòng sau đem những tài nghệ về mà mở mang cho bốn xứ, cho nên ngài bết lòng hảo-cử, nên mới được nhà nước Nam-kỳ chuẩn cho số tiền cấp dưỡng, sang học tại trường Nông-học xứ Tunis. Học đó ít năm rồi lại sang học tại Nông-học thượng-đẳng-học-hiệu tại Nogent sur Marne. Qua năm sau thi đậu bằng cấp Bác-vật Nông-học-thương-đẳng-học-hiệu (Ingénieur d'Agriculture coloniale).

Vừa lãnh giấy tàu mà trở lại Nam-kỳ, kê nghe có giặc A-lê-măng, thì M. Trần-thanh-Cần lại vì nghĩa đồng-cửu, vì ơn giáo-dục, bèn đầu đơn nơi dinh quan Đại-biểu tỉnh nguyện xin ra sức tùng chinh mà đền bồi trong muôn một. Lúc ấy Chánh-phu nhơn thấy người là con nhà học trò ốm yếu nên không cho,

mà M. Trần-thanh-Cần cũng không nghe, cứ nằn nằn quyết một xin đi choặng mới thôi. Chánh-phủ thấy người có dạ nhiệt-thành như vậy nên cũng cảm khái mà cho đi.

M. Trần-thanh-Cần nhập cơ thứ 112 tại Toulon là ngày 2 Septembre 1914, qua đến ngày 12 Septembre kể đó thì đã ra nơi chiến-địa tại sông Meuse

Từ đó M. Cần đi đánh nhiều trận, song mỗi khi ra trận thì cứ điệu võ dương oai rất nên khấn khái, có nhiều khi đạn bên nghịch bắn qua như mưa bắt; mà M. Cần chẳng hề nao núng, coi như chỗ không người, liều mình xông tên lược đạn, ra giữa chốn chiến-trường mà điều độ những anh em bạn lính bị thương đem về cho đến trại. Vì vậy mà Chánh-phủ rất khen, đặng thưởng Thập-tự chiến bài.

Lại đặng xưng danh nơi vòng quân ngũ.

Rủi thay ! một đấng niên-thiền anh-hùng như vậy mà trời đất nở sớm chôn, thắm thay ! tiếc thay !!

Mới đây Chánh-phủ đã lấy tên người đặt cho một con đường tại Chợ-lớn gọi là đường Trần-thanh-Cần, để làm kỷ-niệm mà nhắc nhở công lao sự tích của người.

Ấy đó, phàm con người ta sanh ra trong trời đất, có mấy ai sống được trăm năm, sớm muộn cũng một lần phải thác. Nhưng mà thác vì danh, vì nghĩa vì quê-hương, thanh sử lưu-truyền thì thác ấy danh chói non sông, ngàn năm không mục.

Nên nay đem hết những công lao sự tích của người vào đây, và phụ thêm văn tế một bài, để tỏ chút tình mà diêu người nghĩa-sĩ.

Hỡi ôi !

Gió thắm Tây châu, mưa buồn Nam thổ
Mười năm công đèn sách, xưa vẫn còn danh nổi như phao.
Mấy trận đục pháo tên, nay dầu mất tiếng vang như mỏ.

Nhớ linh xưa !

Tánh-hạnh khiêm-hòa.

Thiên-tư dĩnh-ngộ.

Quốc-tử giám 4 năm học tập, tại Saigon đã chiêm ngạo đầu,

Nông-học-trường mấy lúc giời mai,
 Nơi Tây-vực lại tranh bản-lồ.
 Kể từ thuở ký thân nơi khách-địa,
 Chỉ tang-bồng nào nại chữ ly-hương;
 Trái mấy trắng giòng ruối chốn cương-trường,
 Gan hào-kiệt chi nhường người vắng-cổ.
 Ghét Đức-tặc cưu lòng lang-độc,
 Tánh tham tàn khuấy rối cuộc hòa-bình;
 Thương sanh-linh lốn chịu lăm than,
 Lòng nghĩa liết quyết giúp an trong hoàn-vô.
 Hành một thuở dưới xin tình nguyện,
 Độc phẫn thân trả nợ quốc-gia;
 Đã ba phen trên càn chằng cho,
 Cũng liều mạng đền ơn thủy-thổ.
 Chỉ khản khái bởi đồng-cừu là nghĩa trọng,
 Trời bao đánh sớm dứt kẻ mây xanh;
 Lòng nhiệt thành vì bảo-hộ thiệt ân thâm,
 Đất sao nở vội chôn người tuổi nhỏ.

Ôi!!!

Xác tướng gởi Tây-bang,
 Hồn thần về Nam-phố.
 Thăm bấy thung huyền hai cụm,
 Ý lư huyền vọng hãy còn đây;
 Thương thay đường đệ bấy nhành,
 Chiết dực ly hàng đã mất đó.

Sống làm tướng; sống mà nêu tiết, tiết dạng nêu đường
 mảnh giá trong.

Thác làm thần thác cũng rạng danh, danh chói rạng như
 vầng trăng tỏ.

Rủi mới sa cơ một phút, khi anh-hùng phượng phát cõi Tây-tri;
 May nhờ vô lộ ngàn ngày, hồn nghĩa-sĩ thanh nhàn miền
 Tịnh-độ.

Hỡi ôi, Tiếc thay! tấm lòng xin rõ.

Nguyễn-chánh-Sát.



Thi

Khóc ông PHẠM-DUY-THIỆU chủ quận Cầu-kê (Cantho), từ trần ngày 20 Juillet 1916.

Đau lòng mình bởi bạn mình thương ;
 Sống thác xưa nay ấy lẽ thường ;
 Sóng hoạn xô xao sông Mỹ-lê ;
 G ó nhân lặn lẽ cảnh Lỗi-Dương ;
 Nước non tạc đề câu hoài cổ ;
 Giao tất sầu doanh khúc đoạn trường ;
 Chén rượu thâu chẳng hồn chín suối ;
 Ngày nào người đặt chốn thơ hương.

Nguyễn-tử-Thức.

HỌA VẬN

Chôn Th.... sao đành hỡi bĩ thương ;
 Làm cho rời rã mối luân thường ;
 Họa đâu sấm dậy sông Kỳ-Thủy ;
 Thăm nỗi huyên sả buổi tịch dương ;
 Đập nát cung cầm theo lúc biệt ;
 Kêu đau tiếng hạt trớt canh trường ;
 Làng tiên vui bạn xung xăng bước ;
 Nở bỏ Bồng-Dinh chốn dị hương.

Bồng-Dinh.

TIỀN ĐỀ

Cong danh một nháy phuôi như Trốt ;
 Đò tạo mau đưa Phạm-Lĩnh-Công ;
 Ất-xê Cầu-kê đảo ử phuy ;
 Đêm trường Mỹ-Lê hạt sầu cầm ;
 Nghe tin phút đồ mồ hôi hột ;
 Hỏi chuyện càng tuôn nước mắt đầm ;
 Ôn nước nợ nhà bai lỗ giở ;
 Gạt người chi bấy hỡi thiên tâm.

Nguyễn-viên-Kiều.

HOÀI HỮU

Hậu-giang nước khéo thấu Tiền-giang,
 Ngưu Chử giòng sâu nhớ đến cang,
 Trà rượu ấm ba khi khách-sang,
 Khăn đai riêng một lúc dương-quang,
 Nước nhà ơn nặng lẫn lửa trắ,
 Bậu bạn niềm xưa thất theo toan,
 Mạnh giỏi có ngày còn gặp gỡ,
 Người nường ăn đặc kẻ nường quan.

Phạm-Duy-Thiệu, Tri-Huyện Cầu-kê

ĐƯA BẠN ĐI TU

Cởi thuyền Bát-nhã già Ngưu-Giang ;
 Đẹp điệu Nho-Y trở điệu Thoàn ;
 Ngày gọi nằng sương đáng đã trãi ;
 Chữ nghe kinh kệ thú thêm nhân ,
 Ước ao thổ giác khêu tàu nguyệt ;
 Điều dắc Bồng-Dinh lại Tổ-Lang ;
 Đã ớn chuyện trần thời muốn tính ;
 Kẻ theo Di-Lạc kẻ theo Đoàn.

Bồng Dinh

TRĂM NĂM VÁCH PHẤN ĐỀ THƠ,
 NHIỀU NƠI SANG CÁ, QUYẾT CHỜ DUYÊN ANH.

Đề thơ vách phấn nện gia mồi ;
 Khỏi nợ trắng trắng đề dạ thôi ;
 Muôn kíp tương với câu chữ tạc ;
 Mảnh trính son sắc lá gan dôi ;
 Lời thề đánh rạch còn ghi dạ ;
 Nỗi thâm âm thâm chả hờ mồi ;
 Mẫu nhiệm để cho trời đất thấy ;
 Hỏi người như vậy mấy người ời ;

Bồng-dinh.

KÝ DỮ BÔNG-DINH

Tiêu-Tương một ngả ngả Tây-Tần ;
 Từ ấy phương trời kẻ một thân ;
 Vị-Bất vừa nghe tin bạn cũ ;
 Giang-Nam mừng thấy nhánh mai xuân ;
 Tình đông muôn bực khôn nguôi nhớ ;
 Vàng nặng ngàn cân xiết đòi mừng ;
 Trân trọng tấm lòng sau với trước ;
 Anh-hùng sẵn biết giữa phong trần ;

Phan-Tiên. Tự Tử Nhân,

CHÚC MÃNG ĐẠI-VIỆT TẬP-CHÍ BÁO

Việt nam tập chí mới in ra ;
 Ông ông đưa xem trẻ nhũng già ;
 Xả bội kết đoàn nghe thấy rộng ;
 Báo chương hiệp lực luận Bàn xa ;
 Văn minh tấn hóa sự Âu Mỹ ;
 Tuần tực duy trì Pháp-Việt ba ,
 Trí thức năm khoa năm chữ Bút ;
 Chia tài điều đặc quốc dân ta.

Phạm-ngọc-Chấn

Chef du canton de Vinh-tri-thuong (Travinh)

TẶNG ĐẠI-VIỆT TẬP-CHÍ

Lựa ví người xưa bầy bước tài ;
 Văn chương Đại-việt gấm nêo hay ;
 Dạy bày nông nghệ trên tờ giấy ;
 Chỉ vẽ tầm tan dưới ngón tay ;
 Trẻ đại dặng nhờ câu trí ngỏ ;
 Già no đều ngợi tiếng cao dày ,
 Thên huê gấm nọ càng tươi tốt ;
 Chủ bút năm vì đáng mặt trai.

Phạm Hatien

GÒ-CÔNG PHONG CẢNH

Trãi bước Xuân-du sáu tỉnh trong :
 Trước-nguyên phong thủy mấy nơi đồng.
 Nhà giải Rạch-Lá qua đầm Bắc ;
 Cửa ối Đồng-huê giáp biển Đông.
 Thánh-Mẫu Qui-Lang non nước biết :
 Hiền-Thần Lân-Cáo lửa nhang-hồng.
 Cảnh làm gương để soi kiêu-cổ ;
 Nhơn vật ngán xưa rặng núi sông.

Gò công dân bộ Huýah-dinh-Hạo đón phụng.

Aí-liên-Từ (ưa sen trắng)

Năm Mậu-Ngũ : Thời vừa Hạ-chí ;
 Tiết Đoan-Dương : Cảnh vược Xuân-thâm !
 Sang Tây-viên trẻ bước phương tằm ;
 Qua Nam-phố sớm kỷ nguyệt bộ.
 Cơn Lãng-hứng mới sứt nhình quanh tứ cố ;
 Tánh hào-du hằng ngoạn thưởng mấy trăm hoa.
 Nỗi riên, riêng chạnh tất lòng ta ; ...
 Niềm quang cảnh biết lấy chi mà tích cảm ?
 Ngày lụn, lụn tâm trong cuộc nọ !
 Thơ phong lưu chưa có mượn bút khiến tình.
 Nhấm lên trên phía Tiên-trình.
 Ghé truyện bên Trương Hậu-tấn.
 Cung Phán-thủy, Sĩ nhơn nhứt chần.
 Học hiệu đường Xuân tọa chi lang.
 Đường khải-tướng hành khách vân nhơn ;
 Vườn Mạc phủ hoa trang thảo mộc.
 Đây mấy chỗ phi phẩm phi tục ;
 Đình Thừa-lương lên nghinh tiếp thanh phong.
 Sảng sang nơi hữu cảnh hữu tình ;
 Hồ minh-kính ghé ngao ơn bích thủy.

Minh trì chuống Bạch Liên nên quý ;
 Liên ba sinh thắng cánh thêm danh.
 Nhụy vàng, cánh trắng, Tàng-xanh ;
 Nữ theo đám-kiêm dài ngọc trắng.
 Lọng lợp, Ngó ngay, Tiết thắng ;
 Trổ theo vùng-hạo thủy bích ba.
 Gương tròn vịnh vịnh mặt hằng-nga ;
 Bút nhọn ngoắt các tay Văn-sĩ.
 Khi hàm-tiểu sắc nhang hân bỹ ;
 Mở miệng ra đà không mất cổ với Thanh-thiên.
 Lúc măng-khai tài đức ung dung ;
 Rã bèn đỏ lại có hồ người cho hạo-nguyệt !
 Tiễn Thanh-phủ nổi đầy trong nước biết ;
 Bể hằng-sân thế chẳng thua ai.
 Ngồi Bạch-thử cặm đứng giữa trời trong ;
 Việc văn-tài khi không nhường chúng.
 Danh giá đó rất nên hữu dụng ;
 Hoa gồm quốc sát thiên hương ;
 Cốt cách kia rất đáng phi thường ;
 Thú thật phong quan cảnh hảo
 Hình dung nhấm thiên công thiên tạo ;
 Trâm rung bạch ngọc đếm đầu.
 Điểm trang nên tinh tú tinh thần ;
 Phấn sức huỳnh kiêu phô nội
 Hạt răng răng có hàng có lối ;
 Gương mặt bằng như tinh tú liệt trương.
 Cánh phao phao có lớp có lang ;
 Kiến vi đúng như y thường nghệ vũ.
 Học vấn thưở biệt sinh ý nộ ;
 Tư lòng đây muôn mối kinh luân.
 Công phu nên thiết quả danh lưu ;
 Vải hột đủ trâm phần mầu duệ.
 Gốc cội vãi tăng xưng Tịnh-Đế ;
 Nối rễ-con mặt vật tương thừa.
 Lễ nghi hằng tiếp ngộ Đồng-liêu ;
 Lên chỗi-ngó sấm si trong nhượng.

Oai nghiêm thác du nhơn mặt cương ;
Thấy chun chông đầu để cang ngan ;

Khiêu đạt thông minh triết vương gia ;
Giờ lòng thấu lại thêm kiên nể.

Nều gặp thời thế phải ra tay kinh tế ;
Thề gian rằng : quân-tử thiết đáng bia danh.

Còn ở phạm vi hằng giữ nét u nhàn ;
Sĩ-tử gọi : Thuyền-quyên e khi nhẹ tiêng.

Phong-tư kiêm Liệt-nữ Tồn-tiên ;
Sắt hải-đường tướng còn chứa đủ.

Dung nhang gồm Mỹ-kiều vương-giã ;
Mùi chi-lang sợ cũng thua nhiều.

Ấn phẩm nề chẳng nhĩn hằng thức thú tiêu diêu ;
Dật-sĩ này : lòng tư-tướng bên hơn vãng cúc.

Nơi đảo-lăng chẳng giới ; từng quen cơn chân động,
Trượng-phu đây ý chí ; quyết thiết khác trường-Tông.

Trước quân-tử bất nại mấy xuy phong ;
Nhưng kiên định chớ sắt hương chưa vụn.

Mai khôi-nguyên hữu-lăng cùng lãnh tuyết ;
Tuy thanh kỳ chớ tao nhã còn thua.

Khuyển qui thiết quả a đua chi bối !

Mẫu đơn loại đồng phú quý chi nhân.

Phù-dung như diện ; trong hoa này : Mỹ nữ tiên thân.

Hà chương vi y ngoài lá dấy : Tiên-tiên tế thể,

Chân Nữu Tống thể ; Châu-kiểm-khê yếu trọng như trân.

Quân hầu Đông-hôn ; Phan-Quí-Pai dám lia thốn bộ.

Chữ danh hiệu nếu hiểu nhầm ra đến cổ ;

Nữ trung quân tử Bạch-liên-Huê.

Tích cổ kiêm còn chép để lưu truyền ;

Thế thượng nga kiều-| phù-dung diện.

Hoa đua nở, mắt trông quyến luyến ;

Thấy chàng rằng mấy bợn đi chun.

Mùi đầu thơm, giá cầm ai hoai ;

Ngó chỉ quyết lấy người lạ mặt !
 Mua phiên trong khoảnh khắc ; việc và câu bằng bạc tung
 xung. ... Tự sự sắp chập chông ; Xã hội chữ kỹ tiền thanh cấp.
 Hải-tân-Vương đã chi dàn.

Rằm tháng giêng năm Đinh-tỵ

Sau khi Thu-hoạch Vụ-đông : thường lễ là trong cơn rồi-rãnh ;
 tôi vẫn hay xét nét những chuyện đã làm, những đều phải
 ghình : bởi sự bình nhứt tôi chủ-chuyên riên thủ điền-viên ;
 vì tánh ưa cầu vui, hay lẫn khân, ham phần mần việc xát l.....
 Thế người không biến nhất, thường chúng thấy mặt dầu dầu !
 Trước lo vung quén tất đất ngọn rau, sau là triển trang những
 mạch đảo mà đã thấm vào nơi cảnh Giồng-Báo-động !

Há rằng : cướp lợi của con-nhà ; ngọn cỏ chòm hoa : muốn
 thấy lòng trời cơn khép mở ! Chỉ rắp ra công bồi đất nước ;
 yêm cây ẩm cội : thử xem tình vật lúc đua tranh.

Phải buổi trời chiều, tôi đương đạp tuyết đi chơi xuân,
 lại gặp nhâm : giờ hạp, năm may, ngày lành, tháng tốt, tôi
 vẫn thấy nhà-nhà đều Thi-Rế cùng cùng các đảng Âm-tỵ l.....
 Thế thì biết là Rằm tháng Giêng Năm-Mới.

Tôi vùng sực nhớ lại, hôm hăm-chín lấy làm ba-mươi năm
 ngoái, nhằm ngày kỷ-niệm ! tôi có dắc cả đoàn bè bạn ; đam
 nhau đi : Soái tảo mộ phần, gần xa mấy chỗ, Mồ-xiêu Mã-lạc ở
 các cách đồng - Tổ-Phụ lưu lại !

Tôi tin tưởng bậc khác-thường ; tượng bởi sự khăng-
 khái mới đến đổi Nước-non l..... theo đám đó :... Có lắm kẻ
 khôi hồ sinh trong nhơn đạo ; nhờ ai chỉ bảo mà đi biết dặng
 rằng : Ngày Sống hồng đồng ngày thác ?..... Cũng hiếm người
 mang được cả xát hồn mà trở về cảnh cũ quê xưa ; bởi ai
 rằng dạy mà lại hay hiểu rằng : Người mạng-bạc, nước da vàng
 là Annamites ?

Làng dốt đặt chẳng những không nát lời, coi thấy biết; vẫn còn có chỗ dư ngon, những còn có nơi dư ý; thậm chí tiếng nói nước nhà ta; chẳng biết mà rằng: thiết-kiệm! lại bức mình thêm khôn thể viết oan đảng! nghĩ tới nước này sâu thăm biết non nao!..... khi tôi gẫm bấy nhiêu sự đoạn; tôi mới táng tỉnh rằng: ngàn xưa âu hân thê nào.

Cậy phá thanh sầu, Bình ấy Rượu;
Sai xông lủy thắm, Tướng là Thi.

Chứng tôi lật đặt day bão trở về liền: thức thì khiến sắp bấy trẻ nhà: mau mau sắm sinh đồ đi Du-hồ Ngoạn-nguyệt; đưa lần lần sang, Thủy-tọa điệu-kiêu; như những là: ve rượu khén, chén trà khan, thắm đọng nóng môi nhiều bữa Tết: Ngọn viêt xoài, bài thơ bán; ngựa tại gai mắt chút nghề riêng.

Hồi đi: Mây vây Núi-tối chiêm tiềm Bạn;
Trăng tỏ Sao gió thừa dục dả.

Kia cả: Dưới bãi hạt. Bần qui theo rẫy bã;
Trên đường cù đồng bãi cả sanh con.

Đến đây: Trăng lồng cổ-thọ tròn như tảng;
Gió quén Tiễn-giang lặng tợ tờ.

Ghé lại: Lãng Ông Rạch-Miền chim kêu rảng;
Cồn Cạn Bến-Chùa Nốt cột Lan.

Hồi này: Thấy mặt trăng ra dả khỏi Núi, đi tự hồi giờ
Mới tới lối đăm điền Chức-Nữ Ngưu-Lang.

Kể lấy: Khói tỏa sương bay lòa cửa biển;
Mặt Nước trong veo tiếp chưa trời.

Tha hồ: Cả đăm thuyền câu đi đâu không biết, biệt mù nổi trôi trên mặt nước, vược vông như lược sóng mà đi đại ra khơi.

Tôi nghĩ lợi: Người bề trên trái đất, kẻ phía dưới mặt trời;
coi trong thiên-hạ: già sử như, kếp hát góa, nội cả rập Ông Bầu-Trời.

Tiết thay! biết sự sống không mấy lâm hơi!... Muốn Bất tử ôm lấy đảng con Trăng RẪM mà tỏ vẻ sự đời chơi mới rạng.
Kéo đi lợi: cứ dễ bán mà khen xằng! Mãn mãn rằng lại cái con Sông Tiền nó giải dằng giặc?

Tôi lại nghĩ : tại mắt mình còn ở trong vòng biến-đổi mà coi ra, thời chỉ thấy cuộc trời đất kia, cũng tỷ như trong lòng ống quân viết.

Còn nói nữa : Đất điển cảm gan cùng tuế nguyệt :

Trời hùng đỏ mặt vuốt Tang thương !

Tương lại : Trong quán khách, khách nào cũng khách ;
Giữa Trần ai, ai dễ khi ai.

Ồi thôi thôi : Sách có chữ : Quân tử cố cùng !.....
Hơi đau mà giận người-dưng nước lã !

Giã như : Báu trong thiên-hạ ; Cửa ngoại càng-khôn nầy :
Ngọn gió mát phía dưới mặt con Sông Tiền, cùng cái bóng
trắng tròn thân trên đầu hòn Núi Bạc ; tại tôi nghe có tiếng.
mắt tôi thấy ra dạng. Tựa hồ : dùng cũng khổ g ai căng ; mà
lấy cũng chẳng ai ngãng !....Thả cửa : đó là, khô vô-tận ; Lắm
thường-xuyên, bên miền Thế-giải-mới đo ! có phải cái
thủ chung-cùng của các via-ống giống của tôi không ?

Vậy có thơ rằng : Bầu dắc Giang-sang : tuổi chút phận,
phải y ôi cùng Thê-sự ! Tuổi niên phong-nguyệt ; lấy chữ Nhân
mà năn nĩ vuốt Trần-tâm.

THINH-KHÔNG ! Đương đêm khuya vắng vẻ ; tôi nghe có
tiếng gì-gió lọt vào tai ; làm cho cả cảnh-động, lá-lay, Ba-khai.
trái đổ ! Tôi cố nghe quyết cho biết tiếng Rao riết thiệt miệt
nào. Y ! hơi chướng thổi nà ; Gió Tu-oa dục dã.

QUÁN-VIÊN-NÔ TẠO-HƯ ĐỐN PHỤNG

Luận văn

Câu : Di-tử mẫn-kim-tương
Hà-như-giáo-nhứt-kinh

Di-tử-mẫn-kim-tương, hà-như-giáo-nhứt-kinh : Đễ lại cho
con dây hòm vàng, sao băng dạy nó lấy một quyển sách, lời nói
ấy thiệt là có lý lắm.

Vì làm sao mà có lý ? — Là bởi cửa cải xưa nay thường vẫn vương tiếng « không chừng » mà sách vở thì vẫn chưa câu ; « trong có vàng ngọc »

Cửa vàng bạc ở trong rương là cửa nôi, có lắm mà mang chi tồ nặng mình, giấu cất một chỗ thì sợ không được kín đáo, phủ vân diên đảo, khôn nôi giữ gìn, canh ngày gác đêm, quá thân đây đó !

Chi cho bằng thi thơ vài bộ, đồ ai ròm rờ, đồ dứa tham lam, vất bỏ ngôn ngang, mấy khi mà sợ, cửa chìm ở đó, cửa nôi ở đó, chớ còn ở đâu, ai biết giờ sâu người ấy hẳn lợi, lợi không chơi nôi, xuy-xuyền làm sao, chẳng cần tường cao, chẳng cần cửa kín, gian tà cũng biêng, đạo tặc cũng lười, lòng dạ tạc vui, ai moi cho nấy. Cửa cải thần tình giường ấy, há dễ chẳng yêu sao ?

Thế mà các cụ còn có đáng không rõ : tích vàng cho đầy rương đầy tủ, tưởng đã thú tính về hai chữ « đề đa », ấy là vốn liếng nhà ta, ấy là cơ-nghiệp truyền-gia sau này, tưởng của ấy là tây trời biển, đề mà bay mà biến hay sao ?

Khi nằm xuống thấp cao dạn như, để cho con cổ giữ cửa này, sử kinh mặc sử kinh hay, cửa này khó giữ cửa này hay hơn ! Ngờ đâu nó ra tuồng đông giở, núi « thái sơn » cũng lở lẹ tiền, rượu trà cờ bạc lưu liên, vừa khi nặng cọc đã liền trắng tay, thế mới biết giở hay chua ngọt, thế mới từng đại dột xưa kia, cửa nhà một buổi bôn phi, than ôi cửa ấy có chi là chừng !

Trừ những hạng suy cùng nghĩ thấu, rèn cặp con nung nấu bạc vàng, một mai danh nhưc tiếng vang, anh em nở mặt họ hàng thơm lây :

Ấy mới gọi cửa tây vũ-trụ, ấy mới là đáng chữ đồ-kim, công phu mòn mỏi sách đèn, giá danh chán chửa bạc tiền này ra.

Kim-tương hồi chịu là thua chửa, khuyên ai đừng hớn hờ kim-tương ! Nhứt kinh huyền diệu thân lường, khuyên ai cố gắng theo đường nhứt kinh, rồi ra vạn sự thắng bình, truyền gia lay chữ nhứt kinh làm đầu, đừng tham cửa, chớ cậy giàu, phủ vân

một đóa biết đâu là chừng, dạy con kinh sử làm lưng, ấy gương
mỏ mắt, ấy chun dần dàng.

Nào ai truyền tử di tôn;
Truyền cho ít chữ còn hơn lấy tiền!

Vô-danh Phạm-sanh
Nam Định

Tức cảnh

Nhân ngày lễ kỷ-niệm Việt-nam là hôm mừng 2 tháng 5, hứ-
danh với một người bạn uống rượu trong cái nhà lá 3 gian trước
mặt sông Vĩ-hoàng-giang, được cốc cảm hứng, anh em mới
dở thơ xướng họa cùng nhau. Xin đăng lên báo để các ngài
nhân-lắm. Xin chờ cười kẻ thơ sanh mới bập bẹ làm thơ!

Ghé mắt dòm qua trước cửa lều,
Trời-xanh, nước biếc, gió hiu hiu.
Giọng chim năn-nĩ đầu gành rít,
Làn sóng âm-ì ngấn nước reo.
Bốn mặt bầu trời quay cổ lại,
Ba gian nhà lá vất chơn treo.
Khi say giấc cả giang hà đó,
Tôi nghĩ thảng tôi có biết bao?

Phạm-sanh-Xương

HỌA NGUYỄN VẠN

Chớ chê Gia-cát mấy gian lều,
Chứa gặp tang bồng phải hát hiu.
Trước mặt ruộng nương đều cửa cải,
Đầy nhà trắng gió vẫn mắng reo.
Kìa anh thành-thị đua xe ngựa,
Nọ chú ngư-gia đẩy mái chèo.
Cảnh có người nên không tục nhĩ,
Bác tôi, tôi bác sướng dường bao.

Thuật-sĩ, Phan-trung-Chính

ĐÔNG GIA CAM TẮC

*Một bài ngũ ngôn
lời thơ nói*

Gió bắt đêm đông thời,
Vừa buồn rét lại đời.
Cúi đầu nghĩ truyện đời,
Đốt lửa trông luồng khói.
Quàng-quạc cả-kêu kêu,
Thiết-tha thạch-sùng sỏi.
Muỗi ve, gà gáy đồn,
Ruột lại căng bối rồi.

Nam-định, Phạm-sanh

TRUYỆN

VONG TÂY TIỂU THUYẾT

Gia-Đi truyện

HỒI THỨ MƯỜI

Khi Gia-Đi vào làng rồi, thời thấy dân Ê-gýp-Tô bao phũ mà la lên rằng : « Thằng này đã giết Lê-tồ-Phi mà đoạt ả Mi-Xốp đây. » Gia-Đi bèn trả lời rằng : « Tôi chẳng hề có đoạt ả Mi-Xốp bao giờ, vì ả ấy tánh nết rất lạ thường ; còn chàng Lê-tồ-Phi cũng chẳng phải tôi cố ý giết đâu ; song vì tôi muốn cứu nàng Mi-Xốp, nên chàng va giận mà đấu chiến với tôi, mới ra cuộc rũi ro như thế ; vả lưỡng hồ tranh đấu thời tất hữu nhứt thương, chớ tôi là kẻ đến xứ Ê-gýp-Tô này mà kiếm nơi nương ngụ, thời chớ vị hãy nghĩ mà coi ; đã dốc đến xứ người kiếm nơi tá túc, có lẽ nào vừa bước chơn vào đất khách đã giết chồng mà đoạt vợ người như thế sao ? »

Người Ê-gýp-Tô vẫn công bình và hiền hậu, nên khi nghe Gia-Đi nói bấy nhiêu lời thời dắt Gia-Đi vào nhà công-sở, mà

rút chỗ vót thương hồi nầy cho Gia-Đi, rồi mới hỏi tra Gia-Đi và tên nô-bộc của Gia-Đi rất kỹ-cang, cho rõ đều chơn giả. Khi tra vấn rồi, thì rõ Gia-Đi chẳng phải người sát nơn; song cũng có tội về sự phạm làm cho đổ máu người, nên chiếu theo mặt luật xứ ấy, thời phải xử bán mọi Gia-Đi mà đến tội.

Vậy dân ấy bèn bán hai con lạt-đà, và lấy cả vàng bạc của Gia-Đi đem theo mà phân phát cho kẻ thôn phu. Còn Gia-Đi và tên nô-bộc thời bị đem ra chợ mà bán. Lúc ấy có một người thương-mãi tên là Xê-Tốc là dân A-rập mua cả hai thầy trò, nơn thấy tên nô-bộc mạnh dạn vạm vỡ, thời mua đặng tiền hơn Gia-Đi, ấy cái phép mua mọi thời vậy đó, hễ mạnh bạo thời đặng tiền còn mảnh mai thời nhẹ giá; vì tính cho người mạnh bạo ắt phải làm đặng công việc nhiều hơn. Bởi ấy khi bán rồi thời Gia-Đi thành ra tên mọi phụ của tên nô-bộc mình. Chủ mua khi chổng tiền đủ, thời dùng một sợi lòi-tói mà xiềng chơn hai thầy trò lại rồi mới dẫn về nhà. Trong lúc đi đường Gia-Đi hằng khuyên bảo dạy dỗ tên nô-bộc phải ăn-nhân mà đợi thời, chớ khá cưỡng-cầu thăm-nảo làm chi cho vô ích. Người lại nói rằng: « Ấy là cái họa của ta, mà lây đến cho nhà người đó, ta nghĩ lại mạng-vận ta thật rất lạ lùng quá lẽ, đã bị phạt vì thấy chó đi qua; gần bị đâm việc phụng-hoàng, gần phải chết, bởi làm thơ khen ngợi Thánh-Thượng, lại chúng hồng thất cổ vì mang một sắc dây đai với Hoàng-hậu; đến bây giờ mới ra thân tội mọi với người. Vì một tên lỗ-mãng đánh vợ nó mà ra; thôi chúng ta đừng thối chí, hễ bị cực thời có thời lại. Vả lại hễ lái buôn A-rập thì có mọi, mà ta cũng làm người như kẻ mọi khác vậy, thì ta làm mọi cũng chẳng bẽ chi. Lại ta coi người thương mãi nầy cũng có lòng nơn hậu, ắt người ở với sắp mọi-tôi chẳng lấy chi làm khó chịu đâu. »

Tuy khuyên lơn nô-bộc mình nư thế, chớ lòng người thì luôn sầu bi mãi mãi, vì hằng lo lắng về cái mạng của hoàng-hậu chẳng biết nay ra thế nào.

Khi Xê-Tốc dẫn thầy trò Gia-Đi về đến chỗ ngụ rồi, bèn vầy một đoàn với sắp tôi-mọi khác và một bầy lạt-đà, mà trở về cố thổ, là xứ A-Rập. Đường đi gay-trở vô cùng: mà trong lúc đi đường thì coi bộ Xê-Tốc năng sẵn sóc tên nô-bộc hơn là Gia-Đi vì tên ấy làm đặng nhiều công việc nặng nề.

Ngày kia gần đến Ơ-Kết là quê nhà của Xê-Tốc, thỉnh linh có một con lạc đà mang bình mà thác; bởi ấy phải lấy những đồ đã chổ trên lưng con lạc-đà đó. mà chia đều ra cho sắp tôi-mọi mỗi đưa một phần bằng nhau, vát lên vai mà đem về cho đến nhà; bởi đồ rất nặng nên mỗi đưa đều phải cong lưng mà đi; Xê-Tốc khi thấy cả sắp tôi-mọi mình chẳng đưa nào thẳng lưng cho đặng thì lấy làm tức cười, Gia-di mới nhơn dịp ấy, mà cất nghĩa phép thân-bằng trong sự cân nhau cho chủ nghe; Xê-Tốc từ ấy biết Gia-di là người có trí, nên có ý cưng hơn sắp kia một thí; Gia-di thấy vậy lại phân giải nhiều điều về cuộc thương mại về các loại kim, và về tính chất của các loại thú cầm: luận, cho đến cách nuôi dưỡng cùng tập luyện mà dùng thú ấy. Bởi vậy Xê-Tốc từ đây coi Gia-di như một người bạn hữu mình vậy, chớ chẳng đãi theo bậc tôi chủ chi nữa, lại có đều chi huất trật, thì đều hỏi han thương lượng với Gia-di cả.

Khi về đến quê nhà, Xê-Tốc mới khởi sự đòi một lão kia năm trăm lượng bạc nợ, nay lại nói ngược rằng không thiếu, vì lúc cho vay ấy có hai người làm chứng: nay chứng ấy thấy đều tị trần; lão Ê-Rô ỷ vậy nên quyết nói ngược. Xê-Tốc lấy làm tức tối vô cùng, chẳng biết thê chi mà thâu của mình lại đặng, bèn nói việc ấy cho Gia-di nghe, mà xin bày diệu kế. Gia-di bèn hỏi rằng: « Vậy chớ hồi trước ông trao bạc cho nó tại đâu? » Xê-Tốc trả lời rằng: « Trên một tấm đá lớn kia gần núi Ô-Rét » Gia-di lại hỏi nữa rằng: « Còn tánh tình thẳng cha Ê-Rô thì dường bao? » Xê-Tốc rằng: « Nó là một đứa tiểu nhơn, vô-tri nói năng hớp tớp, chẳng ra chi cả. » Gia-di bèn xin chủ cho phép mình thế mặt cho chủ mà đến kiện nợ ấy giữa tòa. Vậy khi tiền bị đèn trước mặt tòa, thì Gia-di thưa rằng: « Tôi thay mặt cho chủ tôi mà đòi tên Ê-Rô này năm trăm lượng bạc của nó thiếu chủ tôi. » Tòa bèn hỏi: « Nợ ấy có ai làm chứng chẳng? » Gia-di thưa rằng: « Hiện bây giờ không có, vì hai người chứng đều tị-thế hết rồi, song chủ tôi hồi đó đem bạc mà giao cho tên này tại trên một miếng đá lớn kia, nay chắc còn dấu tích, vậy xin tòa rộng lượng, cho người đi theo với chủ tôi, đặng chủ tôi chỉ hôn đá ấy mà khiên về đây; còn tôi với tên Ê-Rô thì ở tại tòa này mà đợi, chừng đem viên đá về đây rồi thì tôi sẽ chỉ dấu tích trước mặt hẳng cho tòa phân xử. »

Quan tòa liền chịu, nhứt diện sai người đi khiên bòn đá, nhứt diện lo xử qua việc khác mà đợi.

Đến khi xử hết các vụ rồi, gần hết giờ xử, mà chưa thấy sắp đi khiên đá trở về, thì tòa biết đợi bao lâu nữa? Tên Ê-Rơ nghe vậy mới cười xòa mà nói rằng: « Dầu cho thượng-quan bẽn lòng ngồi đó mà đợi đến ngày mai đi nữa, thì cũng chưa có viên đá ấy về đến đây đây, bởi nó ở xa đây hơn sáu dặm và đem ít nữa là mười lăm người đến xô nó, thế khi chưa nhứt nhứt, huống sai có mấy đứa đó mà làm gì cho nổi. » Gia-đi nghe vậy, thì lấy làm đật chí vô cùng, bèn la lớn lên rằng: « Tôi đã thưa với quan tòa rằng có viên đá làm chứng, nay người này biết viên đá ở đâu thì nghĩa là va chịu rằng bạc ấy có đem tại trên viên đá mà cho mượn rồi đó. »

Lão Ê-Rơ bẽn ghen hòng, không phương chối cãi chi nữa. Quan tòa đã rõ ngay gian, thì lấy làm giận lão Ê-Rơ lắm; nên truyền bắt lão đem đến viên đá ấy mà trối cứng vô đó, chừng nào có bạc trả đủ, thì mới mở dây. Nhờ vậy mà chẳng bao lâu Ê-Rơ chạy đủ năm trăm lượng bạc đem thối, hườn cho Xê-Tốc hằng hỏi.

Trong xứ Á-Rập, từ đó ai ai cũng biết danh Gia-đi là tay thượng trí thật.

(Sau tiếp theo)

Bá-Trang

Tổng phê : Mạnh-tử viết; Hiền giả dĩ kỳ chiêu chiêu, sử nhưn chiêu chiêu (Người hiền lấy đức tánh sáng láng của mình làm gương khiến người trao đổi đức tánh sáng láng theo) Gia-đi đã tần phú quý mà đến lúc mắc nạn phải làm mọi người chỉ khí không dờ dỗi mà lại khiến cho người mang mạch phục tùng mình, tôn trọng mình, tình cảnh ấy, địa vị ấy có phải dễ đâu? Gia-đi thiệt hiền vậy thay !

Lục-hà tâu.



THƯỢNG ĐẲNG DƯỢC PHÒNG

G. RENOUX

NHỨT HẠNG BÀO-CHÊ-SU

Ở ngang nhà hát tây — Saigon

Tiệm cũ của ông **HOLBÉ** và **RENOUX**

Y-khoa dược liệu đủ thứ. Vật liệu
để bào chế thuốc, Vật liệu để dùng
chụp hình, Đồ tiện dùng cho người
Langsa và người ngoại-quốc, Đồ phụ
tùng cho nhà bào chế thuốc, Đồ phụ
tùng về máy chụp hình, Kiên và giấy
để chụp hình, Đồ để dùng bó rịt. Dầu
thơm thượng hạng đủ thứ. Dầu mắng
(Bạc-hà) thượng hạng.

Thuốc nước hiệu R. để dùng mà bỏ nha phiến của ông
Holbé chế ra.

Như vị nào có mua thuốc của Thượng-đẳng Dược-phòng
G. Renoux thì phải nài cho có cái nhãn hiệu **Xích-long**
(con rồng đỏ).

P. S. — Nếu vị nào có gởi thư xin tài nhà Thượng-đẳng
Dược-phòng **G. Renoux** sẽ gởi cho không một cuốn *Dược-*
tánh lược biên có chỉ rõ cách dùng các thứ thuốc.

CÂNTHO

Đấu giá

Ngày 27 Septembre, 1918 chín giờ ban mai, sẽ đấu giá tại Toà
Bố Cánhtho đặng làm công việc sau đây.

1° Sửa ba cái cầu bê dài 8 thước tây, 13 thước tây và 24 thước
tây tại Trà-ôn.

Định giá trước lối chừng..... 1000\$00.

2° Lót gạch chợ Trà-ôn lại và làm ba cái cống bê miệng trong
Om50 tại Trà-ôn.

Định giá trước lối chừng..... 1805\$00

Cantho, le 17 Septembre 1918

Cáo-thị

TẠO TÁC CUỘC

Lời rao cho nhơn dân đặng hay :

Đến ngày thứ năm 31 Octobre 1918, mười giờ ban mai, tại
phòng quan trưởng sở Tạo tác trong Nam-kỳ, trước mặt một
hội hủ-viên, sẽ có đấu giá đặng mướn bỏ để kéo thùng nước
mà tưới các nẻo đường thuộc địa, đường quản hạt và đường
địa hạt-thuộc trong thành Saigon, trong tỉnh Giadinh và tỉnh
Cholon; Hạng đấu kể từ ngày 1^{er} Novembre 1918 cho đến ngày
31 Octobre 1921 thì mãn.

Tiền thế chừng tạm định là 300\$00

Tiền thế chừng thiệt định là 1300 quan¹langsa.

Người nào không thích thân dền đấu giá được thì đặng gửi
thư đến cho quan Trưởng sở Tạo-tác, Trong thư phải định

giả mình chịu đấu bao nhiêu, ngoài bao phải để cho biết rằng thơ đó thuộc về cuộc đấu giả đây, không đăng khai trước ngày đấu giả

Còn những giấy tờ thuộc về cuộc đấu giả đó và tờ xin đấu giả, thì lưu ký lại phòng thuộc đông quận. Người nào muốn đấu giả được đến đó mà coi mỗi ngày theo giờ làm việc, trừ ngày chúa nhật và ngày lễ ra mà thôi.

Saigon le 9 Octobre 1918.

Quan quyền quan trưởng sở Tào-tác.

Ký tên Bénabenq.

Sở Tào tác

LỜI RAO ĐẤU GIẢ

Định đến năm giờ chiều ngày 11 Septembre 1918, ai muốn thi đấu giả bỏ vào bao thơ gán keo lại rồi gửi đến cho phòng thuộc Nam quận sở Tào tác tại Saigon mà xin nạp những vật sau này.

1061 cây trụ bằng vấp, bề ngang 0.^m30.

Trong số ấy phải có 16 cây bề giải 7.^m00.

—	22	—	8 . 00.
—	4	—	9 , 00.
—	29	—	10 , 00.

20 Chín mươi lăm thước vườn đứng sáu trăm bốn mươi sáu tất vườn đứng 95.^m646, cây sao, đăng đủ làm ba cái cầu lối số 3+763.80, 5+02910 et 8.+05385 đường thuộc địa số 16 đi từ Saigon đến Camau đi ngang qua tỉnh Cantho và tỉnh Soc Trang chỗ thuộc về trong ngành tỉnh Mytho.

Thơ xin đấu giả sẽ khuới ra ngày 12 Septembre 1918, mười giờ trưa trước mặt một hội hủu viên.

Giá tiền mua các vật nói trên đây phỏng định là 7000\$,00.

Tiền thê chưng thiết định là 700f,00

Các giấy tờ thuộc về vụ đấu giá đây để tại phòng Nam quận sở Tạo-tác, ai muốn coi thì đến đó mà coi trong giờ làm việc trừ ngày chúa nhật và các ngày lễ.

Saigon, le 24 Août 1918.

Quan quyền quan trưởng sở Tạo-tác,

Ký tên Benabenq.

Lời rao đấu giá

TỈNH CHOLON

Bến ngày 16 Septembre 1918, chín giờ ban mai tại tòa bố Cholon; sẽ đấu giá, trước mặt một hội húy viên, muốn làm các công việc kể ra sau đây :

1o Làm cái dò tại Kinh-nước-mặng

Tiền tồn phí phỏng định là... 1200\$ 00

Tiền thê chưng tạm định là... 20 00

Tiền thê chưng thiết định là... 100f 00

2o Mua đá đồ đường địa hạt số 7

Giá mua phỏng định là... 3200 \$00

Tiền thê chưng tạm là... 53 00

Tiền thê chưng thiết là... 280 f 00

Giấy khai xin đấu giá và giấy tốt phải gửi cho quan tham biện Cholon mười ngày trước khi đấu giá.

Thơ định giá mình muốn đấu phải gửi cho quan tham biện Cholon có trễ gì thì 5 giờ chiều bữa trước ngày đấu giá cho tới, ngoài bao phải đề rằng thơ thuộc việc đấu giá và cấm xé bao trước khi mở cuộc đấu giá.

Còn các giấy tờ thuộc về việc đấu giá đây có lưu tại phòng đốc công tỉnh Cholon và tại phòng nhứt, buồng thứ ba dinh Hiệp-lý Nam-kỳ. Các người muốn đấu giá được đến đó mà xem giấy tờ trong giờ có làm việc mỗi ngày.

Sở kiểm sát cuộc tạo tác

QUẬN NGÃNH DALAT

Đường xe lửa Saigon, Khánh-hòa, Langbian

LỜI RAO ĐẤU GIÁ

Đến ngày 26 Octobre 1918, 9 giờ rưỡi ban mai, tại phòng đấu giá nơi sở hỏa xa ở Saigon trước mặt một hội bầy viên, sẽ đấu giá mà làm việc sau đây :

Cất một cái nhà tại Dalat cho người làm việc sở S.C.A.L. ở.

Tiền sở tồn trong việc làm đây phỏng định là 7208 \$ 78.

Tiền thế chung tam định là... 100 \$00

Tiền thế chung thiết định là 1000f. 00

Giấy khai đấu giá và giấy tốt phải gửi cho quan trưởng sở hỏa xa ở Saigon chứng kiến trước ngày 16 Octobre 1918.

Giấy chịu đấu giá phải làm y kiểu nói trong điều 4 lời ngbị 24 Octobre 1918, giấy đó phải gửi cho tới tay quan trưởng sở hỏa xa Saigon có trễ cho lắm thì chiều bữa trước ngày đấu giá cho đến.

Giấy tờ và kiểu vở về việc đấu giá đây, ai muốn coi thì đến tại phòng quan trưởng sở hỏa xa Nam quận Saigon, tại phòng quan trưởng quận ngánh Dalat và tại phòng phó quan trưởng sở làm nhà và cầu lộ tại Tourcham mà coi, sớm mai từ 8 giờ đến 10 giờ rưỡi, chiều từ 3 giờ đến 5 giờ, trừ ngày chúa nhật và ngày lễ ra mà thôi.

Saigon, le 20 Septembre 1918.

Nam quận hỏa xa quan trưởng,

ký tên H. Caville.

Kiểu xin đấu giá

Tôi (hay là chúng tôi nếu nhiều người :) là... làm nghề...
 ... ở tại..., tôi đã có coi tờ giao kèo và các giấy tờ thuộc
 về vụ đấu giá làm nhà cho người làm việc sở S.C.A.L. ở.
 Công việc ấy định tốn phí là 7308 \$ 87. Tôi bằng lòng làm y
 theo kiểu vở trên đó vì tôi có đọc hiểu rồi, tôi ưng sục cái giá
 định đó xuống mỗi trăm đồng là.....

Tôi khai biết các khoản trong lệ ngày 20 Janvier 1899 cũng
 là lệ nói về cuộc đấu giá đây.

Tôi lại hứa chịu các tiền sở tốn xin lục sao các giấy tờ trong
 vụ này và chịu tiền cò, tiền đóng bằng khoản giấy tờ ấy, nếu
 tôi đấu giá được.

Làm tại.....ngày.....

(ký tên).....

Sở Hoả-xa Nam-quận

LỜI RAO ĐẤU GIÁ

Đến ngày 26 Octobre 1918, chín giờ rưỡi ban mai, tại phòng
 đấu giá nơi sở Hoả-xa ở Saigon, trước mặt một hội húy viên,
 sẽ đấu giá mà mua vật sau đây cho sở Hoả-xa dùng.

Dầu nhót: Tiền thế chung tạm 100 \$ 00

Tiền thế chung thiệt mỗi trăm đồng đấu giá
 được thì 5 \$ 00.

Lời khai đấu giá và các giấy tốt phải gửi cho quan trưởng sở
 Hoả-xa Nam-quận chứng kiến mười ngày trước khi đấu giá.

Thư đấu giá được phép gửi cho quan trưởng sở Hoả-xa Nam-
 quận có trễ gì tới chiều bữa trước ngày đấu giá cho đến.

Bao thư ấy phải để cho biết thư đó thuộc về vụ đấu giá đây
 và cấm xé thư trước khi mở cuộc đấu giá.

Còn giấy tờ về vụ đấu giá đây lưu ký tại phòng quan trưởng sở Hỏa-xa Nam-quận Saigon, ai muốn thì đến đó mà coi, buổi mai từ 8 giờ đến 10 giờ rưỡi, buổi chiều từ 3 giờ tới 5 giờ, trừ ra ngày chúa nhật và ngày lễ ra.

Thứ dầu nào mình muốn bán đây phải nạp mỗi thứ mỗi ít cho sở Hỏa-xa coi một tháng trước khi đấu giá.

Saigon, le 19 Septembre 1918.

Quan trưởng sở Hỏa-xa Nam-quận
Ký tên Caville.

Kiểu đơn xin đấu giá

Tôi (hay là chúng tôi nếu có nhiều người) làm.....ở tại...
.....tôi có coi tờ giao kèo và các giấy tờ thuộc về vụ đấu giá mua dầu nhớt, tôi hứa chịu nạp dầu ấy y theo các khoản định trong tờ giao kèo, tôi đành đòi giá là.....

Tôi khai rằng có biết rõ các khoản định trong lời nghị ngày 31 Décembre 1899 là lời nghị cũng định đặt về vụ này.

Tôi lại hứa chịu các số tiền xin sao lục tờ giao kèo, tờ vi bằng đấu giá và tiền cò, tiền đóng bằng khoán giấy tờ ấy, nếu tôi đấu giá được.

Làm tại.....ngày.....

(ký tên)

Cáo thị

Sở kiểm sát việc Tạo-tác

QUẬN DALAT

Đường xe lửa Saigon, Khánh hòa, Lang-bian

Lời rao cho nhơn dân đăng hay :

Ngày thứ ba 5 Novembre 1919, chín giờ rưỡi ban mai, tại phòng đấu giá nơi sở Hỏa-xa ở Saigon, sẽ đấu giá, trước mặt một hội hủ-yên, đăng mướn cất một cái xưởng để xe tờ xe hơi của sở S. C. A. L.

Các hạng tiền sở tồn làm xưởng ấy phỏng định là 7145 \$ 90.

Tiền thế chung tạm định là 100\$00

Tiền thế chung thiệt định là 1000f. 00

Người nào ý muốn đấu giá ấy phải làm khai và đính theo những giấy tốt chi rồi gửi cho quan trưởng sở Hoả-xa quận Nam, chứng kiến trước ngày 25 Octobre 1918.

Những giấy đấu giá phải làm y theo điều 4 lời nghị ngày 24 Octobre 1918. Như ai chẳng đích thân đến đấu giá thì có phép gửi thư cho quan trưởng sở Hoả-xa quận Nam tại Saigon, thư ấy phải định giá mình chịu đấu, và phải gửi đến cho vị quan trưởng đó ít nữa trước ngày đấu giá.

Còn những giấy tờ, kiểu vở thuộc về cuộc đấu giá đó có lưu ký tại phòng quan trưởng sở Hoả-xa quận Nam ở Saigon, tại phòng quan trưởng quận Dalat ở Dalat và, tại phòng phó quan trưởng sở kiểu lộ và làm nhà ở Tourcham. Ai muốn đấu giá được phép đến đó mà coi mỗi ngày từ 8 giờ đến 10 giờ rưỡi và từ 3 giờ đến 5 giờ ban chiều, duy trừ ngày chúa nhật và mấy ngày lễ chẳng đáng coi mà thôi.

Saigon le 8 Octobre 1918.

Quan trưởng sở Hoả-xa Nam-quận,

Ký tên A. Caville.

Kiểu giấy xin đấu giá

Tôi (hay là chúng tôi) ký tên dưới đây là (tên họ) ở tại (chỉ rõ chỗ ở). Tôi có coi các giấy tờ thuộc về cuộc đấu giá cất một cái xưởng để xe tờ xe hơi của sở S. C. A. L. giá tồn phí phỏng định là bảy ngàn một trăm bốn mươi lăm đồng chín cật (7145 \$ 90). Tôi chịu và hứa làm xưởng ấy theo tờ giao kèo chiếu giá có đính theo đây, tôi bằng lòng làm theo giá ấy song mỗi trăm đồng tôi chịu hạ xuống. (mấy đồng.)

Tôi lại có coi biết các điều khoản trong lệ ngày 20 Janvier 1899 là lệ cũng định đoán về việc làm ấy:

Việc trả tiền định trả tại. . . . (tại đâu)

Tôi lại hứa chịu trả tiền gửi tờ giao kèo, tiền gửi tờ định giá đấu, tiền gửi tờ phỏng định việc làm, tờ vi bằng về việc đấu giá, các tiền cò, tiền đóng bằng khoán các giấy tờ, nếu tôi đấu giá được.

Làm tại.....ngày.....
(ký tên)

TỈNH RACHGIA

Lời rao đấu giá

Ngày 18 Novembre 1918, chín giờ ban mai, tại tòa-bố Rachgia sẽ mở cuộc đấu giá có niêm phong về việc lãnh chịu cơm tội.

Tiền phỏng định.....	6000 \$
Tiền thế chùng tạm.....	150 \$
— — — — — thiệt.....	750 quan

Chương trình về cuộc đấu giá này đề tại 1^{er} Bureau (3^e section) dinh Hiệp-lý Nam-kỳ tại Saigon và tại tòa-bố Rachgiá, người người đều được đề xin coi.

SỞ TẠO-TÁC QUẬN NAM-KỲ

Lời rao đấu giá

Định đến 10 giờ trưa ngày 7 Novembre 1918 thì giức việc thầu các giấy tờ kiều vỡ của người nào muốn đấu giá chịu làm cho nhà nước hai cái đồ máy để chạy ngan sông Hậu-giang, đường thuộc địa số 16 lối Vinhlong qua Cantho.

Các giấy tờ ấy sẽ có một hội hủ-viên xét. Trong hội đó có :
Quan trưởng sở Tạo-tác quận Nam-kỳ, làm đầu :

Một vị quan thay mặt cho quan Nguyên-soái Nam-kỳ, làm phải viên.

Một quan bác vật sở Tào-tác, có lệnh quan trưởng sở ấy sai, làm phái viên.

Một quan Đốc công sở Tào-tác có lệnh quan trưởng sở Tào-tác sai, làm phái viên.

Tiền thế chứng tạm định là 870 \$ 00)

Tiền thế chứng thiệt định là 5220 f. 00

Những giấy khai xin dự cuộc đấu giá đây và giấy tốt phải gửi đến cho quan trưởng sở Tào-tác quận Nam-kỳ trước ngày 30 Octobre 1918.

Người nào đi chẳng đăng thì có phép gói giá đấu và các giấy tờ của mình trong thơ niêm keo lại rồi gửi thẳng cho quan trưởng sở Tào-tác quận Nam-kỳ trước ngày 7 Novembre 1918, mười giờ ban mai

Các giấy tờ trong vụ đấu giá đây lưu ký tại phòng quan trưởng sở Tào-tác quận Nam-kỳ, ai muốn dự cuộc đấu giá được đến đó mà xin coi từ 8 giờ tới 11 giờ trưa và từ 2 giờ rưỡi tới 5 giờ rưỡi chiều trừ ngày chúa nhật và ngày lễ mà thôi.

Saigon le 4 Octobre 1918.

Quan trưởng sở Tào-tác quận Nam-kỳ,
Ký tên Bénabenq.

Kiểu giấy xin đấu giá

Tôi (hay là chúng tôi) ký tên dưới đây ở tại.....
(có đi thế mặt cho ai thì nói) tôi đã rõ các giấy tờ, và tờ giao kèo về vụ chịu và chịu làm hai cái đò máy qua sông Hậu-giang tại Cantho.

Tôi chịu và hứa làm y theo kiểu vớ định theo tờ giao kèo, tôi có đọc rồi, lại tôi chịu tuân theo thể lệ về việc Tào-tác định trong lời nghị ngày 20 Janvier 1899, tôi có biết rồi.

Tôi xin định giá là.....Tôi hứa chịu trả các số tiền xin sao các tờ giấy và tiền cò, tiền đóng bằng khoán giấy tờ ấy, nếu tôi đấu giá được.

Làm tại.....ngày.....
(ký tên)

Sở kiểm sát cuộc Tào-tác

SỞ HỎA-XA NAM-QUẬN

Đường xe lửa Saigon, Khánh-hòa, Langbian

LỜI RAO ĐẤU GIÁ

Đến ngày 27 Novembre 1918, 9 giờ rưỡi ban mai, tại phòng đấu giá nơi sở hỏa-xa ở Saigon trước mặt một hội hủy viên, sẽ đấu giá mà làm việc sau đây :

Chi phí về cuộc lãnh làm.....	16.215 \$ 28
Tiền lãnh trước.....	4.784. 72
	21.000. 00

Tiền thế chung tạm định là.....	270 \$ 00
Tiền thế chung thiệt định là.....	2500 quan

Giấy khai đấu giá và giấy tốt phải gửi cho quan trưởng sở hỏa-xa ở Saigon chứng kiến trước ngày 17 Novembre 1918.

Giấy chịu đấu giá phải làm y kiểu nói trong điều 4 lời nghị 24 Octobre 1908, giấy đó phải gửi cho tới tay quan trưởng sở hỏa xa Saigon có trễ cho lắm thì chiều bữa trước ngày đấu giá cho đến.

Giấy tờ và kiểu vở về việc đấu giá đây, ai muốn coi thì đến tại phòng quan trưởng sở hỏa xa Nam quận Saigon, tại phòng, quan trưởng quận ngành Dalat và tại phòng phó quan trưởng sở làm nhà và cầu lộ tại Toureham mà coi, sớm mai từ 8 giờ đến 10 giờ rưỡi, chiều từ 3 giờ đến năm giờ, trừ ngày chúa nhật và ngày lễ ra mà thôi.

Saigon, le 26 Octobre 1918.
Nam quận hỏa xa quan trưởng,
Ký tên H. Caville.

Kiểu xin đấu giá

Tôi (hay là chúng tôi nếu nhiều người :) là.....làm nghềở tại....., tôi đã có coi tờ giao kèo và các giấy tờ thuộc về vụ đấu giá lãnh cất phòng làm việc S. C. A. L. và nhà ở. Công việc ấy định tốn phí là 16215 \$ 28. Tôi bằng lòng làm y theo kiểu vở trên đó vì tôi có đọc hiểu rồi, tôi ưng sục cái giá định đó xuống mỗi trăm đồng là.....

Tôi khai biết các khoản trong lệ ngày 20 Janvier 1899 cũng là lệ nói về cuộc đấu giá đây.

Tôi lại hứa chịu các tiền sớ tổn xin sao lục các giấy tờ trong vụ này và chịu tiền cò, tiền đóng bằng khoán giấy tờ ấy, nếu tôi đấu giá được.

Làm tại.....ngày.....

(ký tên).

SỞ TẠO-TÁC

Lời rao đấu giá

Từ nay cho đến 5 giờ chiều ngày 13 Novembre 1918, sẽ thâu chấp các đơn xin đấu giá có niêm phong tại sở tạo-tác Nam-kỳ về việc lãnh chịu và làm bờ ngoài hàng ba, đá lót đường nước, tấm sắt, lưới ống nước và than nhỏ bằng sắt dạng thăm chùng đường nước tại nhà giấy xe lửa Saigon (Place Eugène Cuniac).

Tiền phỏng định về các cuộc này là.. 7105 \$ 30

Đơn xin đấu giá thì phải gộp lại một lần, tùy theo giá định trong chương-trình mà nộp thêm hoặc bớt.

Sẽ khai đơn xin đấu giá ra 10 giờ sớm mai ngày kể đó là 14 Novembre trước mặt hội hủy viên thường.

Đơn xin đấu giá phải làm bằng giấy tin chỉ làm y theo kiểu định ; mà lại phải ghim theo một cái biên lai đóng tiền thế chùng tạm là 120 \$ 00.

Tiền thế chùng thiệt định là 900 quan

Các giấy thuộc về cuộc đấu giá này để tại sở Tạo tác (Arrondissement de l'Est), người người đều được đến xin coi.

Saigon, le 25 Octobre 1918.

L'Ingénieur en chef.

Signé : Cazenave.

BÁ NHÃN TRUYỀN

của ông Huỳnh-thúc-Mậu, ở Lập-vò (Longxuyên) soạn

Trong quyển Bá-Nhân này có một trăm điều của thánh hiền xưa làm gương tốt vì bền lòng nhịn-nhục việc nhỏ rồi sau được nên việc lớn. Đồng-bang nên mua để trong nhà cho con cháu đọc cho thường, cũng là một phương tiện nhẹ bót cho cha mẹ trong phần giáo dục con cháu.

Có bán tại nhà in,

J. VIẾT

N. 59, rue d'Ormay Saigon và các nhà bán sách khác.

Giá mỗi quyển. 0\$50

Tiệm khắc con dấu bằng đồng và bản đồng

TANG-VAN-PHA

49, Rue d'Espagne, 49

SAIGON

Tiệm bán nón và giày theo kiểu Langsa

LIÊU-HIÊN

51, Rue d'Espagne, 51

SAIGON

ĐẠI-VIỆT TẬP CHÍ

IMPRIMERIE DE L'UNION

Lê-van-Nghi và Đinh-thai-Son dit Phat-Toan

NGUYỄN-VĂN-CỬA chủ nhơn

157, Rue Catinat, 157 Saigon

Nhà in này là một nhà in lớn trong Đông-dương có lãnh chịu sách, sổ, giấy, mực cho các sở Nhà-nước, có bán đủ đồ dùng về thơ-phòng, sách chữ tây, thơ, tuồng, truyện chữ quốc-ngữ, in nhứt trình, in sách, sổ, danh thiếp, thiếp mời đám cưới, đám tang. Bán buôn mau mảng. Như ai ở xa gởi thơ đến mà thương nghị việc chi hoặc đặt món chi, lập tức kỳ tàu kế có trả lời.

XUÂN-LAN

Au bonheur des Saigonnaises

Ở gần nhà giấy Saigon-Cholon (route haute)

Ngang Chợ mới, đường Latérale Sud, môn bài số 21

Kính cáo cùng Lục-châu Quý-khách: tôi mới lập thêm một tiệm, hiệu « XUAN-LAN au bonheur des Saigonnaises », tại Chợ mới Saigon, gần nhà giấy xe lửa vô Cholon, đường Latérale Sud, môn bài số 21.

Có bán đủ thứ vải-bô, tơ-lụa tàu và bắc; có may áo quần Annam và theo kiểu Langsa, nhứt là con nít, như: áo, mào giấy, vớ, làm nhiều kiểu đẹp-đẽ và khéo-léo.

Có bán đủ đồ phụ tùng trong khi rửa mặt: dầu thơm, phấn dỗi, nước súc miệng, phấn chùi răn, vân vân.

Lại cũng bán các vật dùng tại Bắc-kỳ, đồ bằng đồng, đồ mạ bạc, đồ cảo Xa-cừ, nón, giày dép v.v.

Xin nhờ Quý-Bà, Quý-Cô chiếu-cổ, thừa lúc nhân du, ghé lại XUÂN-LAN, xem chơi, thì tôi đội ơn.

PHÁT LỢI

Quai de Belgique, Saigon.

MINH THÀNH HÒA

Tiệm làm bán đồ nữ-trang

M. NGUYỄN-V-LẠC dit **BẦY-KHỎE**, chủ tiệm

23, rue Schrœder Saigon, Téléphone n° 295

Trước bốn năm nay thợ bạc Annam hay ở chỗ khuất tịch chớ không có dọn tiệm giữa chôn phiên ba coi cho kinh dinh như thợ bạc Langsa và Khách-trú vậy. Duy có M. Nguyễn-văn-Lạc nầy bày dọn ra một tiệm thợ bạc hiệu là *Tân-hiệp-Thành*, n° 148, rue des Marins Cholon, téléphone n° 381, chừng dọn hực hờ, như tiệm thợ bạc Langsa ; từ ấy cuộc thợ bạc tân phát lắm, sau M. Nguyễn-văn-Lạc lại lập thêm một tiệm nữa tại chợ Saigon hiệu là *Minh-thành-Hòa*, môn bài số 23 đường Schrœder, đây thép nói số 295, cuộc buôn bán lại càng thanh mậu thêm vì là đồ nữ-trang hai tiệm nầy nhiều kiểu khéo lạ, chần chần và vàng y, nên mấy bà có lòng tin cậy mới dặng nên cuộc như thế. Vậy chừ quý-bà, quý-cô có cần dùng đặt đồ, hoặc mua nữ-trang xin đến hai tiệm nầy thì chắc khỏi lầm và đồ thiệt rất nên kỳ-xảo.

NGUYỄN-THÊ-NGỌC

Chủ vừa cá

Quai de Belgique Cầu-ông-Lãnh

SIAGON

TÂN HUÊ VĨNH PHÁT

No 134, rue Latérale Nord, ngang nhà giầy xe lửa lớn Saigon

TIỆM MAY VÀ BÁN HÀNG

Thợ may chắc chắn, khéo và tính giá rẻ.

Có bán hàng Bắc, hàng Tàu và đủ đồ nhứt-dụng trong nhà.

Nhơn chừ Quí-bà, Quí-ông đi đường, trong lúc chờ xe lửa, ghé vào tiệm trước nghỉ chơn, sau muốn đặt may đồ chi, hoặc mua món chi của tiệm, dầu trong tiệm có thuê đồ thì vợ chồng chủ tiệm là người rất vui vẻ mau mẫn, cũng tính cho đẹp ý mỗi hàng.

GRAND HÔTEL DE FRANCE

PHÁP-VIỆT-KHÁCH-LÂU

157, Rue Catinat, Saigon

NGUYỄN-VĂN-CỬA Chủ-nhơn

Phòng ngủ rộng rãi sạch sẽ, sắp đặt nghiêm trang đủ đồ dùng rất thuận tiện cho khách, Boy bạn dễ sai khiến, mỗi mỗi đều vừa ý khách mà giá phòng lại rẻ.

NAM-HÔNG-PHÁT

KHÁCH SẠN

ở đường Boulevard Bonnard, số 106, ngang Gave xe lửa nhỏ
Saigon-Govap, tại chợ mới Saigon

Bán rượu tây và sữa xe máy, đèn essence và đèn alcool.
Có cho mượn phòng ngủ sạch sẽ rộng mát, giá rẻ.
Quý-quan, Quý-khách ở xa muốn mua bất cứ vật chi thì tôi mua
niệm kỷ lưỡng gửi tới chỗ ở mấy ông.

HUỲNH-HUỆ-T.

Trường tổng Chợ mới

Tổng Định-hòa (Longxuyén)

Kính thưa cùng quý khách dặng hay, tại trường
chúng tôi có dệt hàng, bề khổ bảy tấc tây (0m70) mỗi
cây là hai mươi thước Langsa, dệt đồ trơn, như lụa
Hố-la, Cẩm-tự. Huân đây chúng tôi sẽ dệt thứ hàng
Demi-tussor.

Xin bạn đồng-bang giúp sức cho bốn trường lập
nên nghiệp cả là chỗ Ích-lợi chung.

Nguyễn-hữu-Chương,
tự Đình-Châu.

BANQUE INDUSTRIELLE DE CHINE
TRUNG-PHÁP THIẾT-NHIỆP NGÂN HÀNG

Hội nặc danh vốn 45 triệu quan

HỘI-TRƯỞNG HỘI-ĐỒNG CAI-QUÂN : ÔNG ANDRÉ BERTHELOT
Đại Tổng-lý : ÔNG A. J. PERNOTTE

Hội quán tại Paris, đường Saint-Lazare, môn bài số 71

Tổng cuộc tại Bắc kinh
Ngành tại Thượng-hải, Thiên-tân, Hương-cảng và Saigon

Có đặt người thông tin
cùng các nơi thương trường trong thế giới

Ngân hàng thì là :

Tại Pháp-quốc : Hội đề mã khai phát thương cổ và công-nghệ
Tại Luân-đôn : Hội London County & Westminster Bank L^d
Tại Niuen-do : Ông Redm nđ và Công-ty.

Ngành tại Saigon :

Mé sông Belgique, môn bài số 8 và đường Adran, môn bài số 2

Lãnh :

Đổi gửi tiền bạc theo ngân-hàng, nếu tính theo bạc đồng
thì tiền lời hai ly.

Nếu tính theo quan tiền Langsa (Gửi về Pháp-quốc) thì lời
hai ly rưỡi.

Đem tiền đến gửi, hoặc tính theo bạc đồng, hoặc tính theo
quan (phải hỏi mới nói số tiền lời).

Tiền gửi có định chắc ngày lấyra (phải hỏi mới nói số tiền lời)

Lãnh giấy của các nhà mua bán mà trả bạc hoặc đổi ba

Lãnh bán giấy nợ, giấy lãnh bạc hay là đánh giấy thép mà
sang giấy ấy cùng mấy thương trường lớn.

Lãnh gửi giấy mua bán theo Thiên-thị với mấy thương
trường lớn.

Cho vay có thể chứng hàng hóa và bằng khoán.

Tổng lý, A. BERTHIER.

Village 1500 exemplaires.

Saigon, le 20 novembre 1912

[Signature]

